

**ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM**

TRIỆU THỊ CHUYÊN

**HÌNH TƯỢNG NGƯỜI PHỤ NỮ
TRONG TRUYỆN NGẮN CỦA NGUYỄN NGỌC TU
VÀ LE CLÉZIO**

**LUẬN VĂN THẠC SĨ
NGÔN NGỮ VÀ VĂN HÓA VIỆT NAM**

THÁI NGUYÊN - 2017

**ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM**

TRIỆU THỊ CHUYÊN

**HÌNH TƯỢNG NGƯỜI PHỤ NỮ
TRONG TRUYỆN NGẮN CỦA NGUYỄN NGỌC TU
VÀ LE CLÉZIO**

Chuyên ngành: Văn học Việt Nam

Mã số: 60 22 01 21

**LUẬN VĂN THẠC SĨ
NGÔN NGỮ VÀ VĂN HÓA VIỆT NAM**

Người hướng dẫn khoa học: TS. Nguyễn Thị Thắm

THÁI NGUYÊN - 2017

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của cá nhân tôi. Các nội dung nêu trong luận văn là kết quả làm việc của tôi và chưa được công bố trong bất cứ một công trình nào khác.

Người viết luận văn

Triệu Thị Chuyên

LỜI CẢM ƠN

Tôi xin bày tỏ lòng biết ơn chân thành và sâu sắc tới TS. Nguyễn Thị Thắm - người đã tận tình hướng dẫn, động viên, tạo điều kiện tốt nhất cho tôi trong suốt quá trình thực hiện luận văn này.

Tôi xin chân thành cảm ơn các thầy cô giáo, cán bộ khoa Ngữ Văn, đặc biệt là các thầy cô đã nhiệt tình giảng dạy khoá 23 chuyên ngành Văn học Việt Nam, các cán bộ khoa Sau đại học trường Đại học Sư phạm Thái Nguyên đã dạy dỗ, tạo điều kiện cho tôi trong quá trình học tập.

Tôi vô cùng cảm ơn sự quan tâm và ủng hộ của gia đình, bạn bè. Đó chính là nguồn động viên tinh thần rất lớn để tôi theo đuổi và hoàn thành luận văn này.

Người viết luận văn

Triệu Thị Chuyên

MỤC LỤC

Lời cam đoan	i
Lời cảm ơn.....	ii
Mục lục	iii
MỞ ĐẦU	1
1. Lí do chọn đề tài	1
2. Lịch sử vấn đề.....	2
3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu	8
4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu	9
5. Phương pháp nghiên cứu	9
6. Đóng góp của luận văn	10
7. Cấu trúc của luận văn	10
NỘI DUNG	11
Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG	11
1.1. Nhà văn Nguyễn Ngọc Tư.....	11
1.1.1. Cuộc đời và sự nghiệp sáng tác	11
1.1.2. Tập truyện <i>Không ai qua sông</i>	14
1.2. Nhà văn Le Clézio	21
1.2.1. Cuộc đời và sự nghiệp sáng tác	21
1.2.2. Tập truyện <i>Những nẻo đường đời và những bản tình ca khác</i>	24
Chương 2: SỰ TƯƠNG ĐỒNG TRONG CÁI NHÌN CỦA NGUYỄN NGỌC TƯ VÀ LE CLÉZIO VỀ NGƯỜI PHỤ NỮ	31
2.1. Người phụ nữ có số phận cô đơn, bất hạnh	31
2.1.1. Các dạng thức nỗi cô đơn, bất hạnh của người phụ nữ	31
2.1.2. Cái nhìn xót xa, thương cảm.....	45
2.2. Người phụ nữ luôn khát khao hạnh phúc	50
2.2.1. Sự đa dạng của khát khao hạnh phúc ở người phụ nữ.....	50

2.2.2. Cái nhìn khích lệ, động viên.....	59
Chương 3: SỰ KHÁC BIỆT TRONG CÁI NHÌN CỦA NGUYỄN NGỌC TƯ VÀ LE CLÉZIO VỀ NGƯỜI PHỤ NỮ	68
3.1. Người phụ nữ trong tập truyện <i>Không ai qua sông</i>	68
3.1.1. Nguyên nhân khiến người phụ nữ bất hạnh	68
3.1.2. Thái độ cam chịu, bị động, chấp nhận bất hạnh của người phụ nữ.....	74
3.2. Người phụ nữ trong tập truyện <i>Những nẻo đường đời và những bản tình ca khác</i>	78
3.2.1. Nguyên nhân khiến người phụ nữ vất vả trên hành trình tìm kiếm hạnh phúc	78
3.2.2. Thái độ tích cực, chủ động nắm bắt cơ hội, tìm thấy hạnh phúc của người phụ nữ.....	84
KẾT LUẬN	90
TÀI LIỆU THAM KHẢO	92

MỞ ĐẦU

1. Lí do chọn đề tài

1.1. Nguyễn Ngọc Tư là một trong những nhà văn trẻ của Hội nhà văn Việt Nam. Trên văn đàn Việt Nam hiện nay, chị là một cây bút viết truyện ngắn xuất sắc. Mặc dù còn trẻ nhưng tên tuổi của chị đã tỏa sáng bởi nhiều tác phẩm đạt giải thưởng cao. Năm 2008, Nguyễn Ngọc Tư vinh dự đạt giải thưởng văn học ASEAN.

J M G. Le Clézio là một trong những gương mặt tiêu biểu của văn học Pháp từ nửa sau thế kỉ XX cho đến nay. Ông được mệnh danh là "nhà văn du mục", và từng được tạp chí *Lire* bình chọn là nhà văn đương đại lớn nhất nước Pháp. Với những đóng góp của mình cho nền văn học Pháp cũng như văn học thế giới, năm 2008, ông đã được vinh danh với giải thưởng Nobel về Văn chương. Đây không chỉ và niềm vinh dự của riêng cá nhân nhà văn mà còn là niềm tự hào của cả nước Pháp. Hai nhà văn thuộc hai quốc gia khác nhau đều đã có tên tuổi xứng đáng trong nền văn học dân tộc mình.

1.2. Theo đánh giá của My Lan trong bài viết *Không ai qua sông: Những mảnh đời u buồn miền sông nước* thì *Không ai qua sông* là một tập truyện "kể về những kiếp người nơi xóm nhỏ Nhơn Thành đầy biến động được thể hiện mềm mại qua giọng điệu thản nhiên, bông đùa qua mỗi tản văn của Nguyễn Ngọc Tư" [17]. Những người đàn bà trong văn của Nguyễn Ngọc Tư chưa một lần được hưởng hạnh phúc trọn vẹn. Người đọc dễ nhận thấy cái nhìn bi quan của tác giả. Nhưng có quá khứ mới có hiện tại và tương lai, những người phụ nữ đó vẫn yêu thương dù âm thầm. Thứ văn phong mượt mà, gieo rắc mùi vị phai tàn của chuyện kể đã qua. Từ đó nêu bật lên đức tính nổi bật không đâu có của người phụ nữ Việt Nam đi kèm dòng suy tư kỳ lạ.

Trong *Những nẻo đường đời và những bản tình ca khác*, Le Clézio khai thác sự khác biệt giữa các nền văn hóa, những cuộc phiêu du, nỗi cô đơn và hoài ức từ thuở ấu thơ đến khi trưởng thành của người phụ nữ, những nội dung đã

trở đi trở lại trong hầu khắp sáng tác của Le Clézio nhưng chưa bao giờ nhàm cũ. Le Clézio vốn được nhận xét là “*nhà văn của những khởi hành mới*”. Cái lưu động trong thế giới của nhà văn là sự lưu lạc của các nhân vật nữ và sự trôi dạt của cuộc đời họ. Các nhân vật nữ của ông, vì thế, luôn luôn lang thang vô định và âu lo kiếm tìm hạnh phúc ở một nơi nào đó, Mexico hay Pháp.

1.3. Viết về người phụ nữ không phải là vấn đề mới mẻ trong văn học Việt Nam hay văn học Pháp nói riêng và văn học thế giới nói chung. Hình tượng người phụ nữ trong văn học xưa nay luôn là biểu tượng cao nhất của cái đẹp, của số phận đầy bi kịch... Các nhà văn phản ánh số phận bất hạnh cũng như niềm khao khát hạnh phúc của họ cũng chính là thể hiện quan niệm về vấn đề nữ quyền hay đòi hỏi quyền bình đẳng giới. Đó là vấn đề mang tính toàn nhân loại. Tác phẩm của hai nhà văn đã góp thêm tiếng nói ấy trong việc thể hiện thân phận người phụ nữ và bênh vực họ, giúp họ có thêm nghị lực để đấu tranh cho hạnh phúc của mình.

Chính vì vậy, chúng tôi quyết định lựa chọn nghiên cứu đề tài ***Hình tượng người phụ nữ trong truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Tư và Le Clézio*** để có cái nhìn tổng hợp hơn về hai nhà văn tuy thuộc hai quốc gia khác nhau trên thế giới nhưng vẫn có những điểm chung và điểm riêng trong cách nhìn về người phụ nữ.

2. Lịch sử vấn đề

2.1. Các bài viết, công trình nghiên cứu về tác phẩm của Nguyễn Ngọc Tư

Là cây viết trẻ với bút lực dồi dào, sáng tác của Nguyễn Ngọc Tư luôn được đông đảo độc giả đón nhận, được các nhà phê bình, nghiên cứu quan tâm đặc biệt. Chính vì vậy, cho đến nay, bài viết và công trình nghiên cứu về Nguyễn Ngọc Tư có số lượng khá lớn. Từ khi xuất hiện trên văn đàn với tập truyện *Ngọn đèn không tắt* (giải Nhất cuộc thi Văn học tuổi hai mươi lần thứ hai năm 2000), Nguyễn Ngọc Tư đã khẳng định được tài năng và giọng văn riêng khó lẫn của một nhà văn đất Mũi. Nhiều nhà nghiên cứu, phê bình và độc giả biết đến chị như một hiện tượng độc đáo: Một nhà văn nữ trẻ đậm chất Nam

Bộ. Tập truyện đầu tay tạo nên hiệu ứng đọc, trong đó có nhận xét đáng chú ý của nhà văn Huỳnh Kim: *“Đọc tập truyện “Ngọn đèn không tắt” đoạt giải thật là thích vì văn chương sâu sắc mà dung dị, tinh tế mà lại tràn trề ánh sáng của người dân Nam Bộ trong khi tác giả mới 24 tuổi. Với tôi, truyện của Nguyễn Ngọc Tư là những câu chuyện nhà quê. Ở trong đó, ai đọc, dù không hợp gu, cũng như tìm gặp được bóng dáng quê nhà của riêng mình”* [15].

Sau thành công của tập truyện đầu tay, Nguyễn Ngọc Tư tiếp tục cho ra mắt độc giả hàng loạt truyện khác, tiếng tăm của chị vang xa, khắp trong và ngoài nước. Chị được nhà văn Chu Lai đánh giá cao: *“Tôi là người đã bỏ phiếu bầu Nguyễn Ngọc Tư vào Hội Nhà văn, bỏ phiếu ủng hộ cô ấy trong nhiều giải thưởng. Nguyễn Ngọc Tư là một cây viết đặc biệt của miền Tây Nam bộ, một tài năng văn học hiếm có hiện nay của Việt Nam”* [16].

Với lòng ưu ái đặc biệt với tác giả miền Nam này, độc giả Trần Hữu Dũng - một Việt kiều Mỹ - đã lập riêng một trang web: <http://www.viet-studies.net/NNTu/> tổng hợp rất nhiều bài viết về tác giả, tác phẩm của Nguyễn Ngọc Tư. Tiêu biểu là những bài viết: *Nguyễn Ngọc Tư, đặc sản miền Nam* (Trần Hữu Dũng), *Cái rầu bất tận của Nguyễn Ngọc Tư* (Kiệt Tấn), *Lời đề từ trong truyện ngắn Nguyễn Ngọc Tư* (Phạm Phú Phong), *Nghệ thuật xây dựng nhân vật của Nguyễn Ngọc Tư qua truyện ngắn Cánh đồng bất tận* (Trần Thị Dung), *Phong cách truyện ngắn Nguyễn Ngọc Tư nhìn từ phương diện nghệ thuật về con người* (Nguyễn Trọng Bình), *Bà già đi bụi - Thêm một truyện ngắn hay của Nguyễn Ngọc Tư* (Tô Hoàng) [38]... Trong bài viết của chính chủ web thì Nguyễn Ngọc Tư được đánh giá là *“đặc sản miền Nam”* và có nhận xét khá xác đáng về văn của chị Tư Cà Mau: *“Chính vì Nguyễn Ngọc Tư còn trẻ, cô nhìn cuộc sống bằng cặp mắt trong sáng (khác với lạc quan) và trung thực. Cô không giả vờ dằn vặt nội tâm như nhiều nhà văn (không chỉ ở Việt Nam) ham đòi thời thượng. Nhưng Nguyễn Ngọc Tư không ngây thơ “chuyện đời”. Cô nhìn, cô nghe, cô biết hết. Nguyễn Ngọc Tư là một chứng nhân trung thực*

và tinh nhạy. Không phải chứng nhân cho những vụ việc hung hăng, thô bạo, nhưng cho những mảnh đời đơn dị, bình thường. (Truyện Nguyễn Ngọc Tu không có người lừa đảo, không có kẻ sát nhân. Có lẽ trong truyện của cô cái tội lớn nhất là tội ... ngoại tình). Nếu lúc gần đây truyện của Nguyễn Ngọc Tu có “buồn” hơn, ấy không phải vì mắt cô đã nhạt đi màu hồng (hãy mong thế), nhưng vì tầm nhìn của nó xa hơn và, trong quăng không gian mở rộng đó, cô thấy thêm những chuyện đời dang dở. Cô không buồn hơn, nhưng lọt vào mắt cô là những mảng đời buồn hơn” [5]. Đây là lời nhận định rất đúng với chất văn Nguyễn Ngọc Tu. Bởi truyện ngắn của chị có cốt truyện đơn giản, nhiều khi chỉ là ý truyện, những tản văn nhẹ nhàng như hơi thở nhưng đọc xong lại thấm thía vô cùng.

Tiếp tục tìm tòi và miệt mài viết, Nguyễn Ngọc Tu lại tiếp tục cho ra mắt độc giả tập truyện với nhiều tranh cãi cùng những nhận định trái chiều *Cánh đồng bất tận* (2005). Trong đó, lời phê bình của nhà thơ Hữu Thịnh - Chủ tịch Hội Nhà văn Việt Nam rất thỏa đáng: “*Đây là một tác phẩm văn chương chứ không phải bút kí hay phóng sự. Tác giả hoàn toàn có quyền hư cấu sáng tạo nhằm chuyển tải tốt nhất thông điệp nghệ thuật đến người đọc. Đảng và Nhà nước hoàn toàn tôn trọng quyền tự do sáng tạo của người nghệ sĩ. Đây chỉ là vấn đề ứng xử với một tác phẩm văn chương (...). Nguyễn Ngọc Tu là người tha thiết yêu quê hương, không lí gì cô lại có ý xúc phạm đến quê hương và những người dân xung quanh mình*” [23]. Hay như trong tham luận ở “Hội nghị lí luận, phê bình văn học” lần thứ II, Nguyễn Đăng Điệp đã khẳng định: “*Cánh đồng bất tận*” không chỉ là truyện ngắn xuất sắc của Nguyễn Ngọc Tu mà thực sự là một trong những truyện ngắn xuất sắc của văn học Việt Nam đương đại (Đừng lo Nguyễn Ngọc Tu còn quá trẻ mà ngại xếp loại, vì khi truyện ngắn này xuất hiện trên báo Văn nghệ, tác giả đã tròn ba mươi, so với Vũ Trọng Phụng khi viết *Giông tố*, *Số đỏ*...thì đã bắt đầu “già”!). Đông đảo các nhà văn tên tuổi đánh giá cao bước đi mới của Nguyễn Ngọc Tu trong việc

thay đổi cách khai thác và phản ánh hiện thực một cách dữ dội, khốc liệt như: Hữu Thịnh, Chu Lai, Dạ Ngân, Nguyễn Quang Sáng,... Bên cạnh những ý kiến đánh giá cao, *Cánh đồng bất tận* cũng bị không ít lời chỉ trích, phê bình, thậm chí tác giả của nó đã bị kiểm điểm nghiêm khắc và cần học tập nâng cao lí luận chính trị cũng như trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Những ý kiến trái chiều tỏ ra tiếc nuối cho một nhà văn với chất trong trẻo, ân tình đã mất đi thay vào đó là hiện thực trần trụi, khó chấp nhận vẫn tồn tại ở một xã hội chúng ta hiện nay. Tuy vậy, Nguyễn Ngọc Tư vẫn viết bằng tất cả tấm lòng, sự thôi thúc tự bên trong để cống hiến cho độc giả những sản phẩm nghệ thuật của mình. Mỗi truyện của Nguyễn Ngọc Tư vẫn là “*một bữa ăn văn chương thịnh soạn, dọn bày chu đáo, gồm toàn đặc sản miệt vườn, với những vật liệu hảo hạng, tươi sống*” [5]. Và “*Thế giới văn Nguyễn Ngọc Tư với những thân kiếp đàn bà lam lũ quần quanh vùng sông nước miền Tây Nam Bộ, (...)*” [5].

Tác giả Huỳnh Công Tín cũng có một loạt bài viết về tác phẩm Nguyễn Ngọc Tư, đáng chú ý hơn cả là: *Nguyễn Ngọc Tư - nhà văn trẻ Nam Bộ*. Ở bài viết này, tác giả đề cập đến tình cảnh gia đình nghèo, đến số phận buồn của những con người nhỏ bé, những nông dân chân chất với những ước mơ và cuộc sống hết sức bình dị đời thường rất đáng cảm thông, trân trọng, nhưng đôi khi cuộc đời nghiệt ngã cũng không cho họ được như ý, được toại nguyện.

Song song với những bài viết, ý kiến đánh giá về Nguyễn Ngọc Tư và tác phẩm của chị là những khóa luận tốt nghiệp, luận văn tìm hiểu về Nguyễn Ngọc Tư. Có thể điểm qua như: *Khám phá thế giới nghệ thuật truyện ngắn Nguyễn Ngọc Tư* (Vũ Thị Thu Hà - khóa luận tốt nghiệp 2006), *Truyện ngắn Nguyễn Ngọc Tư dưới góc nhìn văn hóa* (Nguyễn Thị Lan Hương - khóa luận tốt nghiệp) hay *Nhân vật trong truyện ngắn Nguyễn Thị Thu Huệ, Nguyễn Ngọc Tư và Đỗ Hoàng Diệu* (Lê Thị Tuyết - Luận văn thạc sĩ - 2010),... Đề tài của Lê Thị Tuyết đã tập trung nghiên cứu hình tượng nhân vật nữ trong truyện ngắn ba tác giả nữ đương đại, trong đó có Nguyễn Ngọc Tư.

Không ai qua sông là tập truyện mới ra mắt độc giả vào tháng 02 năm 2016 của Nguyễn Ngọc Tư. Do đó, mới chỉ có một vài bài giới thiệu cuốn sách của nhà xuất bản, lời giới thiệu sách của tác giả và bài viết *Không ai qua sông - Bi kịch cô dâu Việt qua ngòi bút Nguyễn Ngọc Tư* (31/03/2016 - Đẹp Online), theo *VietnamPlus*. Trong cuốn sách, Nhà xuất bản Trẻ giới thiệu: “*Một xóm Nhơn Thành hư hư thực thực... người chết và người sống, bằng cách nào đó, sẽ song hành cùng nhau. Một xã hội thu nhỏ, với lòng tham, thù hận và sức phản kháng... Tất cả được kể bằng giọng điệu thản nhiên và bông lơn. Sự dữ dội của câu chuyện cứ tăng dần cho đến lúc người đọc khép sách lại*” (bìa 4) [34]. Chính Nguyễn Ngọc Tư cũng viết “*Chuỗi truyện về những con người không biết và không muốn buông bỏ. Sống và chết trong sân hận, vương bận, cùng với những tổn thương, sang chấn không sao nhìn thấy bằng mắt thường*”. Và: “*Thuyền đã sẵn, nhưng không ai qua sông*” [17]. Bài viết *Không ai qua sông - Bi kịch cô dâu Việt qua ngòi bút Nguyễn Ngọc Tư* (31/03/2016 - Đẹp Online) thể hiện nỗi ám ảnh độc giả bởi bi kịch của một cô gái lấy chồng Hàn Quốc, ra đi rạng ngời, giòn giụa mà khi về chỉ là nắm tro nguội lạnh trong giỏ của người mẹ...

Qua những bài viết và các bài nghiên cứu về Nguyễn Ngọc Tư ta thấy chị là một nhà văn nữ trẻ có tài năng sáng tác văn chương. Văn của chị có giọng điệu riêng, khó lẫn, mang đậm chất con người Nam Bộ. Trong các sáng tác của mình, Nguyễn Ngọc Tư đặc biệt quan tâm đến người phụ nữ với số phận đầy bi kịch. Tập truyện *Không ai qua sông* mới nhất của chị thể hiện rõ nét mối quan tâm này khi hầu hết các nhân vật chính của truyện đều là nữ. Đó chính là những gợi ý quan trọng để chúng tôi thực hiện đề tài này.

2.2. Các bài viết về Le Clézio

Le Clézio, một nhà văn nổi tiếng người Pháp không mấy xa lạ với độc giả Việt Nam. Tại Pháp, “*Le Clézio và những tác phẩm của ông đã là đề tài nghiên cứu của 21 cuốn sách và 29 luận án cao học và tiến sĩ (riêng ở Nice,*

thành phố quê hương ông có 7 luận án). Năm ông 49 tuổi (1989) tạp chí Sud đã ra số chuyên san về sự nghiệp sáng tác của ông” [42]. Nhà văn lớn với sự nghiệp lừng lẫy là đề tài vô tận cho các nhà nghiên cứu cả trong và ngoài nước.

Về thế giới nhân vật trong sáng tác của nhà văn, lời nhận định chỉ rõ: *“Nhân vật của Le Clézio như là lời thông điệp của ánh sáng, của ước mơ, của vẻ đẹp trần thế khi con người còn có thể mơ ước, kiếm tìm không mệt mỏi. Thoát ra ngoài những bức tường bê tông xám xịt, những tòa nhà cao ốc thiếu ánh sáng mặt trời, những máy móc vô tri vô giác, con người có thể làm phong phú cuộc sống của mình bằng một hiện thực sống động hồn nhiên, đầy cảm xúc, đầy tính nhân văn” [42].* Như thế, ta thấy rằng, đây là một nhà văn với quan niệm muốn tìm về với thiên nhiên, hòa mình với cuộc sống hoang dã. Chỉ có ở đó, họ mới có được hạnh phúc, được trở về với chính mình.

Khi quyết định trao giải Nobel (năm 2008) cho ông, Viện Hàn Lâm Thụy Điển đã khẳng định: *“J.M.Le Clézio là tác giả của những khởi điểm mới, của cuộc phiêu lưu thi vị và là người khám phá ra một nhân loại ẩn chìm và đang bị thống ngự của nền văn minh” [43].* Le Clézio là hiện thân cho tinh thần nhân đạo, nỗi đau và sự sáng tạo vô biên của con người. Tác phẩm của ông là sự mời gọi, sự dẫn dụ người đọc chìm đắm vào thế giới tự nhiên hoang dã, huyền bí và tinh khiết. Nơi đó, con người sẽ *“kìm nén”* được sự nghiệt ngã, sự tàn khốc, sự dối trá của xã hội hậu hiện đại. Những khởi đầu mới trong *Những nẻo đường đời và những bản tình ca khác* theo tác giả Huy Minh (bài viết *Những nẻo đường đời và những bản tình ca khác - Khúc hát ngọt ngào của những người phụ nữ*) *“không chỉ là sự di chuyển về mặt địa lý, mà còn là sự khám phá những góc sâu kín nhất của tâm hồn, một nơi bí ẩn với bao điều ẩn giấu mà ta chưa bao giờ hiểu thấu” [19].* Và *“Le Clézio là một nhà văn đặc biệt quan tâm đến thân phận của những người phụ nữ và luôn luôn khiến người đọc mở rộng đôi mắt và trái tim mình để nhìn thấy thế giới” [19].*

Theo Trần Hình: *“Những trang viết của Le Clézio hướng tới thế hệ trẻ, dành cho những người bé nhỏ, khó khăn trong xã hội, những phụ nữ, trẻ em...”*

(Tọa đàm về tác giả Le Clézio và tác phẩm *Bão*) [44]. Điều này cho thấy Le Clézio là nhà văn dành nhiều ưu ái cho những con người bé nhỏ trong xã hội, những số phận, cảnh đời bất hạnh.

Ngoài ra, về luận văn có thể kể đến *Nghệ thuật tự sự trong Sa mạc của J. M. G Le Clézio* (Nguyễn Thị Tâm - Luận văn thạc sĩ - 2014). Tuy nhiên, chưa có công trình nghiên cứu riêng về tập truyện *Những nẻo đường đời và những bản tình ca khác*. Những bài viết trên cho thấy Le Clézio là một nhà văn có cách viết độc đáo của một con người mang tố chất du mục, muốn tìm về những hoài niệm xưa cũ, và người phụ nữ cũng là loại hình nhân vật được ông quan tâm đặc biệt. Trong *Những nẻo đường đời và những bản tình ca khác*, các nhân vật nữ “đều trải qua những cuộc phiêu lưu, những biến cố mà dù họ có chuẩn bị trước hay không đi chăng nữa. Họ đều mang trong mình những ước mơ, khao khát” [19].

Những bài viết và công trình nghiên cứu về Nguyễn Ngọc Tư và Le Clézio là những gợi ý quan trọng giúp chúng tôi hiểu rõ hơn về hai nhà văn và sáng tác của họ trong quá trình thực hiện đề tài nghiên cứu.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

- Mục đích nghiên cứu: Tìm kiếm, phát hiện những nét tương đồng và khác biệt trong cách nhìn về người phụ nữ của Le Clézio và Nguyễn Ngọc Tư. Đồng thời lí giải nguyên nhân dẫn tới sự tương đồng và khác biệt đó. Từ đó, ta có thể khẳng định vấn đề số phận người phụ nữ cần được quan tâm và giải phóng cho họ là vấn đề mang tính toàn cầu.

- Nhiệm vụ nghiên cứu: Để đạt được mục đích đó chúng tôi thực hiện các nhiệm vụ sau:

+ Nội dung chính của chương 1: Giới thiệu về cuộc đời và sự nghiệp sáng tác của Nguyễn Ngọc Tư và Le Clézio, tóm tắt các truyện ngắn trong tập truyện *Không ai qua sông* và *Những nẻo đường đời và những bản tình ca khác*, giới thiệu khái quát về giá trị nội dung và nghệ thuật của hai tập truyện.

+ Nội dung chính của chương 2: Sự tương đồng trong cái nhìn của Nguyễn Ngọc Tư và Le Clézio về người phụ nữ.

+ Nội dung chính của chương 3: Sự khác biệt trong cái nhìn của Nguyễn Ngọc Tư và Le Clézio về người phụ nữ.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

- Đối tượng nghiên cứu: Sự tương đồng và khác biệt trong cái nhìn của Nguyễn Ngọc Tư và Le Clézio về người phụ nữ.

- Phạm vi nghiên cứu: Tác phẩm của Nguyễn Ngọc Tư và Le Clézio có rất nhiều, tuy nhiên, chúng tôi chỉ lựa chọn khảo sát hai tập truyện:

+ *Không ai qua sông* (NXB Trẻ, TP Hồ Chí Minh) của Nguyễn Ngọc Tư

+ *Những nẻo đường đời và những bản tình ca khác* (NXB Hội nhà văn, Hà Nội) của Le Clézio

Sở dĩ chúng tôi chỉ lựa chọn tập truyện *Không ai qua sông* của Nguyễn Ngọc Tư để nghiên cứu trong sự so sánh với tập truyện *Những nẻo đường đời và những bản tình ca khác* của Le Clézio là bởi vì *Không ai qua sông* là tập truyện mới ra mắt độc giả vào tháng 2 năm 2016, do vậy sẽ chưa có đề tài nào nghiên cứu về tập sách này. Hơn nữa, về mặt nội dung, hai tập truyện đều có những điểm tương đồng nhất định như: Nhân vật chính của hai tập truyện đều là phụ nữ; họ đều có số phận cô đơn, bất hạnh và khát khao hạnh phúc,... Đặc biệt, chưa có một đề tài nào nghiên cứu về hai tập truyện của hai nhà văn này trong sự đối sánh với nhau. Chính vì vậy, lựa chọn nghiên cứu tập truyện trên của hai nhà văn là hoàn toàn hợp lý.

5. Phương pháp nghiên cứu

- Chúng tôi sử dụng phương pháp so sánh - đối chiếu để làm nổi bật sự tương đồng và khác biệt của hai tập truyện: Đề bàn về vấn đề người phụ nữ nhưng ở mỗi tác giả lại cũng có những cảm nhận và cách nhìn khác nhau.

- Phương pháp phân tích - tổng hợp giúp chúng tôi tìm hiểu đặc điểm của các nhân vật nữ trong hai tập truyện.

- Phương pháp thống kê - phân loại để khảo sát, phân loại các dạng thức biểu hiện của nỗi cô đơn, bất hạnh và khát khao hạnh phúc ở những người phụ nữ trong hai tập truyện.

- Phương pháp thi pháp học để thấy được những nét đặc trưng trong sáng tác của mỗi nhà văn.

- Phương pháp xã hội học để thấy được những ảnh hưởng của xã hội chi phối sự tương đồng và khác biệt trong cái nhìn của hai nhà văn về người phụ nữ trong tác phẩm của mình.

- Phương pháp văn hóa - lịch sử để làm rõ ảnh hưởng của yếu tố văn hóa, lịch sử đến cái nhìn của hai nhà văn về người phụ nữ trong tác phẩm của họ.

6. Đóng góp của luận văn

Luận văn góp phần làm nổi bật sự tương đồng và khác biệt trong cái nhìn về vấn đề người phụ nữ trong sáng tác của hai nhà văn Nguyễn Ngọc Tư và Le Clézio. Qua đó ta có thể thấy được quan điểm cũng như sự nhìn nhận, đánh giá của các nhà văn về vấn đề người phụ nữ trong xã hội. Sự quan tâm đặc biệt của các nhà văn trên về người phụ nữ thể hiện trong tác phẩm của mình cũng nói lên suy nghĩ, trăn trở của họ về vấn đề mà xã hội hiện nay đang quan tâm - Vấn đề nữ quyền.

Luận văn cũng có thể là tài liệu tham khảo cho những người nghiên cứu, độc giả quan tâm đến vấn đề người phụ nữ trong tác phẩm văn học của Việt Nam và Pháp qua hai tác giả tiêu biểu của hai nền văn học.

7. Cấu trúc của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận, tài liệu tham khảo, luận văn gồm ba chương:

Chương 1: Những vấn đề chung.

Chương 2: Sự tương đồng trong cái nhìn của Nguyễn Ngọc Tư và Le Clézio về người phụ nữ.

Chương 3: Sự khác biệt trong cái nhìn của Nguyễn Ngọc Tư và Le Clézio về người phụ nữ.

NỘI DUNG

Chương 1

NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

Trong chương này, chúng tôi sẽ giới thiệu những nét khái quát về cuộc đời, sự nghiệp sáng tác và phong cách nghệ thuật của nhà văn Nguyễn Ngọc Tư và Le Clézio. Trong đó, chúng tôi tập trung đi sâu tìm hiểu hai tập truyện *Không ai qua sông* (Nguyễn Ngọc Tư), *Những nẻo đường đời và những bản tình ca khác* (Le Clézio). Qua đó, chúng tôi sẽ rút ra kết luận về những điểm tương đồng và khác biệt trong cái nhìn của hai nhà văn về hình tượng người phụ nữ làm cơ sở cho việc trình bày các chương sau.

1.1. Nhà văn Nguyễn Ngọc Tư

1.1.1. Cuộc đời và sự nghiệp sáng tác

Nguyễn Ngọc Tư sinh năm 1976 tại Tân Duyệt, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau - một vùng thôn dã tận rẻo đất cực Nam của tổ quốc. Mảnh đất xa xôi gắn với vùng Đồng bằng sông nước còn nhiều khó khăn vất vả với những người dân chân chất cũng đang dần chịu sự biến động của quá trình đô thị hóa. Quê hương với cuộc sống và con người nơi đây chính là nguồn cảm hứng vô tận cho ngòi bút của các nhà văn, trong đó có Nguyễn Ngọc Tư. Chị là một trong những gương mặt nữ nhà văn trẻ tiêu biểu của Nam Bộ, đã mang đến dấu ấn khá đậm nét trên văn đàn Việt Nam đương thời.

Nguyễn Ngọc Tư đến với truyện ngắn bằng con đường khá đặc biệt: Những trang viết được bắt đầu từ chính sự vất vả nhọc nhằn trong cuộc sống. Học hết bậc THCS, Nguyễn Ngọc Tư phải rời xa mái trường để chăm sóc ông ngoại già yếu; phụ má hái rau ra chợ bán. Mặc dù Tư mới học hết lớp 9 phổ thông, cấp 3 bỏ túi, sống giản dị với người chồng thợ bạc chẳng bao giờ đọc truyện vợ viết nhưng những trang văn của chị không vì thế mà không chứa đựng những nội dung sâu sắc của một tài năng văn học. Khi được hỏi xuất phát

từ đâu mà viết văn, chị tâm sự: *“Viết vì nhiều thứ lắm, phần vì sự thôi thúc và để giải tỏa những cảm xúc dồn nén bên trong, phần vì buồn quá, không biết nói chuyện cùng ai nên tìm cách trút vào trang viết”*. Sau khi truyện ngắn đầu tay của chị được đăng trên tạp chí "Bán đảo Cà Mau", chị được nhận vào làm văn thư và học làm phóng viên cho Tạp chí này. Chị vừa làm báo, vừa viết văn. Nghề báo giúp cho Ngọc Tư được đi đến nhiều nơi, mở rộng tầm mắt, nhiều trải nghiệm thực tế, những trang văn của chị chân thực và phản ánh được nhiều số phận, cảnh đời hơn và nóng hổi tính thời sự. Chị không ngại khó khăn đi đến những vùng sâu vùng xa. Chuyến đi thực tế ở cửa biển Khánh Hội, sông Đốc sau khi cơn bão số 5 ập vào đất Mũi, những cảnh làng quê hoang tàn, xác xơ, cuộc sống ngư phủ nghèo nàn, cảnh vợ mất chồng, mẹ khóc con... đã đi vào kí sự *Nỗi niềm sau cơn bão*. Tác phẩm này đã đạt giải Ba báo chí của tỉnh năm 1997. Giải thưởng đã khẳng định hướng đi đúng đắn và có ý nghĩa khích lệ chị trong quá trình sáng tác: *“Được giải thưởng qui ra lúa hồng là bao nhưng đã cho mình chút hi vọng là nếu mình ráng có thể viết tốt hơn”*.

Trong cuộc vận động sáng tác "Văn học tuổi 20 lần thứ 2" do nhà xuất bản Trẻ, Hội Nhà văn thành phố Hồ Chí Minh, báo Tuổi trẻ tổ chức năm 2000, Ngọc Tư đã đạt giải Nhất với tập truyện *Ngọn đèn không tắt*. Cũng với tập truyện này, chị đạt Giải thưởng văn học của Hội nhà văn Việt Nam vào năm 2001. Tập sách này đã được chọn in lại trong "Tủ sách vàng" của Nhà xuất bản Kim Đồng năm 2003. Tiếp đó, Nguyễn Ngọc Tư tiếp tục khẳng định tên tuổi của mình bằng nhiều giải thưởng, như: giải thưởng của Hội Nhà văn Việt Nam năm 2003, chị được bình chọn là một trong "Mười gương mặt tiêu biểu trong năm" do trung ương Đoàn trao tặng và được kết nạp vào Hội Nhà văn Việt Nam, trở thành Hội viên trẻ tuổi nhất (27 tuổi); giải Ba cuộc thi sáng tác truyện ngắn 2003 - 2004 của báo Văn nghệ với truyện ngắn *Đau gì như thế*... Chị cũng là tác giả trẻ nhất có tên trong tuyển tập truyện ngắn Việt Nam được dịch và in ở Mỹ, vì thế chị đã vinh dự được chọn lên hình của chương

trình "Người đương thời" năm 2005. Đặc biệt chị đã vinh dự nhận được giải thưởng văn học ASEAN năm 2008... Truyện ngắn của chị còn được dịch ra tiếng Anh, tiếng Nhật để giới thiệu với độc giả ở nước ngoài. Hiện chị sống và công tác tại Cà Mau.

Khởi nghiệp từ năm 1997 bằng việc vừa sáng tác vừa học làm báo cho Tạp chí "Bán đảo Cà Mau", cho đến nay đã hơn 10 năm cầm bút, Nguyễn Ngọc Tư có đóng góp đáng kể cho văn học Việt Nam đương thời chủ yếu ở hai thể loại truyện ngắn và tạp văn.

Nguyễn Ngọc Tư có phong cách dịu dàng, đằm thắm, không lên gân mà đi sâu phân tích tâm lí nhân vật một cách nhẹ nhàng, sắc sảo mà tinh tế. Cách kể chuyện độc đáo, hấp dẫn: "*Bên cạnh lối kể chuyện với nhịp điệu chậm rãi, từ tốn; lối trần thuật bình thản đôi khi lạnh lùng; người đọc còn nhận ra giọng điệu điềm nhiên, trầm tĩnh của Nguyễn Ngọc Tư ở sự cân nhắc trong việc sử dụng ngôn từ mềm mại và đầy "nữ tính"*" [45]. Sau thành công của tập truyện đầu tay *Ngọn đèn không tắt* năm 2000, Ngọc Tư tiếp tục cho ra mắt độc giả một loạt các truyện ngắn: *Ông ngoại* (năm 2001), *Biển người mênh mông* (năm 2003), *Nước chảy mây trôi* (năm 2004). Và năm 2005, tập truyện *Cánh đồng bất tận* ra đời. Mặc dù tập truyện gây nhiều tranh cãi nhưng vẫn đạt giải thưởng của Hội nhà văn Việt Nam. Tiếp đó là *Gió lẻ và 9 câu chuyện khác* (tập truyện ngắn, 2008); *Khói trời lộng lẫy* (tập truyện ngắn, 2010); *Đảo* (tập truyện ngắn, 2014); *Trầm tích* (tập truyện ngắn, 2014), in chung với Huệ Minh, Lê Thuý Bảo Nhi, Thi Nguyễn... Gần đây nhất là tập truyện *Không ai qua sông* (2016). Những truyện ngắn mới nhất của chị cũng thường xuyên được đăng trên các báo trong cả nước và được cập nhật liên tục trên trang web "Viet-studies" của Trần Hữu Dũng. Điều đó chứng tỏ Nguyễn Ngọc Tư là cây bút có sức sáng tạo dồi dào và hứa hẹn nhiều sáng tác hơn nữa.

Không chỉ thành công ở thể loại truyện ngắn, Nguyễn Ngọc Tư còn rất xuất sắc trong mảng tạp văn khi cho ra đời ngay sau *Cánh đồng bất tận* cuốn

tạp văn "nặng kí" mang tên *Tạp văn Nguyễn Ngọc Tư* (2005) (đến nay cuốn sách đã tái bản tới lần thứ tám). Sau đó là các cuốn: *Sống chậm thời @* (in chung với Lê Thiếu Nhơn - 2006); *Ngày mai của những ngày mai* (2007); *Yêu người nông núi* (2009); *Gáy người thì lạnh* (tản văn, 2012); *Đong tâm lòng* (gồm hơn 30 tản văn, 2015). Sáng tác của chị luôn được độc giả đón nhận và giới phê bình văn học đánh giá cao.

Thành công liên tiếp mà chị đã đạt được cùng với số lượng cũng như chất lượng các tác phẩm cho thấy Nguyễn Ngọc Tư là một nhà văn nghiêm túc, miệt mài lao động và tích lũy vốn sống để nuôi dưỡng cảm hứng và năng lực sáng tác chứ không chỉ nhờ vào tài năng thiên bẩm. Cho đến nay, qua chặng đường hơn 10 năm cầm bút, tung hoành ở cả hai thể loại truyện ngắn và tạp văn, Nguyễn Ngọc Tư đã khẳng định được vị trí và tên tuổi của mình trong đội ngũ sáng tác trẻ đương đại.

1.1.2. Tập truyện *Không ai qua sông*

Không ai qua sông là tập truyện mới nhất của Nguyễn Ngọc Tư, được ra mắt vào tháng 2 năm 2016. Cuốn sách gồm 13 truyện ngắn, tiếp tục khai thác cuộc sống và cảnh ngộ của những con người sống nơi miệt vườn sông nước quê hương. Đó là các truyện: *Vực không đáy*, *Không ai qua sông*, *Nút áo*, *Nhỏ quán*, *Chỉ gió trả lời câu hỏi*, *Thầm*, *Đi thật xa mới đến nhà bạn cũ*, *Tiểu tụy vòng quanh*, *Mưa mây*, *Dây diều*, *Giữa mùa chán chết*, *Lời yêu*, *Đất*.

Trong các truyện ngắn này, có hai truyện *Chỉ gió trả lời câu hỏi* và *Giữa mùa chán chết* nhân vật chính là đàn ông, còn lại nhân vật chính chủ yếu là người phụ nữ. Với giọng văn trầm buồn, ngôn ngữ đậm chất Nam Bộ, cách kể tự nhiên mà lôi cuốn, tập truyện mở ra cho người đọc thấy những nét buồn trong số phận của bao người phụ nữ miệt vườn; để rồi khi gấp trang sách lại vẫn thấy trĩu nặng tâm tư. Bởi lẽ sao cuộc sống của thế kỉ XXI, xã hội ngày càng phát triển, người phụ nữ dần khẳng định được bản lĩnh và vai trò, chỗ đứng của mình mà ở nơi đây vẫn còn nhiều cảnh đời bất hạnh đến thế! Nhà văn

đã đứng ở vị trí người cầm bút viết về giới của mình, những người phụ nữ cùng thời mang trong mình nỗi cô đơn, bất hạnh bằng cái nhìn đầy xót xa, thương cảm; bên cạnh đó là sự khích lệ, động viên họ dám “qua sông” để đạt được hạnh phúc.

Vực không đáy là câu chuyện về mẹ bé Bi, vốn là đứa trẻ mồ côi, được nuôi dưỡng ở trại trẻ. Cô bé tên Nguyễn Thị Ngà ấy đã may mắn được lớn trong tình yêu thương của những “*dì phước*” rồi được kết hôn với “*ông chủ trẻ*” khi cô đến giúp việc gia đình. Cuộc sống lặng lẽ, yên bình, bé Bi chào đời cho tới khi xuất hiện “*một bà già mặt nhàu nếp gấp, màu da cũ mốc chùng như sắp thiu ôi*” [34, 5], bà cụ “*đứng dựa cửa nhà đụt mưa, nhưng nước đã tạt ướt sưng óng quăn*” [34, 6], thương tình mẹ bé Bi mời vào nhà, chăm sóc, kêu bằng má... Chính sự vô tư đó của chị khiến chồng nghi ngờ về quá khứ của chị, mặc dù là ghen tuông vô căn cứ. Kể cả khi bà già đó đã bỏ đi, để lại sự hẫng hụt, trống trải trong lòng mà chị không thể chia sẻ với chồng. Hai người đã li hôn trong sự im lặng, để lại nỗi buồn như vực không đáy, không thể nào lí giải nỗi trong thắc mắc của bé Bi.

Được lấy làm nhan đề cho cả tập truyện, *Không ai qua sông* kể về những người phụ nữ nơi xóm nhỏ Nhơn Thành nhân buổi tuần hành chống bạo lực gia đình. Truyện chủ yếu nói về số phận của ba người đàn bà : Út Lệ, Thiếp, Trầm. Ba con người với ba mảnh đời khác nhau. Út Lệ đi theo đoàn tuần hành cho có phong trào. Chị cũng như bao người phụ nữ khác ở nơi đây, nghĩa là có ông chồng hay xin, một bầy lít nhít con nhỏ, nheo nhóc, đi tuần hành mà lúc lúc có người chạy theo hỏi mượn đồ,... Còn Thiếp, cũng trong đám tuần hành, nhưng đi không hẳn vì khẩu hiệu “*Không nên đánh phụ nữ bằng một cành hoa*”, cô cũng có số phận đặc biệt: Gia cảnh có cậu Út tham ăn từ nhỏ nên lớn lên đười dật mấy bà chị giành đất, bản thân cô trong phút nông nổi, yếu lòng bỏ nhà theo trai, bỏ lại chồng cùng đứa con nhỏ dại; hai năm sau hối hận trở về mong nhận lại con, làm lại cuộc đời. Đứng ngoài đoàn tuần hành là Trầm, một người đàn

bà chữa hoang tới mấy lần, nhưng vẫn vừa đi vừa ca cùng đứa con nít làm những người đàn bà trong xóm hoang mang. Cô chịu búa diu dư luận nhưng không phản kháng mà mặc nhiên chấp nhận, vẫn sống và vẫn mang thai ngoài giá thú.

Nút áo lại là một câu chuyện khác, bắt hạnh hơn: Bị hãm hiếp năm mười lăm tuổi, chỉ tóm được chiếc nút áo của kẻ thủ ác, và nó ám ảnh Tím suốt cuộc đời. Chiếc nút áo chẳng có gì đặc biệt, nó có thể của bất cứ ai. Cho nên việc tìm ra kẻ thủ ác là mong manh. Cô cũng không biết mặt kẻ đó, bởi cô *“bị bịt miệng từ phía sau bởi một cánh tay cứng đanh, sau đó ngất luôn không biết chi trời đất”* [34, 26]. Tím không lấy chồng, những mong cứ sống ở xóm, để kẻ bắt lương kia day dứt, Tím muốn *“hắn”* phải trả giá cho hành động bỉ ổi. Sau khi bà mẹ lén cắt chiếc nút áo mà Tím vẫn xỏ dây đeo ở cổ xuống ao bông súng, Tím như người mất hồn; mẹ mượn người bơm đất lấp ao cũng vô vọng, bởi *“Tím vẫn ngó thấy bên dưới cỏ, dưới rễ cây mít, dưới từng lớp đất nâu nhão nhoét, có cái nút áo”* [34, 30].

Vì phụ tình khi trẻ mà khi có tuổi rồi quay về day dứt và muốn bù đắp lại làm lỗi xưa. Đó là câu chuyện của Mươi trong *Nhỏ quán*. Mươi nhỏ quán tự nguyện đi theo Cao Bồi, ông đi đâu, Mươi theo tới đó dựng quán, chăm sóc ông mà không cần đáp trả, không cần một danh phận người đàn ông ấy dành cho mình: *“Nhiều khi nhắm đếm chục lần đổi chỗ, thấy thiệt là ly kỳ”* [34, 36]. Mặc dù có lần Mươi giả bộ giãy nảy trách ông không nói sẽ đi tới nơi khác sớm để biết mà nhỏ quán theo, Cao Bồi dửng dưng *“ai kêu theo đâu”* [34, 39], Mươi cũng chỉ nguýt dài *“Biết rồi”* mà thôi.

Chỉ gió trả lời câu hỏi là tác phẩm viết về nhân vật nam chính tên Tây. Cậu ta đan dứ với người đàn bà tên Hằng - vợ không chính danh của anh Hùm, là trùm giang hồ khét tiếng. Trong một lần vụng trộm, anh Hùm bất ngờ trở về nhà, Tây chỉ kịp trốn ra ngoài *“một cái gờ che cửa sổ ở tầng bốn một chung cư cũ”* [34, 41] và trong tình trạng *“chưa kịp mặc gì”*. Trong thời khắc bất đắc dĩ

đó, Tây đã có những suy nghĩ về chị Hằng với cuộc tình lén lút, về mẹ của mình cùng cái chết thương tâm (mẹ trèo lên nóc nhà quét dọn lá mục ú trên máng xối trượt chân ngã xuống cái lu vỡ hay “*Biết đâu mẹ tự nhảy xuống*” [34, 47])... và nỗi sợ hãi chói với trong gió nếu bị ai đó, nhất là anh Hùm phát hiện ra mình.

Thâm - cô gái trong câu chuyện cùng tên là vận động viên từng giành Huy chương vàng ma ra tông thế giới, là người sinh ra chỉ biết có mẹ mà không biết cha, bà mẹ già nghèo ở quê, bà bị bệnh ung thư, cô không kịp về khi bà hấp hối, có về kịp thì cũng “*không làm sao chặn nổi sự bạo động của những u nhọt vỡ ra trong ổ bụng của người đàn bà khăng khăng chống lại bệnh tật bằng cỏ cây*” [34, 54]... Cuộc đời cô đơn như chiếc bóng mình in trên những nơi, những con đường mà Thâm thường hay chạy qua. Lần tìm theo địa chỉ mẹ ghi lại bằng nét chữ nguệch ngoạc trên tờ báo cũ, cô không tìm được gì. Và cô chỉ biết “*chạy hoài*” dửng dưng với chuyện chồng con khi đã hai tám tuổi đầu.

Một cô gái dám mang thai và sinh con một mình khi mà cha đứa trẻ còn không biết có sự tồn tại của nó bởi cuộc tình quá chóng vánh. Miền trong truyện *Đi thật xa mới đến nhà bạn cũ* đã chấp nhận cuộc sống như vậy mà không lời oán thán, trách than. Cô xuất hiện trong sự hồi tưởng, dần vật của Vĩnh - cha đứa trẻ - và sau bao năm Vĩnh xuất hiện mà cô bình thản nói: “- *Vĩnh tới rồi ha. Vô đi, anh!*” [34, 77].

Dòng đời tiêu tụy đúng như tên gọi của truyện *Tiểu tụy vòng quanh*. Đây là truyện kể về một cậu bé “*đồ con hoang*” có cha là người đàn ông ngày ngày cật vó hờ hững cho khách du lịch chụp hình theo hợp đồng công việc, tối nghỉ mua chai rượu về uống để say cùng chiêm bao. Cậu bé mười ba tuổi thuộc lòng những chuyện trong làng du lịch như “*nuốt trọn cái làng cổ này*” [34, 80] luôn háo hức, “*đói ngấu những thứ tươi mới của cuộc đời*” [34, 80] nên đã nhảy chuyến tàu sớm rời làng. Để rồi mười bốn năm sau quay lại với thân hình tàn tạ, bàn tay chai sần, sẹo chằng chịt khắp người cùng một đứa nhỏ nói chưa

sôi. Và người đàn ông ấy lại thay cha làm công việc cắt vó tẻ nhạt cho những khung hình yên ả của khách du lịch. Đứa nhỏ được giao cho chị Cẩm giữ và chăm sóc giùm. Chị Cẩm là một người có cha bỏ đi khi chị vẫn còn ẵm ngửa, ngày ngày ra ngóng tàu vẫy tay chào cha, từ chối lấy chồng bởi sợ đi lấy chồng xa, cha về không chạy về vẫy chào kịp. Đứa nhỏ đó giờ lại là cậu bé mười ba tuổi, được “*má Cẩm gói giắc ngủ vô cánh tay xương xẩu*” [34, 86] lại “*thón đầu bởi tiếng còi tàu*” và có ý nghĩ “*rốt cuộc cái làng này còn cầm tù mình bao lâu nữa?*” [34, 86].

Mưa mây - truyện ngắn nói về người phụ nữ tên Ngò có chồng tên Lì, hần về với vợ như con mưa mây “*Mưa ngưng, nhanh hết khi đến, ráo hoành như chưa từng*” [34, 88]. Lì đi “*chẳng ngoái nhìn, chẳng hứa hẹn hôm nào về lại, đi là đi một nước*” [34, 88]. Ngò không bỏ nhà đi sống lang bạt chăn trâu đui bò theo chồng vì “*người ta đâu có rủ*” mà khi đó “*nắng đỏ lịm trong mắt*” Ngò. Cô mong muốn có đứa con để làm sợi dây giữ chồng, xóa bỏ lời tiên đoán “*đất này không giữ được đàn ông*” [34, 89].

Éo le hơn Ngò, Lê trong *Dây điều* bị chồng sắp cưới yêu cầu hủy hôn khi tiệc cưới đã đặt và thiệp cưới thì đang phát. Bởi lẽ chính trong bãi thả điều, một sự việc xảy ra trở thành nỗi ám ảnh cho cả hai. Lúc nhập nhoạng tối, mọi người đã về hết, Lê và Trọng ở lại “*chút chút*” thêm lát nữa thì họ bị mấy gã say rượu làm nhục. Để cứu bạn gái khỏi bọn du đãng, Trọng đã phải bò qua háng của chúng như một nghi lễ “*đưa tang nó*” [34, 101]. Sĩ diện đàn ông đã mất, Trọng không thể nào quên được kí ức nhục nhã đó dù có cố gắng tỏ ra mạnh mẽ và chửi chửi đến đâu. Hiểu điều đó, không nói ra nhưng Lê đã cố gắng chăm chút người yêu nhưng không thể. Cô lặng lẽ chấp nhận chia tay Trọng.

Giữa mùa chán chết - một trong hai truyện của Nguyễn Ngọc Tư viết về nhân vật chính là đàn ông - Út Nửa. Là thằng con trai hai mươi tuổi đầy sức sống, Út Nửa cảm thấy cuộc sống buồn tẻ, chán chết, luôn thấy trong người dư sức, mà bực bội. Muốn đi lính mà không được, vì lí do lãng xẹt: mắt lé kim,

nhưng thực chất mẹ hắn chạy chọt để hắn khỏi đi, ở lại giữ “*đất ruộng giăng giăng*” cho bố, muốn tìm cô gái có cái hông trắng như cô giáo Hương Lý, chân không vương sinh lầy nhưng không được, muốn bỏ đi tới chân trời mới để tìm mà mưa xối ngập đồng không đi nổi... Nỗi ám ảch khiến hắn không giải tỏa nỗi bằng li rượu, mà Sa bạn hắn lại đòi về, Út Nửa bất ngờ “*chụp cây dao gọt khế trên bàn, từ phía sau xốc tới*” [34, 104], Sa gục xuống. Út Nửa bị kết án và giải đi trong sự chán chết ngập lòng.

Truyện *Lời yêu* viết về cô gái tên Nhí. Từ nhỏ sống trong khó khăn, thiếu thốn, Nhí luôn muốn vượt thoát lên số phận bằng những mộng tưởng của mình: Tương tào kho quẹt Nhí nghĩ tới gà xé phay hay vịt rang gừng, “*vách nhà thưa lọt gió, không ngăn cản được Nhí tưởng đang ngủ nhà lâu*” [34, 114]... Lớn lên, ôm mộng đổi đời, Nhí lấy chồng Hàn Quốc - một ông chồng già - chẳng rõ địa chỉ xứ lạ, điều kiện hoàn cảnh gia đình, chỉ vồn vện cái tên Hi-éc. Thiên đường được dệt trên đôi môi mẹ Nhí vừa xăm đỏ màu như cháy về cuộc sống của con gái nơi xứ người. Ở đó, lời yêu là những lời hờn giận cuộc đời vang lên trong ngôi nhà nhỏ, anh chồng nông rươi gạo “*đôi lúc dịu dàng nựng nó bằng mấy cú thoi*” [34, 113]. Và kết cục, Nhí bị chồng chìm đầu vào bồn tắm đầy nước cho đến khi sủi tăm, những lời tưởng đâu yêu thương học lõm tiếng nước vợ được anh ta xô ra khi bị cảnh sát còng tay “*Tổ cha mày, Nhí. (...) Tao xin lỗi Nhí ơi, mụ nội mày*” [34, 114]. Ra đi trong khao khát đổi đời, trở về rớt cuộc cô chỉ là nắm tro nguội lạnh.

Đất là truyện ngắn cuối cùng, dài nhất, mang tính chất khái quát lại những cảnh huống, số phận cuộc đời những con người ở mảnh đất Nhơn Thành đầy biến động. Giữa cơn bão đô thị hóa đang ập đến, đất trước đây là vàng, là bạc thì nay bị quy hoạch xây dựng đô thị, con người cũng dần biến đổi. Người chấp nhận đổi đất lấy tiền thì dần bị tha hóa, ăn chơi, sa vào tệ nạn... Kẻ cố bám giữ đất thì mòn mỏi, dần bị lãng quên, bị cướp nắg bởi những tòa nhà cao

tầng. Tiêu biểu là gia đình của Út Mười - nhân vật xưng “em” trong tác phẩm. “Bà nội một mình canh chừng ở góc Đông. Phủ lên chỗ bà là cái bóng khổng lồ của tòa nhà Thiên Đường. Năng ít với tới, nên bà vẫn hay kêu tao bị đóng rêu đóng mốc. Hồi đầu còn ngại, bà loay hoay chịu đựng, sau kệ, ngửa đầu gãi đó. Mà ghê ngứa toàn mọc mấy chỗ ngứa” [34, 120]. Con cả - Hai Sang “cuốn đồ đi”, nói “tôi với má khác xa lý tưởng” [34, 130]. Mười ba năm sau trở về, “đúng mùa gặt”, cuộc gặp gỡ chớp nhoáng, hai mẹ con mà như hai người đứng... Còn mẹ thì sau chuyến đem đơn cầu cứu ở thủ đô về, mẹ thấy mình tanh, dân lánh xa mọi người. Còn “em” mòn mỏi, nhận thấy sự đổi thay, sự ra đi của những người thân mà không thể làm gì được. Anh Tư bỏ đi, chỉ còn về trong chiêm bao và những kí ức vụn vặt: Anh Tư giúp em bắt đĩa khỏi cắn chân, buộc tóc,... và câu trách “mày đâu có thương tao”. Ngoảnh lại, nhà vắng ngắt, lòng se sắt, nhưng tuyệt nhiên em “không bao giờ rời khỏi mảnh đất này” [34, 127]. Trong dòng suy nghĩ, đến cuối cùng “em” chợt nhận ra: Không có tên, mình sẽ không là gì, chỉ là một bóng ma dật dờ trong quên lãng.

Nhan đề *Không ai qua sông* mang ý nghĩa một sự phủ định: “qua sông” để hướng tới một cuộc sống mới, “qua sông” để vượt thoát số phận hay chính là sự chủ động tìm đến hạnh phúc đích thực của mình. Nhưng “không” có ai dám qua sông dù “thuyền đã sẵn”. Điều này thể hiện một sự mặc nhiên chấp nhận, không dám đổi thay, âm thầm chịu đựng của những người phụ nữ trong tập truyện. Chính vì vậy mà họ không có được hạnh phúc.

Mười ba tác phẩm là mười ba nốt trầm buồn trong dòng chảy của miệt vườn sông nước đồng bằng sông Cửu Long. Tuy không phải tất cả hiện thực cuộc sống này đều đáng buồn đến vậy, nhưng Nguyễn Ngọc Tư đã trải vào trang viết của mình nỗi niềm trăn trở thông qua những số phận bất hạnh kia. Như một tiếng nói nhẹ nhàng mà đầy thổn thức, nhà văn giúp người đọc hiểu thêm số phận cuộc đời và cần lắm những sự chung tay góp phần đổi thay cuộc

sống nơi đây thêm đẹp lên, cho những mảnh đời bất hạnh được hưởng niềm hạnh phúc.

1.2. Nhà văn Le Clézio

1.2.1. Cuộc đời và sự nghiệp sáng tác

Jean- Marie Gustave Le Clézio sinh tại thành phố biển Nice thuộc miền Nam nước Pháp vào ngày ngày 13 tháng 4 năm 1940. Quê gốc của ông ở tận hòn đảo Mauritius trên Ấn Độ Dương (cuối thế kỉ 18, ông tổ Francois Alexis Le Clézio rời quê ra khơi xa tấp lập nghiệp ở hòn đảo bây giờ mang tên Ile de France (Đảo Pháp), sau đổi thành Mauritius khi lọt vào tay nước Anh năm 1810). Mẹ ông là nhạc công nguyên bản miền Bretagne, Tây Bắc nước Pháp. Cha là thầy thuốc mang quốc tịch Anh. Như vậy, ở Le Clézio có sự giao thoa, cộng hưởng của hai nền văn hóa ngay trong huyết mạch của mình.

Le Clézio đã học ở nhiều trường đại học. Từ năm 1957 đến 1961 là sinh viên Anh ngữ của Đại học Bristol và Londer (Lon Don); năm 1963 nhận bằng cử nhân văn học tại trường Đại học Nice; và kết thúc khóa Cao học tại Đại học Provence vào 1964. Sau khi tốt nghiệp Trường Văn học Nice, ông còn tiếp tục học tại Lon Don và Bristol trước khi bắt đầu sự nghiệp giảng dạy tại Hoa Kỳ. Việc học tập ở các trường đại học giúp ông có được vốn kiến thức bài bản, sâu rộng làm nền tảng cho sự nghiệp viết văn của mình.

Năm 1967, Le Clézio nhập ngũ và làm việc tại Thái Lan một thời gian, sau đó ông buộc phải chuyển sang phục vụ ở Mexico vì vi phạm kỉ luật quân đội. Đến cuối thập niên 1970, J.M.G Le Clézio làm việc tại Mexico, ở đây, ông bắt đầu đam mê nền văn hóa thổ dân bản địa. Kinh nghiệm sống tích lũy được đã giúp ông thay đổi cách nhìn về thế giới. Cách viết của Le Clézio cũng bắt đầu thay đổi, ông đã xuất bản nhiều cuốn sách bớt đi sự phức tạp trong hình thức; tập trung vào đề tài về tuổi thơ, du hành, những tộc người thiểu số... bằng lối viết ghi lại những rung động nhỏ nhất theo kiểu mới lạ là “*lối viết địa chấn học*”.

Ông là người đi rất nhiều nơi nên có một vốn sống phong phú cùng với sự hiểu biết nhiều nền văn hóa. Ông có hiểu biết về văn minh đô thị và không gian hoang dã. Hiểu biết đó được thể hiện rất rõ nét trong sáng tác của ông đặc biệt là trong tập truyện *Những nẻo đường đời và những bản tình ca khác*. Không gian văn minh, đô thị được ông nhắc đến trong truyện ngắn *Những nẻo đường đời* chủ yếu là ở nước Pháp, không gian hoang dã được ông đề cập đến trong tập truyện như: Mexico hay Hawaii (*Gió phương Nam*). Sự tích hợp của nhiều nền văn hóa khác nhau là một trong những điều kiện thuận lợi để ông sáng tác. Theo ông, không gian đô thị ở nơi văn minh tù túng, ngột ngạt và chứa nhiều hiểm nguy, con người sẽ bất hạnh; chỉ khi nào con người hòa mình vào không gian thiên nhiên hoang dã thì con người mới được là chính mình, được tự do và hạnh phúc.

Hoàn thành luận án tiến sĩ vào năm 1983 ở Đại học Perpignan với đề tài lịch sử cổ điển chứng tỏ Le Clézio không những có kiến thức về Anh ngữ, về văn học mà còn am hiểu về lịch sử. Ông cũng đã từng giảng dạy ở nhiều trường Đại học khác nhau trên thế giới: Bangkok, Boston, Austin và Albuquerque. Hiểu biết sâu rộng giúp Le Clézio có cái nhìn toàn diện và cũng giúp nhà văn hiểu và cảm thông với những số phận bất hạnh của con người trong xã hội hiện đại. Chính vì vậy, tác phẩm của ông thể hiện một trái tim nhân hậu - chủ đề trong buổi thảo luận về tác phẩm *Những nẻo đường đời và những bản tình ca khác*: “*Le Clézio - Người lễ hành nhân ái*”.

Năm 1980, Le Clézio trở thành người đầu tiên được Viện Hàn lâm Pháp được trao giải Paul Morand. Vào năm 1994, độc giả Pháp đã bình chọn ông là nhà văn đương đại lớn nhất nước Pháp. Đặc biệt, năm 2008 ông được Viện Hàn lâm Thụy Điển trao giải Nobel Văn học và ông là người Pháp thứ hai được trao giải thưởng này trong thập niên 2000.

Le Clézio là người không có “*một ngôi nhà cụ thể*”. Những đảo Maurice, thành phố Nice, bang New Mexico là những nơi chốn ông gắn bó sâu

sắc nhất. Ông sử dụng hai ngôn ngữ: Anh và Pháp. Chính sự phức tạp về cội nguồn, về đời sống của ông, mà sau khi Viện Hàn Lâm Thụy Điển công bố giải thưởng Nobel, công chúng Châu Âu đã đặt ra câu hỏi: Le Clézio là nhà văn thuộc về đất nước nào? Trong một lần trò chuyện cùng với Catherine Argand, vào năm 1994, ông tự nhận là: Tôi là một người dân đảo Bretagne...Người mà không thể thuộc về một quận, một thành phố nào cụ thể. Nhưng ngôn ngữ Pháp chính là đất nước của tôi (Dẫn theo Fredrik Westerlund). Dù thuộc về miền nào, dân tộc nào, Le Clézio chính là hiện thân của tinh thần khiêm ái, sáng tạo và tiến bộ của loài người. Ông chính là nhà văn xứng đáng với giải Nobel cao quý - nhà văn của nhân loại.

J.M.G Le Clézio có một nửa dòng máu Anh của người cha và ông cũng thông thạo tiếng Anh nhưng trọn đời ông viết bằng tiếng Pháp. Ông đã từng nói: “*Ngôn ngữ Pháp là quê hương duy nhất của tôi, là nơi duy nhất tôi sống*”. Le Clézio sáng tác khi mới bắt đầu lên bảy, tám tuổi. Hơn bốn mươi năm miệt mài cầm bút, với một tình yêu văn chương nồng cháy, ông đã đạt được một sự nghiệp văn học rất đáng khâm phục: Hơn 40 tác phẩm, đủ các thể loại từ tiểu thuyết, truyện ngắn, truyện kể, bài luận, dịch thuật đến các sách nghiên cứu khác và gần mười giải thưởng văn học danh giá. Trong đó, tiểu thuyết, truyện ngắn là những thể loại làm nên phong cách nghệ thuật và mang lại vinh quang tột đỉnh cho ông.

Ngay tiểu thuyết đầu tay *Le prosès-verbal* (tạm dịch là *biên bản*) được công bố khi ông mới 23 tuổi đã đoạt ngay giải Renaudot uy tín. Các tác phẩm thời kì đầu sáng tác của ông gần gũi với phong trào “Tiểu thuyết mới”, mang tinh thần phản kháng mặt trái của nền văn minh công nghiệp với lối viết tìm tòi thể nghiệm hình thức. Cùng với cuộc du ngoạn trên khắp các châu lục, các tác phẩm của ông cũng lần lượt ra đời: *La Guerre* (1970), *Les Géants* (1973), *Voyages de l'autre côté* (1976), *L'inconnu sur laterre* (1978), *Désert* (1980), *Trois villessaintes* (1980), *Balaabilou* (1985), *Enfances* (1997), *Gensdesnuages*

(*Vòng xoáy*, 1997), *Révolutions* (2003), *L'Africain* (2004)... Trong số đó, cuốn tiểu thuyết *Désert* (*Sa mạc*, 1980) đã đoạt giải Paul Morand của Viện Hàn Lâm Pháp (1981) và được đánh giá là đỉnh cao trong sáng tác của ông bởi tác phẩm chứa đựng những hình ảnh tráng lệ về nền văn hóa đã biến mất trên sa mạc Bắc Phi. Thứ hai là tập truyện ngắn *Coeur Bruleet autres romances* (*Những nẻo đường đời và những bản tình ca khác*, Hồ Thanh Vân dịch, NXB Hội Nhà văn, 2010), tác phẩm đã đạt giải Nobel Văn học năm 2008.

Mỗi tác phẩm của Le Clézio được xem như một bản nhạc thiên nhiên đầy quyến rũ. Ngôn ngữ của ông sử dụng rất giản dị và hồn nhiên như trong thế giới của một câu chuyện cổ tích, khác xa với thế giới vật chất - phù hoa, hư ảo. Người đọc sẽ chìm đắm trong sự yên tĩnh, sự mơ mộng và thi vị, trong sự trầm ngâm đắm say khi thưởng thức tác phẩm nghệ thuật của ông. Văn chương Le Clézio là một thứ văn chương thoát ra và tìm kiếm lại một kho tàng ẩn dấu của thời gian đã mất, đã vụn tan giữa sa mạc. Tác phẩm của ông là niềm suy tư day dứt của con người đang sống trong xã hội văn minh hiện đại; là sự kết tinh của tinh thần sáng tạo nghệ thuật, của nỗi đau tìm kiếm các giá trị của con người.

Cho đến nay, nhà văn đạt giải Nobel ấy vẫn luôn miệt mài hành trình sáng tạo và cống hiến cho nhân loại những tác phẩm xuất sắc. Tác phẩm của ông được dịch ra nhiều thứ tiếng khác nhau trên thế giới. Le Clézio với bút lực dồi dào, cảm hứng mãnh liệt,... sẽ hứa hẹn thêm nhiều tác phẩm giá trị cho văn học thế giới.

1.2.2. Tập truyện Những nẻo đường đời và những bản tình ca khác

Tập truyện ngắn *Những nẻo đường đời và những bản tình ca khác* của Le Clézio được Nhà sách Nhã Nam in và giới thiệu trên báo *Tia sáng* vào đầu năm 2013. Cuốn sách gồm 7 truyện: *Những nẻo đường đời*, *Khách sạn cô liêu*, *Bà nàng phiêu lưu*, *Mộng phiêu du*, *Kalima*, *Gió phương Nam*, *Kho báu*. Văn lối viết cổ điển, giản dị, tự nhiên, ngôn ngữ đẹp giàu chất thơ, tập truyện nhanh chóng được đông đảo bạn đọc biết đến, thưởng thức.

Bảy truyện ngắn kể cho người đọc về cuộc đời và số phận của những con người nhỏ bé, thấp hèn trong xã hội văn minh. Trong đó, nhà văn quan tâm tới số phận của những người phụ nữ. Nhà văn từ tầng lớp trên đã cúi mình xuống để thấu hiểu cuộc đời và số phận của họ, qua đó thể hiện tư tưởng nhân văn sâu sắc: Những người phụ nữ cô đơn bất hạnh nhưng luôn khao khát hạnh phúc. Hành trình kiếm tìm hạnh phúc của họ tuy khó khăn, vất vả nhưng bằng sự chủ động của mình họ đã vươn lên làm chủ cuộc đời và đạt được điều mình mong muốn.

Những nẻo đường đời là truyện ngắn đầu tiên, dài nhất, kể về ba người phụ nữ, ba mẹ con trong gia đình. Người mẹ Hélène vì mãi theo đuổi hạnh phúc cá nhân nên quên nhiệm vụ chăm sóc con cái và quan tâm nhiều hơn tới chúng. Cuộc hôn nhân tan vỡ với Lauro, bà lấy ông bác sĩ E'douard và theo ông đến Mexico. Sau đổ vỡ lần nữa, bà sống cùng Jean-Luc: "*Hélène hoàn toàn mãn nguyện trong ngôi nhà ở Ganagobie cùng Jean-Luc Salvatore (...)*" [11, 39]. Hélène là người vô trách nhiệm, chính vì vậy mà bà đã để cho Pervencher - cô con út - trượt dài ở tuổi vị thành niên. Pervencher luôn sống trong cô đơn, cô bỏ nhà theo người yêu, sống vạ vật tại khu trọ tồi tàn, nghiện thuốc, có thai và bị gã người yêu bán cho Dax. Cuối cùng, cô được giải thoát khỏi nơi ở của Dax, sinh con và làm lại cuộc đời với hi vọng về cuộc sống mới. Còn Clémence, cô con gái cả mặc dù đỗ mọi kì thi, trở thành thẩm phán nhưng không sao cứu được em mình khỏi trượt ngã trên đường đời. Clémence cũng tìm được hạnh phúc của mình khi kết hôn với Paul.

Cô bé mười lăm tuổi trong *Mộng phiêu du* lại hoàn toàn khác. Cô bé chán ghét cuộc sống hiện tại, chán công việc thường ngày phải đến trường và trong đầu cô luôn xuất hiện ý nghĩ khác lạ, luôn mang trong mình giấc mộng phiêu du. Cô muốn vứt tất cả bài học ở lại và đến một cuộc sống mới, khác lạ. Trong đêm đó, cô bắt đầu kể về giấc mộng phiêu du của mình. Trong giấc mộng cô bé có nhiều suy nghĩ, sự tưởng tượng về cuộc sống của con người

ngoài kia, hoàn toàn mới không giống với sự tẻ nhạt của cuộc sống ở trường học. Nhưng càng đi cô bé cảm thấy sợ hãi. Trong đêm, cô bé bắt gặp một người phụ nữ da đen sinh con ở ngoài bãi đất. Để rồi cô bé nhận ra rằng bước vào thế giới người lớn thật khó khăn, với những sự nguy hiểm mà con người cần phải vượt qua. Cô gái với trái tim nồng nhiệt nhịp đập của khát khao tự do, hướng tới những chân trời mới: “*Cô thuộc về các dân tộc du cư cổ xưa, các dân tộc của hang hốc của thung lũng, các dân tộc của rừng của sông*” [11, 105]. Và cô đã quyết ra đi khỏi thế giới văn minh để tìm về tự nhiên nguyên sơ. Ở đó, cô mới là chính mình, mới thực sự tự do, hạnh phúc.

Nhân vật chính trong *Khách sạn cô liêu* là Eva. Say sưa tìm hạnh phúc với những mối tình ngắn ngủi, giờ đây khi về già, của cải của bà chỉ còn lại những hồi ức, những kỉ niệm vui, buồn trong cuộc đời mình khi ở cạnh người yêu. Bà kể lại một cách tuần tự nơi mình đã từng ở với những ai. Đầu tiên, khách sạn Almunecar gắn với kỷ niệm về Raymond Roussel người tình của bà, ông đã chết ở nơi đây. Sau đó, Eva lại nhớ đến những ngày ở khách sạn Washington, Colon cùng với Nathan. Họ đã đi du lịch và trải qua những tháng ngày hạnh phúc bên nhau, nhưng rồi Nathan cũng mất, bỏ lại bà một mình trong cõi đời. Tiếp đến bà nhớ về Buenos Aires, tại khách sạn Revolución, bà đã nhìn thấy Onetti. Còn khi ở khách sạn Casino bà nhớ đến hình ảnh của Rulfo. Chỉ vài ba trang văn ngắn, Le Clézio đã tái hiện toàn bộ cuộc đời của nhân vật Eva. Ở khách sạn cả đời, với cuộc sống lang thang vô định, để rồi cuối đời Eva trở thành một bà già sống và ra đi trong cảnh nghèo, cô đơn.

Ba nàng phiêu lưu viết về ba người phụ nữ, mỗi người một cảnh nhưng đã tìm được hướng đi và hạnh phúc cho mình. Sue bỏ nhà ra đi, cô bắt xe đi về hướng Đông, làm việc một năm ở Philadelphia, sau đó gặp trục trặc trong công việc nên lại “*xách túi và đi về hướng Nam, đến Atlanta*” [11, 119]. Trở về nhà nhưng không gặp được bố mẹ bởi họ đã chuyển đi từ hơn một năm trước, cô bắt xe đi Chicago, tìm cuộc sống mới. Rosa từ nhỏ đã giàu lòng nhân ái, muốn

giúp trẻ mồ côi có được cuộc sống tốt đẹp. Bà đã dành cả cuộc đời mình giúp đỡ những đứa trẻ và coi đó là hạnh phúc của cuộc đời mình. Còn Alice lại yêu say cuộc sống, tinh thần và thơ ca. Cô cũng có ước mơ được đến Pháp “*để thăm thú Paris*”, muốn “*tìm biết thế giới*” nhưng bà đã dành trọn cuộc đời mình ở đảo để làm chỗ dựa cho cha mẹ già yếu, chăm sóc em gái bệnh, chia sẻ và giúp đỡ mọi người. Chính bà đã mang lại “*cho đôi mắt mình tia chớp cuộc đời*” [11, 127].

Kalima là cô gái trong truyện ngắn cùng tên có số phận thật bất hạnh và đáng thương. Sau khi chứng kiến cái chết của Kalima trong nhà xác, Bruno đã kể lại những ngày đầu khi cô mới lên thành phố và cho đến lúc cô bị đâm chết cùng với niềm xót thương vô hạn. Mở đầu truyện, nhà văn miêu tả cái chết của Kalima. Đây là cái chết đầy thương tâm nhưng những người xung quanh đều dửng dưng và thậm chí coi xác em không tồn tại. Sau đó Bruno bắt đầu kể lại ngày mà Kalima lên Marseille làm việc cùng chị gái, mọi người nhìn em bằng những ánh mắt dò xét, họ nhìn chòng chọc vào em như một sinh vật lạ. Người thân duy nhất của Kalima là chị gái cũng bỏ em mà đi. Cô bé không còn cách nào khác phải làm gái điếm để kiếm sống. Cũng chính cái nghề này đã vùi dập cô và đưa tiễn cô về bên kia thế giới. Một buổi tối, trên đường phố vắng lạnh, một gã đàn ông đến chỗ Kalima và đâm cô đến chết trước khi cảnh sát đến và đưa cô vào bệnh viện. Như vậy, Kalima dù sống hay chết vẫn không được công nhận là con người trong xã hội này.

Gió phương Nam đưa người đọc đến một miền đất hứa với niềm hi vọng về một tương lai tươi sáng cho cô gái Maramu. Ở tuổi đời còn rất trẻ mà cô đã trải qua biết bao biến cố cuộc sống: tình yêu, sinh nở, làm mẹ đơn thân,... Câu chuyện về Maramu được kể lại thông qua dòng hồi tưởng cậu bé Tupa về quãng thời gian sống trên quần đảo cùng cha. Trong quãng thời gian đó, Tupa cảm thấy vui vẻ và hạnh phúc khi được vui đùa, trò chuyện với Maramu. Cậu nhớ lại kỉ niệm đã bỏ học và đi chơi cùng Maramu ra bãi đá ngầm “*Chúng tôi*

thong dong thả bộ, giống như đang giò tìm điều gì, trên một tấm thảm mượt mà sống động, và ngọn sóng dập dờn vờn đầy chúng tôi, tung bọt vào mắt chúng tôi. Rồi chúng tôi trở về căn nhà mát rượi” [11, 154]. Qua việc miêu tả thiên nhiên ta thấy được tâm trạng vui vẻ của con người. Đó mới là cuộc sống mà những người như Tupa và Maramu mong muốn, hòa mình vào thiên nhiên hoang dã. Cô muốn mình là một “con chim di trú” sống vui vẻ, tự do trên quần đảo Polynésie này. Với sự mạnh mẽ của mình, cô quyết định gắn bó cuộc đời với Tommy và họ đã đi “vòng quanh thế giới”.

Truyện cuối dài hơn cả và cũng khó nắm bắt hơn - *Kho báu*. Trong truyện này, Le Clézio miêu tả về cuộc hành trình mà ở đó những nền văn hóa đối diện nhau trong cùng thời khắc quá khứ, hiện tại và tương lai. Đây là cách viết quen thuộc và cũng là thể mạnh trong sáng tác của ông. Qua cuốn nhật kí nằm trong “*kho báu*” của Samaweyn, ta thấy lữ khách xưng “tôi” (John Burckhardt) kể về hành trình đi vào khe Syk tìm “*kho báu*”, tìm về cội nguồn tổ tiên của mình, trong hành trình ấy, anh đã gặp một cô bé “*có một khuôn mặt kỳ lạ, bình thản, mắt màu hổ phách, ánh lên mạnh mẽ. Tôi hiểu ngay là nó bị câm*” [11, 191]. Cô bé nghèo khổ sống lang thang trong đồng tàn tích của các thần linh giữa những khe núi, hòa mình vào bóng tối. Còn qua nhân vật chính Samaweyn - cậu bé mồ côi - cậu có một người bạn là cô - người phụ nữ lạ, một bóng người cùng Samaweyn phiêu du trong các ngôi mộ “*Con đã đi cùng cô, tất cả những ngày này, qua thành phố của các linh hồn. Con không có gì khác để làm ngoài việc đi bên cô, trước cái bóng cô một chút, từ sáng đến tối*” [11, 202]. Cậu bé Samaweyn đã tìm thấy sự bình an, niềm vui, hạnh phúc và tìm thấy được tình yêu thương của người mà cậu gọi bằng cô dành cho mình, mà những điều này ở cuộc sống hiện đại cậu bé chưa từng một lần có được cảm giác này. Nhưng cuối cùng người cô cũng bỏ cậu đi, chỉ còn lại sự đau khổ, tuyệt vọng. Cuối cùng, cậu cũng ra đi về thế giới của những linh hồn. Bên cạnh đó còn có bà lão Ayicha sống tàn tạ cô đơn bên những ngôi mộ cổ.

Một điều dễ nhận thấy trong văn chương của Le Clézio là dấu ấn cổ điển, xưa cũ. Trong tập truyện *Những nẻo đường đời và những bản tình ca khác*, nhà văn khai thác sự khác biệt giữa các nền văn hóa, những cuộc phiêu du, nỗi cô đơn và hồi ức từ thuở ấu thơ đến khi trưởng thành, đặc biệt, ông quan tâm đến số phận của những nhân vật nữ cùng với những cảm nhận tinh tế về thế giới tâm hồn tuổi mới lớn. Với Le Clézio, họ có cô đơn, vất vả nhưng họ cũng cố gắng vươn lên để tìm thấy hạnh phúc của đời mình. Điều này thật đáng trân trọng.

Nhan đề của tập truyện *Những nẻo đường đời và những bản tình ca khác* cũng là vấn đề được quan tâm. Tên tiếng Pháp của tác phẩm là *Coeur Bruleet autres romances*, dịch nguyên bản là *Trái tim cháy với những bản tình ca*. Tuy việc dịch và đặt tên tập truyện không sát nghĩa nhưng lại có căn cứ. Trong cuộc phỏng vấn với nhà văn về nhan đề tác phẩm, nhà văn chia sẻ những mảnh đời này ông đã từng chứng kiến và ông đã dành tình cảm yêu thương, trân trọng con người với những mảnh đời khác nhau đó. Đồng thời, người dịch cũng căn cứ vào nội dung của cả tập truyện để dịch thành nhan đề *Những nẻo đường đời và những bản tình ca khác*. Cách dịch nhan đề như vậy là hợp lý. Trong tập truyện, chỉ có truyện ngắn đầu tiên “*Những nẻo đường đời*” là dịch không sát với nguyên bản, nguyên bản dịch là “*Trái tim cháy*” còn lại những truyện ngắn “*Mộng phiêu du*”, “*Khách sạn cô liêu*”, “*Ba nàng phiêu lưu*”, “*Kalima*”, “*Gió phương Nam*”, “*Kho báu*” đều dịch sát với nguyên bản. Tập truyện với bảy tên gọi khác nhau giúp người đọc phần nào hình dung ra được số phận, cuộc đời của mỗi con người. Qua đó thể hiện cái nhìn của nhà văn về những người phụ nữ với những mảnh đời cô đơn, bất hạnh nhưng trên hết chính là tình yêu thương con người với khát khao hạnh phúc nồng cháy.

Như vậy, thông qua việc tìm hiểu khái quát về hai nhà văn và hai tập truyện *Không ai qua sông* (Nguyễn Ngọc Tư) và *Những nẻo đường đời và những bản tình ca khác* (Le Clézio), chúng tôi nhận thấy: Hai nhà văn ở hai quốc gia khác nhau, hai nền văn hóa khác nhau nhưng lại có những điểm tương

đồng trong cách nhìn về người phụ nữ. Tất nhiên, bên cạnh điểm tương đồng trong hai tập truyện này họ còn thể hiện sự khác biệt trong cái nhìn về người phụ nữ. Những điểm tương đồng và khác biệt này chúng tôi sẽ làm rõ ở chương 2 và chương 3. Tựu chung lại, dù ở đâu, phương Đông hay phương Tây, ở Việt Nam hay ở Pháp thì Văn học cũng là Nhân học. Tất cả đều vì sự phát triển của con người. Viết về nỗi cô đơn, bất hạnh cũng như niềm khát khao hạnh phúc của họ cũng chính là tiếng nói đồng cảm, yêu thương và giúp cho con người có thể “*gần người hơn*”.

Chương 2

SỰ TƯƠNG ĐỒNG TRONG CÁI NHÌN CỦA NGUYỄN NGỌC TƯ VÀ LE CLÉZIO VỀ NGƯỜI PHỤ NỮ

Ở chương này, chúng tôi sẽ trình bày kết quả khảo sát về các dạng thức biểu hiện của nỗi cô đơn, bất hạnh và khát khao hạnh phúc ở người phụ nữ trong hai tập truyện *Không ai qua sông* (Nguyễn Ngọc Tư) và *Những nẻo đường đời và những bản tình ca khác* (Le Clézio). Qua đó, chúng tôi sẽ rút ra kết luận về sự tương đồng trong cái nhìn của hai nhà văn về người phụ nữ, đồng thời, chúng tôi bước đầu lí giải nguyên nhân dẫn tới sự tương đồng ấy.

2.1. Người phụ nữ có số phận cô đơn, bất hạnh

2.1.1. Các dạng thức nỗi cô đơn, bất hạnh của người phụ nữ

Theo từ điển tiếng Việt, cô đơn có nghĩa là “*chỉ có một mình, không nương tựa được vào đâu*” [22, 230]. Còn theo chiết tự, “*cô đơn*” là từ Hán Việt, “*cô*” nghĩa gốc là mồ côi cha. Khi chuyển nghĩa nó có những nét nghĩa sau: trơ trọi một mình, không ai giúp đỡ; vượt khỏi vị trí vốn có của vật này so với vật khác. Từ “*đơn*” có nghĩa là lẻ, riêng, chỉ có một mình. Vậy, “*cô đơn*” chỉ sự lẻ loi, đơn chiếc, cô độc của con người.

Về mặt tâm lý, “*cô đơn*” là trạng thái con người cảm thấy lẻ loi, hụt hẫng khi bị cắt đứt khỏi sợi dây liên hệ với cộng đồng. Cô đơn như một trạng thái tâm lý bao gồm các cấp độ: Thứ nhất là những cảm xúc cô đơn tồn tại một cách rời rạc, riêng lẻ. Thứ hai là cảm giác cô đơn. Thứ ba là tâm lý cô đơn được hiểu là những biểu hiện tâm lý tồn tại trong một khoảng thời gian tương đối ổn định và trực tiếp chi phối người mang tâm trạng đó về nhiều mặt. Nỗi cô đơn có hai cơ chế diễn hình: tự cô đơn và bị cô đơn. “*Tự cô đơn*” là trạng thái thuộc về cội nguồn bản thể. “*Bị cô đơn*” là trạng thái xét trong mối tương quan với hoàn cảnh, với cộng đồng xã hội xung quanh, không phụ thuộc vào ý thức và ý muốn của con người.

Có thể thấy con người cô đơn là một chủ đề xuyên suốt trong văn học nhân loại, đặc biệt trong văn học hiện đại và hậu hiện đại. Người phụ nữ cô đơn là biểu hiện cụ thể cho nỗi cô đơn, bất hạnh của con người nói chung. Khi nghiên cứu hai tập truyện *Không ai qua sông* của Nguyễn Ngọc Tư và *Những nẻo đường đời và những bản tình ca khác* của Le Clézio chúng tôi nhận thấy hai nhà văn biểu hiện sự cô đơn ở người phụ nữ qua hai dạng thức cơ bản: “*cái tôi tự cô đơn*” (do không thể chia sẻ) và “*cái tôi bị cô đơn*” (do hoàn cảnh, phải sống một mình, không người thân thích). Khảo sát hai tập truyện, ta có bảng sau:

BẢNG PHÂN LOẠI NỖI CÔ ĐƠN, BẤT HẠNH CỦA NGƯỜI PHỤ NỮ

STT	Kiểu loại	Tác giả	Tác phẩm	Nhân vật	Số lượng
1	Cái tôi tự cô đơn	Nguyễn Ngọc Tư	<i>Mưa mây</i>	Ngò	12
			<i>Đất</i>	Cô Lem	
				Bà nội	
				“em”-Út Mười	
				Mẹ	
			<i>Lời yêu</i>	Nhí	
			<i>Không ai qua sông</i>	Út Lệ	
			<i>Nhỏ quán</i>	Mười	
			<i>Nút áo</i>	Tím	
		<i>Vực không đáy</i>	Mẹ bé Bi		
		<i>Thâm</i>	Thâm		
			Mẹ Thâm		
		Le Clézio	<i>Những nẻo đường đời</i>	Hélène	6
				Pervenche	
Clémence					
<i>Gió phương Nam</i>	Maramu				
<i>Ba nàng phiêu lưu</i>	Sue				
<i>Mộng phiêu du</i>	Cô bé mười lăm tuổi				
2	Cái tôi bị cô đơn	Nguyễn Ngọc Tư	<i>Tiêu tụy vòng quanh</i>	Câm	5
			<i>Đi thật xa mới đến nhà bạn cũ</i>	Miền	
				Lê	
			<i>Không ai qua sông</i>	Thiếp	
				Trâm	
		Le Clézio	<i>Khách sạn cô liêu</i>	Eva	4
			<i>Kalima</i>	Kalima	
			<i>Kho báu</i>	Bà lão Ayicha	
		Cô – người phụ nữ lạ			

Bảng khảo sát trên cho thấy: “*Cái tôi tự cô đơn*” có số lượng nhiều hơn “*cái tôi bị cô đơn*” trong cả hai tập truyện. Cụ thể, trong tập truyện *Không ai qua sông* (Nguyễn Ngọc Tư) nhân vật tự cô đơn là 12/17 (chiếm 70,6%), nhân vật bị cô đơn chỉ có 5/17 (chiếm 29,4%); tập truyện *Những nẻo đường đời và những bản tình ca khác* (Le Clézio) có 6/10 nhân vật tự cô đơn, chiếm 60%, còn lại 4/10 nhân vật bị cô đơn, chiếm 40%.

Sở dĩ số nhân vật “*tự cô đơn*” được hai nhà văn quan tâm nhiều hơn số nhân vật “*bị cô đơn*” là bởi vì trước hết, cô đơn vốn là trạng thái cố hữu của con người. Khi sống giữa biển người mà không thể chia sẻ với ai là biểu hiện của sự cô đơn, bất hạnh. Đây là dạng thức mà cả Nguyễn Ngọc Tư và Le Clézio đều nhận ra và phản ánh trong tác phẩm của mình. Mặt khác, xã hội hiện đại khiến con người dễ rơi vào trạng thái cô đơn. Điều này bắt nguồn từ hoàn cảnh lịch sử - xã hội thế kỷ XX - XXI, con người chứng kiến những sự kiện lớn, ảnh hưởng tới toàn nhân loại. Đó là cuộc chiến tranh thế giới lần thứ nhất, cách mạng tháng Mười Nga thành công, phong trào đấu tranh giành độc lập bùng nổ ở các nước Á, Phi, nạn phát xít đe dọa, chiến tranh thế giới lần thứ hai, sự sụp đổ của Liên Xô... Nền văn minh vật chất mới, sự tiến bộ của khoa học kỹ thuật đã giúp con người phát hiện ra những bí mật của đời sống, tự nhiên và vũ trụ. Do vậy, xã hội Âu Mỹ nhanh chóng đi vào kỷ nguyên văn minh vật chất và nhiều kỳ vọng về tương lai. Nhưng con người cũng đã sớm nhận ra rằng họ đã sai lầm khi nền văn minh vật chất đã phản bội lại con người. Mặt khác nó biến con người thành nô lệ của xã hội máy móc văn minh. Xã hội vật chất chi phối và quyết định cuộc sống cũng như hành động của con người. Đối diện với sự hoài nghi về cái cũ lẫn cái mới, văn hóa tinh thần của Tây phương đi vào khủng hoảng sâu sắc. Chính những điều đó đã khiến cho con người hiện đại dễ rơi vào tình trạng cô đơn. Các nhà văn tiêu biểu cho các trào lưu tư tưởng mới phản ánh vấn đề cô đơn của con người là: Franz Kafka, Albert Camus, Ernest Hemingway... Trong đó, người phụ nữ cô đơn cũng là đề tài được quan tâm và thể hiện ở nhiều khía cạnh.

Dạng thức tiêu biểu nhất mà cả Nguyễn Ngọc Tư và Le Clézio đều phản ánh trong tập truyện của mình là nỗi “*cô đơn do không thể chia sẻ*” (“*cái tôi tự cô đơn*”). Trong tập *Không ai qua sông*, Nguyễn Ngọc Tư đã khắc họa rất nhiều nhân vật có nỗi cô đơn này. Có thể kể đến như Ngò (*Mưa mây*), Mẹ bé Bi (*Vực không đáy*), Mươi (*Nhố quán*), Nhí (*Lời yêu*), Tím (*Nút áo*), Thâm (*Thâm*), út Mươi (*Đất*),... Tuy nhiên, chúng tôi chỉ dừng lại phân tích nỗi cô đơn, bất hạnh ở hai nhân vật sau: Mẹ bé Bi (*Vực không đáy*), Ngò (*Mưa mây*).

Hôn nhân vốn được xây dựng trên cơ sở của tình yêu, vợ chồng sống được với nhau lâu dài là vì cái nghĩa. Gia đình có thể tồn tại được bền vững hay không là ở sự đồng điệu giữa hai tâm hồn - bạn đời là từ chỉ các cặp vợ chồng là vì vậy. Họ có thể chia sẻ, bỏ khuyết cho nhau, giúp đỡ nhau cùng xây dựng hạnh phúc lâu bền. Nhưng một khi không còn chia sẻ được nữa, mỗi người đều im lặng và tạo nên “*vực không đáy*” cách ngăn mà không thể lí giải nổi thì sợi dây kết nối tình cảm sẽ lỏng lẻo, hôn nhân không hạnh phúc hay sẽ tan vỡ là điều không tránh khỏi. Khi đó, người đau khổ nhất chính là phụ nữ. Họ sống cô đơn ngay bên chính người chồng đầu ấp má kề của mình. Nguyễn Ngọc Tư đã chỉ ra điều này trong các truyện ngắn thông qua một số nhân vật. Mẹ bé Bi (*Vực không đáy*) là một trong những người có bi kịch như thế. Mẹ bé Bi phải gánh nỗi cô đơn đặng đặng suốt cuộc đời mà không thể chia sẻ giải bày. Nỗi cô đơn ấy trước hết ẩn chứa trong chính góc gác thân phận của chị. Chị vốn là một đứa trẻ bị bỏ rơi, sống trong cô nhi viện. Cuộc sống ở nơi ấy, chị lủi thủi tự thu mình một góc. Khao khát tình yêu thương, chị tự bù đắp cho mình sự ôm ấp, gần gũi trong tưởng tượng với người mẹ bằng cách: “*mút góc khăn, góc áo gói, bắt thứ gì mềm và có hình tam giác*” [34, 11]. Chưa hết, nỗi cô đơn ấy còn thể hiện qua việc chị đặt tên cho con thú nhồi bông được tặng là Quói - người bạn thân duy nhất của chị ở cô nhi viện từng “*bị người ta đón đi*” như lời chị nói. Cuộc sống ở cô nhi viện khiến chị có thói quen giấu kĩ tâm tình cảm xúc. Tình cảm quý mến đối với ông chủ trẻ (sau này trở thành chồng của chị) được chị

biểu lộ một cách kín đáo: “*Những vật dụng cũ như khăn tay, bàn chải đánh răng, dao cạo râu, sau khi ba liệng vô thùng rác, đều được cô lén giữ lại, cất trong giỏ của mình như kỉ vật. Và có lần quay lại mở giấy tờ để quên, ba bắt gặp cô úp mặt vào hít hà cái áo đầm mồ hôi của ông chủ trẻ*” [34, 9]. Những tưởng sau những tháng ngày buồn tẻ, chị sẽ được yên ấm và hạnh phúc trong cuộc hôn nhân như truyện cổ tích thời hiện đại. Nhưng không, bi kịch cô đơn của chị lại bị khoét sâu thêm từ hành động cuu mang của chị đối với một bà già tội nghiệp. Hành động đó đã làm dấy lên nỗi ngờ vực ngày một gia tăng nơi người bạn đời của chị. Cuộc sống tại trung tâm nuôi dưỡng trẻ bị bỏ rơi đã giúp cho Ngà, một cô bé vốn “*rầu rĩ*”, “*mắt nhìn xuống*” trở nên có sự bình thản, “*nhẹ nhõm như phốt đời*”, “*tĩnh rụi trước quá khứ*” như một sự dũng cảm chấp nhận và vượt lên hoàn cảnh để sống, để yêu thương mà không thích bộc lộ, phô bày những vất vả, khổ đau của mình. Nỗi cô đơn, bất hạnh của cô là lòng tốt bị chồng nghi ngờ, không thấu hiểu; cô cũng không thể sẻ chia bởi cô biết có nói gì thì cũng không được tin là sự thật nên chọn cách nín thinh trước sự giận dữ của chồng. Để rồi, sự im lặng ấy đã đẩy tới bi kịch hôn nhân tan vỡ. Nhiều năm trôi qua, mẹ bé Bi vẫn sẽ mãi sống trong sự ghen hờn vô lí của chồng, mặc dù họ đã li dị, dù Bi đã là một cô bé mười lăm tuổi: “*Cho đến giờ, chúng kiến ba mẹ mỗi lần gặp lại đều tỏ ra dè dặt, như người này là một mảnh thủy tinh vỡ, nếu không cẩn thận có thể làm người kia chảy máu (...)*” [34, 14]. Nhà văn đã vật chất hóa nỗi đau tinh thần để khắc họa nỗi cô đơn của nhân vật. Cách so sánh ba và mẹ là những mảnh thủy tinh vỡ, sắc nhọn, có thể làm chảy máu là cách so sánh độc đáo, đẩy con người tới sự cô đơn tuyệt đối.

Khác với cuộc hôn nhân của mẹ bé Bi, chị Ngò trong *Mưa mây* hơn chồng mười ba tuổi, đến với nhau bởi Lì nói “*giống má tui*” [34, 90], người má mà chồng Ngò đã đánh mất từ khi còn nhỏ. Trong không gian mùa khô, nắng hạn, “*hơi nóng ngạt lên*”, cơn mưa mây giăng ngang rồi tạnh ráo, tiếng dế đi Dững rền rĩ bên sân, đối thoại ngắn ngủi của hai vợ chồng thể hiện một cái gì

đó ngăn ngui “*như chưa từng*” xảy ra, cũng như hạnh phúc của Ngò vậy. Chồng Ngò lại đi lang bạt theo những đàn bò “*chẳng ngoái nhìn, chẳng hứa hẹn hôm nào về lại, đi là đi một nước*”. Cho nên Ngò chẳng hiểu Li nghĩ gì, làm gì, dự tính gì cho tương lai, chỉ khi nào Li về thì biết vậy, khi nào đi là đi luôn, không giữ mà cũng đâu giữ nổi, như lâu nay vẫn vậy. Li đi “*để lại sau nó cơn vắng sâu hút, đến chóng mặt*”, âm thanh net pô hung hăng của tiếng xe máy Li phát ra càng gợi sự vắng lặng và cô đơn trong Ngò. Di Dững với lời phán “*cái nhà này không giữ được đàn ông*”, nhắc Ngò “*nhớ người cha xuống tàu đi Nam Vang không về, ông ngoại và cậu Hai bị bắn chết đạn tụi diệt chủng tràn qua, cậu Năm lặn đất mướn bên cù lao một bữa chẳng thấy trời lên*” [34, 89]. Những người trong gia đình lần lượt bỏ đất, bỏ nhà, còn lại mình Ngò đơn côi sau khi đưa em gái cũng bỏ đi lấy chồng, Ngò “*nhìn thấy thời con gái của mình úa dần khi soi những đôi mắt bò trong vắt*”. Bộ dạng di Dững như biểu tượng của sự vượt thoát số phận không thành, nên Ngò cũng sợ mình không thể vượt thoát số phận để chấp nhận sống thụ động, làm những việc “*không ăn thua*”. Khung cảnh ngôi nhà phủ đầy dây leo mang tên “*phập phồng*” trói buộc cuộc đời nhân vật cũng sống trong phập phồng hi vọng, lo sợ, không thể có được hạnh phúc: “*Những hạt giống mang tên Phập Phồng dì mang về mấy mùa trước đã thành dây leo, hạn càng dài càng tươi tốt, sắp phủ hết căn nhà của Ngò*” [34, 93]. Hình ảnh nói lên sức sống dai dẳng, mãnh liệt của những phập phồng âu lo nhưng không cách gì tháo gỡ được những nút thắt rối như tơ vò trong lòng Ngò cũng như trong cuộc sống của họ.

Như vậy, bi kịch mà Nguyễn Ngọc Tư phản ánh là bi kịch của những con người cô đơn trong chính ngôi nhà của mình. Về vấn đề này, Le Clézio lại đặc biệt quan tâm đến những thiếu nữ tuổi vị thành niên - những người lạc lõng giữa người thân. Pervenche và Clémence trong *Những nẻo đường đời* là những nhân vật tiêu biểu nhất.

Trong truyện ngắn *Những nẻo đường đời*, Pervenche là một cô gái đặc biệt. Một cô bé dễ thương và trong sáng. Nhưng trong gia đình cô, mẹ là một

người vô tâm, chỉ biết lo cho hạnh phúc cá nhân của mình, chị gái Clémence muốn vượt lên hoàn cảnh nên lao vào học hành mà quên đi việc mình còn người em đang cần được chăm sóc. Ấn tượng về gia đình chỉ còn là: “*Nó có thể quên đi những giờ phút buồn thảm ở trường, những trận cãi vã liên miên với mẹ, cái nhìn hằn học của Jean-Luc, vẻ khinh thường câm lặng của Clémence*” [11, 20]. Chỉ một câu văn mà nhà văn đã thu tóm toàn bộ các mối quan hệ của cô với mọi người trong gia đình: Nếu như ở trường chỉ là những “*giờ phút buồn thảm*”, vô nghĩa thì không khí ở nhà còn ngột ngạt và căng thẳng hơn. Trong quan hệ với mẹ, Pervenche không nhận được sự quan tâm cùng “*những trận cãi vã liên miên*”; trong quan hệ với chị gái, cô cũng ít sự kết nối ngoài một vài kỉ niệm tuổi thơ, hơn nữa, cô còn nhận được “*vẻ khinh thường câm lặng*” của chị khi cô chị học cao, đỗ đạt, còn cô em học hành kém, dở dang; ngoài ra, Jean-Luc là người tình thứ ba của mẹ cũng đối xử với cô bằng “*cái nhìn hằn học*”. Có thể nói, Pervenche sống trong ngôi nhà mà mọi mối quan hệ đều lỏng lẻo, cô sống cô đơn ngay trong chính ngôi nhà của mình. Vì vậy, cô trở thành một nhân vật nổi loạn, bỏ nhà ra đi là một tất yếu để mong kiếm tìm được hạnh phúc ở nơi khác. Tuy nhiên, trong quan hệ với người yêu, cô bị Laurent biến thành người sống lang thang dưới đáy của xã hội. Thậm chí chính người yêu lại là kẻ bán đứng cô, hất bán cô cho Dax để lấy tiền hút trich. Le Clézio diễn tả tận cùng nỗi chán chường của nhân vật, sự bất lực của Pervenche khi cô để mình sống buông thả, lệ thuộc vào Laurent, chịu làm kẻ bị giam lỏng trong nhà của Dax. Không gian ngoài trời là không gian được nhà văn dụng công miêu tả để làm nổi bật nỗi cô đơn, bất lực của Pervenche. Cách miêu tả gọi không gian u ám, nặng nề trong đêm Pervenche bị Laurent chở đi bán cho Dax: “*Đầu tiên là đáy thung, với con đường ngoằn ngoèo, và những căn nhà xây thủ công bám rải rác trên sườn đồi trông như những tổ ong vò vẽ. Rồi người ta băng rừng lên dốc, trời ảm đến độ người ta xuyên qua những đám mây nặng trĩu sà xuống cành thông, quàng trong bụi rậm*” [11, 45]. Đó là một không gian được tác giả đặc tả có cả chiều cao, chiều rộng và chiều sâu. Nhưng không gian được

tạo ấn tượng nhất là chiều sâu. Chiều cao chỉ được tác giả miêu tả bằng những đám mây “*nặng trĩu sà xuống cành thông*” - những đám mây này cũng nhuốm màu tâm trạng trở nên nặng trĩu. Chiều rộng cũng chỉ được miêu tả qua hình ảnh “*những căn nhà xây thủ công bám rải rác trên sườn đồi như những tổ ong vò vẽ*”. Nhưng chiều sâu lại được tác giả nhấn mạnh thông qua những từ ngữ: “*đáy thung*”, “*ngoằn ngoèo*”, “*bụi rậm*”... Những hình ảnh thiên nhiên, không gian được lựa chọn miêu tả khắc họa rõ nét tình cảnh cô đơn, sự u ám, tăm tối và bế tắc không lối thoát của Pervenche. Rõ ràng, Pervenche rơi vào cảnh ngộ sống mà như chết trong mòn mỏi, cô đơn và bị quên lãng.

Clémence - chị gái Pervenche - cũng là một người cô đơn. Cô không sa ngã như em gái, nhưng trong hoàn cảnh gia đình ấy, cô cũng khép mình lại, cố gắng học tập, thi cử... Để rồi khi đã trở thành bà thâm phán, Clémence mới chợt nhận ra mình đã bỏ rơi và đánh mất em mình khi nó cần mình nhất. Nỗi ám ảnh khôn nguôi, nỗi buồn sâu kín vì bất lực ấy khiến cô “*Giờ đây, mỗi lần về đêm, Clémence không tài nào chợp mắt. Chị chẳng có lấy một đêm bình yên kể từ ngày Pervenche bỏ đi. Sáng sáng, cứ quăng ba, bốn giờ, chị lại bị đánh thức vì một tiếng chuông, gầy gọn mà khản nài, chị bật dậy trên giường, nhiều nhại mô hôi, tim đập liên hồi, Paul vẫn ngủ ngon trong góc của mình, khe khẽ ngáy*” [11, 11]. Những cụm từ “*mỗi lần về đêm*”, “*sáng sáng*” diễn tả sự lặp lại về thời gian nhằm nhấn mạnh sự cô đơn, trần trọc của Clémence mang tính kéo dài. Nghệ thuật đối lập về tâm trạng và hành động giữa Clémence và Paul: Paul vẫn ngủ ngon giấc và “*khe khẽ ngáy*”, trong khi Clémence “*không tài nào chợp mắt*”, “*chẳng có lấy một đêm bình yên kể từ ngày Pervenche bỏ đi*”...những cụm từ phủ định tuyệt đối này được kết hợp với động từ “*bật dậy*” và tính từ chỉ tần suất “*liên hồi*”, “*nhiều nhại*”...thể hiện mức độ cô đơn được đẩy đến mức tuyệt đối. Clémence lựa chọn cuộc sống thu mình, tách biệt, cách li với mọi người để tự dần vật với nỗi cô đơn trong lòng: “*Clémence đoạn tuyệt với mọi thứ...chị xua đuổi các mối quan hệ với đồng môn, các buổi tối tụ họp với*

bạn bè... Chị lẳng lẳng làm thế, không lời oán thán, khuôn mặt héch lên bất cần, vẻ thờ ơ... để chối bỏ trữu mến khiến người ta lãng quên và xoa dịu những vết bỏng” [11, 11]. Trong quan hệ với người yêu, Clémence chỉ chia sẻ với Paul những chuyện vui còn những chuyện buồn thì cô giấu kín trong lòng để rồi tự mình gặm nhấm nỗi cô đơn. Thậm chí đôi lúc chị không thích ở cạnh người yêu “Paul ngỡ ngác khi chị quyết định ngủ lại trong phòng làm việc, trên ghế sofa” [11, 12]. Có thể nói đây là nhân vật thành công trong sự nghiệp, sống trong nhiều mối quan hệ nhưng vẫn rơi vào tình trạng cô đơn, bất lực.

Như vậy cả Nguyễn Ngọc Tư và Le Clézio đều thấy được những rạn vỡ trong tình cảm gia đình, những rào cản tâm lí khiến các nhân vật nữ cô đơn ngay chính nơi được gọi là “tổ ấm”. Bên cạnh đó, các nhà văn còn phản ánh nỗi bất hạnh của những người phụ nữ, những “cái tôi bị cô đơn” khi không có người thân nào ở bên cạnh. Ở Nguyễn Ngọc Tư, các nhân vật trẻ tuổi đã lặng lẽ sống đơn độc gồm có Cẩm (*Tiểu tụy vòng quanh*), Miên (*Đi thật xa mới đến nhà bạn cũ*), Lê (*Dây diều*), Thiếp và Trầm (*Không ai qua sông*). Trong đó, chúng tôi chỉ lựa chọn đi sâu phân tích nỗi cô đơn, bất hạnh của hai nhân vật Cẩm và Miên.

Chị Cẩm trong *Tiểu tụy vòng quanh* là một đứa trẻ bị bỏ rơi, nhà văn không kể về mẹ chị mà chỉ giới thiệu chị có một người cha, nhưng người cha đó đã bỏ chị đi khi “chị còn ẵm ngửa”. Chị phải đơn độc đương đầu với cuộc sống ngay từ thuở lọt lòng: không cha mẹ, không người thân thích. Có lẽ người cha đã bỏ đi là niềm hi vọng duy nhất về người thân mà chị mong mỏi được gặp khiến chị quyết định sống “hai chục năm nay sáng nào nghe còi tàu đàng xa chị cũng ra chào người cha đã bỏ đi hỏi chị còn ẵm ngửa” [34, 84] với “những ngón tay khô khàng”. Hình ảnh một người con gái “hai chục năm nay” - cụm từ chỉ thời gian gọi sự đều đặn, mỗi mòn - cho người đọc thấy sự quẩn quanh đến tiểu tụy. Nó trở thành nỗi ám ảnh day dứt, khôn nguôi. Chị Cẩm không chịu lấy chồng mà cứ ở vậy, bởi lẽ theo chị nếu lấy chồng xa, không về kịp giờ tàu chạy qua để vẫy chào cha - người cha vô hình mà chị tưởng tượng. Suy nghĩ đó ăn sâu vào trong tiềm thức khiến chị như người lảm cẩm: Trong

đầu chị chỉ nghĩ tới khi nào tàu qua, kể cả khi “*thằng nhỏ*” – nhân vật chính “*dúi con vô lòng chị*”, bảo chị “*từ giờ giữ nó cho tui*” mà chị chỉ đáp “*mười tám phút nữa tàu qua*”, rồi khi “*thằng nhỏ*” dặn chị, chị vẫn điềm nhiên thả hồn theo suy nghĩ mà nói “*cha có nhìn thấy mình không ta?*” [34, 85]. Có thể nói, Cẩm đã hi sinh cả tuổi xuân, cả cuộc đời cho một điều vô vọng, một niềm tin không thể có thật trong cuộc sống.

Ở truyện *Đi thật xa mới tới nhà bạn cũ*, Miên cũng chấp nhận cảnh sống “*không chồng mà chửa*”, sau mối quan hệ ngắn ngủi, không chính thức, mối quan hệ chưa kịp gọi tên, không lấy gì làm sâu đậm ấy... Nhà văn để cho Miên xuất hiện qua dòng suy nghĩ, dằn vặt của Vĩnh - người đàn ông làm Miên có thai rồi bỏ đi lấy vợ mới. Cô lặng lẽ sống, lặng lẽ chấp nhận làm mẹ đơn thân trong khi cha nó không biết gì về sự tồn tại của đứa bé. Vĩnh nghĩ “*Một cô gái sinh con và chấp nhận làm mẹ đơn thân đâu gọn hơ như đi chợ mua mớ rau*”, “*Chỉ là lơ đãng đi qua đời nhau, da diết gì đâu mà giữ lại luôn giọt máu, giỡn hoài*” [34, 71]. Đúng là khó tin khi tình cảm của Miên và Vĩnh chưa lấy gì gọi là sâu sắc. Miên đối với Vĩnh chỉ là thoáng qua, không mấy vắn vưng, nên Vĩnh đã quên luôn mối tình ấy. Vậy mà đối với Miên lại khác. Cô “*giữ lại giọt máu*” tượng hình và sinh con ra, không một lời ràng buộc, không một câu trách hận, không một lần kiếm tìm cha đứa bé. Trong dòng suy nghĩ của Vĩnh khi biết tin Miên sinh con cho mình, cô luôn lặng lẽ, lắng nghe và chấp nhận: “*Có thể cô ta từng ám chỉ xa xôi, hỏi những câu kiểu như anh có thích con nít không, và Vĩnh vô tư bảo “chỉ nghe thôi đã ớn*”. Cô đành cầm lặng áp tay lên bụng đứng ngó theo Vĩnh đi mỗi lúc một xa, như phim” [34, 74]. Hành động “*cầm lặng áp tay lên bụng đứng ngó theo Vĩnh đi mỗi lúc một xa*” thể hiện thái độ chấp nhận chịu đựng, không dám níu giữ người cha của giọt máu đang tượng hình. Cuộc sống đầy rẫy những khó khăn, nhất là những định kiến với những người đàn bà không chồng mà chửa không dễ gì thay đổi, ấy vậy mà cô lặng lẽ chấp nhận, coi cuộc sống của mình “*như phim*”, một bộ phim đầy bi kịch và nước mắt. Hay có thể cô cũng muốn nói thật cho Vĩnh biết về sự tồn tại của đứa bé, nhưng có điều gì đó ngăn cách khiến cô không thể đến gần: “*Miên từng đến rất gần, nhưng vì những ngăn cách vô tình, hay bởi bất gặp cái nhìn*

hờ hững của Vĩnh nên cô lặng lẽ rút lui” [34, 74]. Hành động “*lặng lẽ rút lui*” một lần nữa khẳng định sự thụ động của một cô gái không dám đòi hỏi hạnh phúc cho mình. Chính vì vậy mà “*Người đàn bà không chút ngạc nhiên nào trong ánh mắt, giọng bình thản như mới vừa gặp Vĩnh hôm qua: - Vĩnh tới rồi ha. Vô đi, anh!*” [34, 77], thái độ “*bình thản*” của Miên là biểu hiện cao nhất của sự hi sinh, chấp nhận cuộc sống cô đơn.

Nếu như Nguyễn Ngọc Tư chủ yếu phản ánh “*cái tôi bị cô đơn*” ở những người phụ nữ trẻ tuổi thì Le Clézio không chỉ quan tâm tới những người trẻ tuổi mà cả ở những người đã già cũng “*bị cô đơn*” do bị bỏ rơi, phải sống một mình. Đó là các nhân vật Kalima (*Kalima*), cô – người phụ nữ lạ (*Kho báu*), bà Eva (*Khách sạn cô liêu*) và bà Ayicha (*Kho báu*). Trong số những người phụ nữ này, chúng tôi lựa chọn phân tích hai nhân vật là Kalima (trẻ tuổi) và Eva (già).

Trong truyện *Kalima* nhân vật Kalima biểu hiện rất rõ của “*cái tôi bị cô đơn*”. Sự cô đơn được biểu hiện ở tình cảnh cô bị người chị duy nhất còn lại bỏ mặc em tro tro giữa đời: “*Rồi chị bỏ em đi, một hôm chị biến mất, không để lại địa chỉ, chị đã xếp đồ của mình vào chiếc vali rồi rời khỏi nhà, và em tro tro ở đời*” [11, 137]. Câu văn là lời kể nhẹ nhàng, không bình luận, đánh giá sự ra đi của người chị mà bình luận sự ở lại của người em chỉ bằng một tính từ “*tro tro*”. Từ đó diễn tả sâu sắc nỗi đơn côi mà Kalima phải chịu khi bị bỏ rơi giữa cuộc đời đầy hiểm nguy mà cô bé không đủ sức để đương đầu. Bởi vậy, cô buộc phải làm cái nghề bị xã hội khinh rẻ - “*gái điếm*” - để nuôi sống và chính nghề đó lại vùi dập cô xuống đáy vực dẫn tới cái chết là tất yếu. Hàng đêm, cô phải đối diện với lũ đàn ông ghê tởm “*Bọn đàn ông đến, không nói một lời, họ chồm lên sau em họ thọc sâu vào trong em như vào một da thịt đã chết, rồi họ lại lẳng lẳng ra đi, còn tiền ở lại*” [11, 139]. Bọn đàn ông đến với cô chỉ là sự thỏa mãn dục vọng tầm thường của bản năng, và trả giá sòng phẳng bằng đồng tiền. Cả khi chết, Kalima vẫn không được coi là một con người, họ đứng dung và thậm chí đi qua cái xác của em mà coi như em không tồn tại trên cõi đời. Cái chết của em được miêu tả qua lời Bruno gọi sự đơn độc của cô bé. Trong khung cảnh một đêm trên phố vắng lạnh, một gã đàn ông đã giết chết em: “*Hắn đã đâm*

em một nhát , xuyên từ dưới lên trên, một cú dữ dội, và vì lớp len dày của năm lần áo, con dao không đâm sâu được vào ngực em, và em đã kêu lên” [11, 146]. Và rồi “Lần nữa, và lần nữa gã đàn ông đâm em, mạnh đến nỗi người em gập làm đôi, và lần thứ ba con dao đã xuyên qua năm chiếc áo len cắm vào tim em” [11, 146]. Nhà văn miêu tả tỉ mỉ, chi tiết sự việc em bị người ta đâm như thế nào, em đã kêu lên, em bị đâm tới lần thứ ba mới chết nhưng không có một ai tới cứu giúp. Đó là biểu hiện của nỗi cô đơn tột cùng.

Đặc biệt, có nhân vật suốt đời mãi tìm hạnh phúc nhưng cuối cùng không tìm được, phải sống trong cô độc nơi khách sạn, không người thân thích và chết trong cô đơn như Eva (*Khách sạn cô liêu*). Trong truyện, Eva sau nhiều năm ở khắp các khách sạn, quán bar với người tình, cuối đời, bà trở về khách sạn Almunecar. Ở đây, bà đã hồi tưởng lại những kỉ niệm đẹp của quá khứ. Sự cô đơn, thể hiện trước hết bà chỉ còn lại một mình trong khách sạn, không người thân và những người yêu bà đều đã ra đi, không còn ai trên cõi đời này, của cái duy nhất mà bà có trong tay lúc này là những kỉ niệm đẹp trong quá khứ bên người tình. Biểu hiện thứ hai của sự cô đơn là cuộc sống của bà tại những khách sạn. Khách sạn vốn chỉ là nơi người ta sống tạm bợ còn cuộc sống ở nhà mới mang tính ổn định, lâu dài. Bà Eva lại suốt đời sống trong khách sạn, nay khách sạn này, mai khách sạn khác thể hiện cuộc sống lưu lạc, bất định. Ở khách sạn lúc cuối đời, khi đã trở thành một bà già đơn độc, bà đã kể lại cuộc đời bà với những kỉ niệm vui, buồn trước đây. Khách sạn Almunecar gắn với Raymond Roussel nhưng lại là nỗi buồn của kí ức về một “*thị thể lạnh toát đã cứng đờ mà gia nhân không đi xa*” [11, 110]. Eva nhớ đến những ngày tại khách sạn Washington, ở Colón cùng Nathan. Nhưng Nathan cũng đã mất, để lại bà cô đơn, bơ vơ một mình, đây là sự mất mát lớn nhất trong cuộc đời của bà để lại trong tâm trí bà là sự tuyệt vọng và chán chường. Tại khách sạn Revolución, bà nhớ đến Onetti. Còn khi ở Colima, tại khách sạn Casino bà nhớ đến dáng vẻ “*nặng nề*” và “*khẽ ngập ngừng*” của Rulfo... Sau tất cả Eva chỉ còn lại sự cô quạnh và bà đã ra đi trong sự cô đơn không có một người thân, không tình yêu, không tiền bạc... là biểu hiện rõ nhất của sự cô độc.

Như vậy, có thể nói, từ khi con người ý thức về cuộc sống một cách rõ ràng hơn thì ý thức về nỗi cô đơn cũng dần bộc lộ. Bởi vậy, cô đơn không phân biệt tuổi tác. Có nghĩa là ở độ tuổi nào con người cũng có thể cô đơn. Khi khảo sát hai tập truyện của Nguyễn Ngọc Tư và Le Clézio, chúng tôi nhận thấy, từ thanh niên cho tới bậc trung niên, hay tuổi già đều có những nỗi cô đơn, bất hạnh.

BẢNG KHẢO SÁT
CÁC DẠNG CÔ ĐƠN, BẤT HẠNH CỦA NGƯỜI PHỤ NỮ
(theo độ tuổi)

STT	Độ tuổi	Tác giả	Tên tác phẩm	Nhân vật	Số lượng
1	Thanh, thiếu niên	Nguyễn Ngọc Tư	<i>Không ai qua sông</i>	- Út Lẻ - Thiếp - Trâm	11
			<i>Nút áo</i>	Tím	
			<i>Thâm</i>	Thâm	
			<i>Đi thật xa mới đến nhà bạn cũ</i>	Miền	
			<i>Tiểu tụy vòng quanh</i>	Cầm	
			<i>Mưa mây</i>	Ngò	
			<i>Dây diều</i>	Lê	
			<i>Lời yêu</i>	Nhí	
			<i>Đất</i>	“em” – út Mười	
		Le Clézio	<i>Những nẻo đường đời</i>	Pervenche Clémence	7
			<i>Ba nàng phiêu lưu</i>	Sue	
			<i>Kalima</i>	Kalima	
			<i>Gió phương nam</i>	Maramu	
			<i>Mộng phiêu du</i>	Cô bé mười lăm tuổi	
<i>Kho báu</i>	Cô – người phụ nữ lạ				
2	Trung niên	Nguyễn Ngọc Tư	<i>Nhỏ quán</i>	Mười	4
			<i>Thâm</i>	Mẹ Thâm	
			<i>Vực không đáy</i>	Mẹ bé Bi (Ngà)	
			<i>Đất</i>	Mẹ	
		Le Clézio	<i>Những nẻo đường đời</i>	Hélène	1
3	Già	Nguyễn Ngọc Tư	<i>Đất</i>	Bà nội Cổ Lem	2
		Le Clézio	<i>Khách sạn cô liêu</i>	Eva	2
			<i>Kho báu</i>	Bà Aycha	

Từ bảng khảo sát cho thấy số nhân vật cô đơn, bất hạnh ở độ tuổi trẻ, thanh niên là nhiều hơn cả: Tập truyện *Không ai qua sông* của Nguyễn Ngọc Tư có số lượng 11/17 nhân vật, còn *Những nẻo đường đời và những bản tình ca khác* của Le Clézio là 7/10 nhân vật. Trong tập truyện *Không ai qua sông* của Nguyễn Ngọc Tư, có thể kể đến một loạt các nhân vật như: Út Lẹ, Thiệp, Trầm (*Không ai qua sông*), Tím (*Nút áo*), Thâm (*Thâm*), Miên (*Đi thật xa mới đến nhà bạn cũ*), Cầm (*Tiểu tụy vòng quanh*), Ngò (*Mưa mây*), Lê (*Dây điều*), Nhí (*Lời yêu*), Út Mươi (*Đất*). Còn trong *Những nẻo đường đời và những bản tình ca khác*, Le Clézio phản ánh nỗi cô đơn, bất hạnh của những người trẻ tuổi thông qua các nhân vật: Pervenche và Clémence (*Những nẻo đường đời*), Sue (*Ba nàng phiêu lưu*), Kalima (*Kalima*), Maramu (*Gió phương Nam*), cô bé mười lăm tuổi (*Mộng phiêu du*). Sở dĩ nhà văn tập trung thể hiện nỗi cô đơn ở người phụ nữ trẻ tuổi nhiều như vậy là bởi vì họ vừa mới bước qua hoặc đang ở tuổi vị thành niên để nhập vào thế giới của người lớn với biết bao khó khăn và thử thách. Từ việc đang được sự quan tâm, bao bọc của gia đình, họ phải học cách để trưởng thành, tự lập. Đây vừa là cơ hội, là niềm háo hức cho những người ưa phiêu lưu, khám phá và trải nghiệm thế giới người lớn nhưng cũng là thách thức không nhỏ với những ai còn chưa được trang bị đầy đủ kiến thức và sự định hướng từ gia đình, sự quan tâm từ xã hội. Giai đoạn chập chững bước vào đời ai cũng phải trải qua, đó là quy luật của cuộc sống con người. Các nhà văn đặc biệt quan tâm tới tâm sinh lí lứa tuổi vị thành niên để đi sâu khám phá những hẫng hụt mà các thiếu nữ gặp phải, nếu họ tích cực, chủ động vượt qua được sẽ đạt được hạnh phúc, có hướng đi đúng trong cuộc đời; ngược lại, họ sẽ bị sa ngã, bị chìm xuống đáy của xã hội.

Ở tuổi trung niên, người phụ nữ cũng cô đơn, nhưng các nhà văn ít đề cập hơn. *Không ai qua sông* của Nguyễn Ngọc Tư có ba nhân vật: Mươi (*Nhỏ quán*), Mẹ bé Bi (*Vực không đáy*), Mẹ (*Đất*). Còn Le Clézio chỉ phản ánh ở nhân vật Hélémen (*Những nẻo đường đời*). Tuổi già, Nguyễn Ngọc Tư khắc

họa ở hai nhân vật: Cô Lem, bà nội (*Đất*); còn Le Clézio cũng thể hiện hai nhân vật trong tập truyện của mình là Eva (*Khách sạn cô liêu*), bà Aycha (*Kho báu*). Lí do là bởi vì đến độ tuổi trung niên, con người đã có những trải nghiệm nhất định, họ cũng đã đủ chín chắn để có thể kìm nén cảm xúc của mình hoặc sau những vấp ngã, những khó khăn nhất định trong cuộc sống họ đã vượt qua và có được hạnh phúc. Nhất là ở độ tuổi già, những phiêu lưu của tuổi trẻ và sự lựa chọn cuộc sống khi thanh xuân sẽ là kết quả mà khi có tuổi họ phải nhận (cô đơn, bất hạnh hay hạnh phúc là do bản thân họ tạo nên khi đã đủ chín chắn mà lựa chọn cuộc sống cho mình). Cho nên, nhà văn ít chú ý hơn đến hai đối tượng này. Tất cả những nỗi cô đơn, bất hạnh của những người phụ nữ đều được các nhà văn khắc họa đầy đủ bằng cái nhìn xót xa, thương cảm. Điều này sẽ được tiếp tục đề cập và làm sáng tỏ ở mục 2.1.2.

2.1.2. Cái nhìn xót xa, thương cảm

Xót xa, thương cảm là biểu hiện của chủ nghĩa nhân đạo. Trong văn học, các nhà văn thường thể hiện tấm lòng yêu thương của mình thông qua việc xây dựng hình tượng nhân vật. Bằng cảm quan hiện thực, cách khắc họa thế giới nhân vật, tính cách và số phận, nhà văn bộc lộ cách nhìn của mình đối với con người. Nguyễn Ngọc Tư và Le Clézio với hai cách viết khác nhau nhưng cùng có chung cái nhìn đồng cảm về người phụ nữ.

Trước hết, các nhà văn đã phản ánh hầu hết những nỗi bất hạnh, những trái ngang, trắc trở của người phụ nữ nói chung. Trong đó, ở tập truyện *Không ai qua sông*, Nguyễn Ngọc Tư quan tâm tới số phận không may mắn của những người phụ nữ mồ côi, bị bỏ rơi (Cẩm trong *Tiêu tụy vòng quanh*, mẹ bé Bi trong *Vực không đáy*); bị hãm hiếp (Tím trong *Nút áo*); chữa hoang (Trầm trong *Không ai qua sông*, Miên trong *Đi thật xa mới đến nhà bạn cũ*, mẹ Thâm trong *Thâm*); con hoang (Thâm trong tác phẩm cùng tên; bị hủy hôn (Lê trong *Dây diều*); lấy chồng xa xứ, bị giết hại (Nhí trong *Lời yêu*); có chồng hờ hững (Ngò trong *Mưa mây*); chung chồng (bà nội trong *Đất*)... Trong tập truyện

Những nẻo đường đời và những bản tình ca khác, Le Clézio cũng phản ánh nỗi bất hạnh của người phụ nữ có hôn nhân không hạnh phúc (Hélène trong *Những nẻo đường đời*), làm mẹ đơn thân (Pervenche trong *Những nẻo đường đời*, Mamaru trong *Gió phương nam*), trẻ mồ côi, bị bỏ rơi (Kalima trong tác phẩm cùng tên)... Bên cạnh đó, hai nhà văn cũng phản ánh kiểu nhân vật tích hợp nhiều nỗi bất hạnh. Đó là trường hợp mẹ bé Bi trong truyện ngắn *Vực không đáy* của Nguyễn Ngọc Tư, cô vừa mồ côi vừa có cuộc hôn nhân không hạnh phúc. Còn trong *Những nẻo đường đời và những bản tình ca khác*, đó là nhân vật Kalima, em là trẻ mồ côi, bị bỏ rơi, phải làm điếm. Các nhà văn đã không né tránh mà phản ánh chân thực những bất hạnh của những người phụ nữ. Từ đó chúng ta nhận thấy rằng dù ở nơi nào trên thế giới, con người, nhất là người phụ nữ vẫn còn phải gánh chịu nhiều nỗi bất hạnh. Họ rất cần được quan tâm, chia sẻ và giúp đỡ.

Mặt khác, các nhà văn không chỉ phản ánh số phận không may mắn của người phụ nữ mà còn đặc biệt đi sâu phơi bày tác hại của những thiệt thòi, trái ngang khiến cho họ bất hạnh suốt cả cuộc đời. Đó chính là nỗi khổ cả về thể xác và tinh thần mà người phụ nữ phải mang trên đôi vai bé nhỏ của mình, một gánh nặng không dễ gì buông bỏ. Ở Nguyễn Ngọc Tư, chúng tôi sẽ làm sáng tỏ điều này qua việc phân tích hai nhân vật: Tím (*Nút áo*), Lê (*Dây diều*).

Đọc *Nút áo* có thể thấy chiếc nút áo nhẹ hều đeo bám Tím suốt cuộc đời. Tím nghĩ “*Phải có ai đó trả giá cho cái cảm giác quặn ruột, buồn ói mỗi khi bước qua cầu Tân Thạch, cho những ánh mắt thương hại dính vào người, cho tuổi hai mươi héo rụi*” [34, 29]. Nhưng chẳng có ai trả giá cả. Chỉ mình Tím găm vào tim nỗi đau để tuổi xuân úa tàn. Sự việc Tím bị hãm hiếp dưới “*cầu Tân Thạch*” chỉ xảy ra trong một đêm, nhà văn cũng không miêu tả chi tiết sự việc ấy diễn ra như thế nào, nhưng hậu quả của nó để lại thật nặng nề. Nó làm cho Tím luôn có cảm giác “*quặn ruột*”, “*buồn ói*” - cảm giác đau thắt trong lòng, ghê sợ mà người bị hại không thể nào quên đi được mỗi khi qua nơi xảy

ra sự việc ấy. Chiếc nút áo có sức nặng ghê gớm, cả đời Tím “*gánh nút áo còng lưng*” [34, 28]. Nhà văn đã hình tượng hóa chiếc nút áo - vật chứng duy nhất của kẻ thủ ác - bằng sự so sánh ngầm rất hiệu quả: “*gánh nút áo còng lưng*”. “*Gánh*” là hành động mang vác những vật nặng, gánh tới “*còng lưng*” không chỉ thể hiện sức nặng của vật phải gánh mà còn cho thấy hành động gánh diễn ra trong một thời gian dài. Ở đây, chiếc “*nút áo*” nhỏ bé, nhẹ hều mà khiến người mang nó phải còng lưng chứng tỏ thứ Tím phải gánh là nỗi đau tinh thần gắn liền với chiếc nút áo. Cái nút áo gắn với tên gọi thành Tím Nút Áo như một giai thoại để những người trong xóm kể lại khi có ai đó hỏi nhà Sáu Tím. Cũng bởi lẽ đó mà không thể nào Tím quên được quá khứ bị làm nhục. Nhiều năm trôi qua, có lẽ cho tới hết đời Tím cũng vẫn ở vậy với cái quá khứ tội nghiệp kia. Dẫu rằng cuối cùng nút áo cũng bị ném xuống ao bèo nhưng nó vẫn đeo bám Tím: Sau khi bà mẹ lén cắt chiếc nút áo mà Tím vẫn xỏ dây đeo ở cổ xuống ao bông súng, Tím như người mất hồn; mẹ mướn người bơm đất lấp ao cũng vô vọng, bởi “*Tím vẫn ngó thấy bên dưới cỏ, dưới rễ cây mít, dưới từng lớp đất nâu nhão nhoét, có cái nút áo*” [34, 30]. Qua đây, Nguyễn Ngọc Tư cũng muốn bày tỏ thái độ của mình đối với nạn ấu dâm đang trở thành vấn đề nóng bỏng của xã hội. Cuộc sống ngày càng phát triển, vậy mà vẫn còn rất nhiều tên “*yêu râu xanh*”, những kẻ “*biến thái*” đội lốt người hành động theo bản năng. Chúng chỉ biết thỏa mãn dục vọng của mình mà không quan tâm tới hậu quả của hành động đó để lại cho người bị hại: Nỗi đau không chỉ thể xác mà cả tâm hồn, tinh thần, tình cảm; nỗi ám ảnh, mặc cảm khó có thể hòa nhập với cuộc sống mà những đứa trẻ phải gánh chịu khiến chúng đánh mất cả tương lai và hạnh phúc. Có thể nói, đây là tội ác hủy hoại cuộc đời của những đứa trẻ vô tội.

Lê trong *Dây điều* tuy không bị hãm hiếp như Tím (*Nút áo*) nhưng số phận cô cũng khổ đau không kém. Truyện ngắn phản ánh nỗi bất hạnh của Lê, cô gái bị người yêu nói lời chia tay khi sắp cưới. Bi kịch ập đến, chớp nhoáng mà ám ảnh người trong cuộc tới mức họ không thể đến được với nhau, mặc dù

vẫn còn rất yêu nhau. Câu “*Như chưa từng xảy ra chuyện gì*” được điệp lại ba lần [34, 97,98,99], càng nhấn mạnh sự việc đã “*xảy ra chuyện gì*”. Đó là chuyện ở đồng diều, chuyện vì cứu Lê thoát khỏi bọn yêu râu xanh mà Trọng đã phải vừa khóc vừa bò dưới háng năm gã đàn ông say rượu với mùi nước tiểu trộn mùi mồ hôi và “*mùi tinh trùng một nắng*” [34, 101] trước “*cái nhìn tê dại của bạn gái*” [34, 101],... Chuyện xảy ra ngắn ngủi thôi, nhưng đủ sức làm cho người trong cuộc không thể nào nguôi quên. Cho nên, dù Lê có chăm chút Trọng, không còn ương bướng bất cần,... dù Trọng có ăn mặc chỉnh chu trước Lê thì cả hai vẫn không thể thay đổi được chuyện đáng buồn đã xảy ra ấy. Vì không thể bước qua được mặc cảm của sự “*hèn nhát*” (như Trọng nghĩ), nên Trọng đề nghị chia tay. Lê cũng hiểu mình không thể cứu vãn được mối quan hệ cũng như không thể giúp Trọng và chính mình quên được khoảnh khắc nơi đồng diều ấy, cô cam chịu, chấp nhận lời chia tay như một hơi thở, không lời trách giận, không hỏi nguyên do: “*Ừ, mình biết rồi!*” [34, 102]... Đằng sau sự chấp nhận lời chia tay ấy là hậu quả mà mình cô phải gánh chịu. Đó là điều tiêng bởi một cô gái đã ăn hỏi, chuẩn bị cưới mà bị hủy hôn. Cô mang tiếng đã có chồng, liệu cô còn cơ hội có một cuộc hôn nhân hạnh phúc nữa hay không. Người ta sẽ vẽ ra những lí do khiến cô bị hủy hôn chắc chắn không đúng sự thật mà chính người trong cuộc như cô lại không thể nói ra. Vì vậy, Lê rất có thể sẽ phải đối mặt với sự cô đơn, bất hạnh suốt cuộc đời.

Nguyễn Ngọc Tư đã thể hiện cái nhìn xót xa, thương cảm của mình thông qua việc miêu tả chân thực nỗi cô đơn của nhân vật và thấy được những hậu quả lâu dài mà những nhân vật bất hạnh phải chịu. Truyện kể của Nguyễn Ngọc Tư không ồn ào, đối thoại trở thành lời thoại gián tiếp, những nhân vật nữ cứ bình lặng sống đơn côi không thể nói ra nỗi niềm ẩn chứa. Nhà văn Le Clézio cũng rất chú ý đến nội tâm nhân vật bên cạnh biểu hiện bên ngoài, qua đó ông thể hiện sự thấu hiểu nỗi cô đơn, bất hạnh của nhân vật. Trong luận văn này, chúng tôi dừng lại ở việc phân tích cái nhìn xót xa, thương cảm của Le

Clézio qua hai nhân vật: Kalima trong truyện ngắn cùng tên và Pervenche trong *Những nẻo đường đời*.

Truyện ngắn Kalima thể hiện rõ cái nhìn xót xa, thương cảm của nhà văn Le Clézio đối với người phụ nữ trẻ tuổi. Kalima - tên nhân vật chính được đặt làm nhan đề thể hiện sự trân trọng của nhà văn đối với nhân vật. Người kể chuyện ở đây là Bruno, một viên chức trong bệnh viện, người duy nhất quan tâm tới Kalima trong cuộc sống này đã chứng kiến cuộc đời đáng thương của cô và kể lại. Kalima luôn cảm thấy bất an trước cuộc sống vì không người thân thích bên cạnh. Còn đối với con người trong xã hội thì Kalima bị coi như một sinh vật trên đời này. Hậu quả đau thương nhất mà Kalima phải chịu sau khi bị bỏ rơi rơi trên cõi đời là cô bé phải làm cái nghề mặt hàng, bị khinh rẻ - làm điếm và bị đâm chết mà không một ai tiếc thương. Em sống mà không được xã hội thừa nhận và bị chết trong sự lạnh lùng, vô cảm của người đời. Qua đây nhà văn muốn nói lên mặt trái của cuộc sống văn minh làm cho con người thờ ơ trước đồng loại. Chính điều đó đẩy con người tới vực thẳm và chết trong sự ghẻ lạnh của những người ung quanh. Đó là thực trạng đáng báo động của xã hội hiện nay.

Pervenche đáng thương khi cô phải sống cô đơn trong chính ngôi nhà của mình. Mẹ cô mãi mót chạy theo hạnh phúc bản thân mà quên đi niềm hạnh phúc của con gái. Mỗi lần theo người mới là mỗi lần cuộc sống của lũ trẻ bị đảo lộn, bà không quan tâm chúng có hòa nhập được với cuộc sống mới hay không mà chỉ biết mắng nhiếc khi cô tỏ ra bướng bỉnh hay điếm số học tập kém. Chị cô khi ấy cũng gắng hòa nhập và quên đi thực tại nên tỏ ra coi thường cô em. Phải chăng quyết định bỏ nhà đi thể hiện sự phản kháng gay gắt của Pervenche trước hiện thực? Chính những điều đó đã đẩy cô bé đến những quyết định sai lầm và đẩy cuộc đời cô đến vực thẳm dường như không có lối thoát. Cô muốn thoát khỏi “*những giờ phút buồn thảm ở trường, những trận cãi vã liên miên với mẹ, cái nhìn hằn học của Jean-Luc, vẻ khinh thường câm lặng*

của Clémence” [11, 20]. Kí ức về một ngôi nhà không hạnh phúc đẩy cô trượt dốc, đẩy cô tới quyết định bỏ nhà ra đi, và khi ở đáy cùng nhất của đau khổ, cô căm ghét mẹ mình. Hậu quả là cô đã trượt dốc trên đường đời với cuộc sống bê tha, căn phòng trọ tồi tàn, quần áo nhàu nhĩ. Khi đó, tâm hồn cô thật chán chường, và cô buông xuôi tất cả, xa cách người thân ngay cả khi chị cô đến thăm và muốn giúp cô ra khỏi vũng lầy. Một trong những hậu quả mà Pervenche gặp phải nữa đó là cô đã có chửa hoang, khi ấy, cô sợ hãi, không biết phải làm gì với đứa bé trong bụng đang dần lớn lên, còn bản thân thì chưa đủ trưởng thành để có thể chăm sóc cho một đứa trẻ, thêm nữa là cô có thai nhưng lại phải sống trong sự giam lỏng, cách li với thế giới bên ngoài ở nhà của Dax sau khi bị người yêu phản bội...

Các nhân vật của hai nhà văn đều có nỗi niềm cô đơn bất tận. Họ đơn độc trong hành trình cuộc đời. Và họ - những người phụ nữ đã đi vào trang văn với tất cả nỗi niềm trần trở, suy tư. Nhà văn thể hiện cái nhìn xót xa, thương cảm cho những số phận, những cảnh đời bất hạnh ấy. Tuy nhiên, hai nhà văn không chỉ phản ánh nỗi cô đơn, bất hạnh mà còn thể hiện niềm khát khao hạnh phúc ở người phụ nữ. Qua đó, các nhà văn muốn bộc lộ niềm tin yêu và trân trọng họ.

2.2. Người phụ nữ luôn khát khao hạnh phúc

2.2.1. Sự đa dạng của khát khao hạnh phúc ở người phụ nữ

Hạnh phúc là một trạng thái cảm xúc của con người khi được thỏa mãn một nhu cầu nào đó mang tính trừu tượng. Đó là một cảm xúc bậc cao, được cho rằng chỉ có ở loài người, nó mang tính nhân bản sâu sắc và thường chịu tác động của lý trí. Nguyễn Ngọc Tư và Le Clézio phản ánh niềm khát khao hạnh phúc của người phụ nữ trong tác phẩm của mình ở hai khía cạnh: *Khát khao tìm kiếm hạnh phúc cho riêng mình* và *Khát khao tìm thấy hạnh phúc của mình trong hạnh phúc của những người xung quanh*. Tìm hiểu hai tập truyện *Không ai qua sông* (Nguyễn Ngọc Tư) và *Những nẻo đường đời và những bản tình ca khác* (Le Clézio), ta có bảng khảo sát sau:

BẢNG PHÂN LOẠI KHÁT KHAO HẠNH PHÚC Ở NGƯỜI PHỤ NỮ

STT	Kiểu loại	Tác giả	Tác phẩm	Nhân vật	Số lượng
1	Khát khao tìm kiếm hạnh phúc cho riêng mình	Nguyễn Ngọc Tư	<i>Mưa mây</i>	Ngò	5
			<i>Thăm</i>	Thăm Mẹ Thăm	
			<i>Không ai qua sông</i>	Thiếp	
			<i>Đất</i>	Cố Lem	
		Le Clézio	<i>Mộng phiêu du</i>	Cô bé mười lăm tuổi	5
			<i>Những nẻo đường đời</i>	Hélène Pervenche	
			<i>Ba nàng phiêu lưu</i>	Sue	
			<i>Khách sạn cô liêu</i>	Eva	
2	Khát khao tìm thấy hạnh phúc của mình trong hạnh phúc của những người xung quanh	Nguyễn Ngọc Tư	<i>Vực không đáy</i>	Mẹ bé Bi	10
			<i>Dây diều</i>	Lê	
			<i>Nhỏ quán</i>	Mười	
			<i>Đất</i>	“em”-Út Mười Mẹ Bà nội	
			<i>Đi thật xa mới đến nhà bạn cũ</i>	Miền	
			<i>Không ai qua sông</i>	Út Lệ	
			<i>Tiểu tụy vòng quanh</i>	Cắm	
			<i>Lời yêu</i>	Nhí	
		Le Clézio	<i>Ba nàng phiêu lưu</i>	Rosa Alice	6
			<i>Những nẻo đường đời</i>	Clémence Pervenche	
			<i>Gió phương Nam</i>	Maramu	
			<i>Kho báu</i>	Cô – người phụ nữ lạ	

Qua bảng khảo sát trên, ta thấy: Trong tập truyện *Không ai qua sông*, có 5/15 (33,3%) nhân vật nữ có niềm khát khao tìm kiếm hạnh phúc cho riêng mình, 10/15 (66,7%) nhân vật nữ có niềm khát khao tìm thấy hạnh phúc của mình trong hạnh phúc của những người xung quanh; còn ở tập truyện *Những nẻo đường đời và những bản tình ca khác* (Le Clézio), số lượng các nhân vật bộc lộ niềm khát khao tìm kiếm hạnh phúc cho riêng mình là 5/11 (45,5%) nhân vật, khát khao tìm thấy hạnh phúc của mình trong hạnh phúc của những người xung quanh là 6/11 (54,5%) nhân vật. Như vậy, về cơ bản, các nhà văn thể hiện niềm khát khao tìm thấy hạnh phúc của mình trong hạnh phúc của những người xung quanh nhiều hơn so với khát khao tìm kiếm hạnh phúc cho riêng mình. Có điều này bởi vì các nhà văn xuất phát từ hiện thực: Bản chất của mỗi con người là tốt đẹp, Khổng Tử từng nói “*Nhân chi sơ, tính bản thiện*” (*Tam tự kinh*), mỗi con người khi sinh ra đều có bản tính “*thiện*”, và chúng ta cũng được giáo dục để trở thành người tốt, biết sống vì người khác. Những người phụ nữ trong tập truyện của hai nhà văn Nguyễn Ngọc Tư và Le Clézio cũng có những đức tính ấy. Các nhà văn khắc họa những người phụ nữ với phẩm chất tốt, biết giúp đỡ, yêu thương, hi sinh vì người khác nhằm ca ngợi, trân trọng họ. Mặt khác, qua đó các nhà văn cũng bộc lộ niềm lạc quan, tin tưởng vào con người, vào cuộc đời.

Khát khao hạnh phúc là khát khao chính đáng của con người. Trong văn học, hình tượng người phụ nữ khát khao kiếm tìm hạnh phúc cũng là điều không hiếm gặp. Đó là khát khao hạnh phúc trong tình yêu đôi lứa, khát khao được yêu thương, được sẻ chia. Ở Nguyễn Ngọc Tư, các nhân vật bộc lộ niềm khao khát này một cách nhẹ nhàng, âm thầm. Đó là Ngò (*Mưa mây*), Thầm (*Thầm*), Thiếp (*Không ai qua sông*), Thầm và mẹ (*Thầm*). Trong khuôn khổ luận văn này, chúng tôi chỉ dừng lại phân tích niềm “*khát khao tìm kiếm hạnh phúc cho riêng mình*” ở hai nhân vật Thầm trong truyện ngắn cùng tên và Thiếp trong truyện *Không ai qua sông*.

Thâm trong truyện của Nguyễn Ngọc Tư khao khát có người đàn ông cạnh mình. Cũng là phận nữ, cô cũng khát khao có người yêu và mái ấm hạnh phúc - Điều mà cô không có từ ấu thơ. Bởi vậy, khi gặp người đàn ông duy nhất cô nghĩ tới khi chạy bên Tam Đảo “*người cứ bông bênh không trọng lượng*” [34, 63]. Nhà văn diễn tả cảm xúc của người con gái gặp người gây ấn tượng cho mình thật tinh tế. Ấn tượng bởi người đàn ông ấy áp vào rốn mình, giữ ở đó chừng vài ba phút... Cảm giác của sự “*bông bênh*”, của sự khác lạ mà cô chưa từng cảm thấy trong đời... khi ấn tượng cuộc gặp gỡ đầu tiên ùa về. Điều này cho thấy Thâm cũng có những xúc cảm yêu đương chứ không hề dừng dừng như vẻ bề ngoài.

Trong *Không ai qua sông*, Thiếp dù làm lỗi khi chạy theo tình cảm cá nhân nhất thời - bỏ nhà theo trai, chạy theo thứ hạnh phúc viễn vông, tội lỗi. Thứ hạnh phúc đó chắc chắn không thể bền lâu. Cô cũng đã hối hận mà quay về tìm lại con mình. Cô đi theo đoàn tuần hành nhưng tâm trí lại chỉ hướng tới đứa con mà giờ đây cô chưa dám cho nó biết thân thế. Khát khao được nhận lại con biểu lộ bằng hành động ngấm trộm, nhìn từ xa: “*Gần đến tiệm thuốc Bắc bên kia đường, Thiếp đứng núp sau cột đèn nhìn đứa con gái đang được bà nội nó gọi đầu ở vòi nước đầu nhà*” [34, 22]. Khát khao được ôm con, nhận lại con luôn cháy bỏng trong lòng chị: “*chị đang ở lại Mù U, và sẵn sàng làm bất cứ gì, để được nói với con gái mình, mẹ đây!*” [34, 23]. Niềm khao khát đó thể hiện thành quyết tâm “*sẵn sàng làm bất cứ gì*”, sẵn sàng chấp nhận hình phạt, trả giá cho phút giây đại dột, chỉ để được con gái nhận lại người mẹ như mình.

Nếu như Nguyễn Ngọc Tư thể hiện niềm khao khát hạnh phúc ở các nhân vật của mình một cách nhẹ nhàng thì Le Clézio lại có cách thể hiện có phần mạnh mẽ, dứt khoát hơn. Những người phụ nữ không chỉ bộc lộ khát khao bằng suy nghĩ mà bằng cả hành động cụ thể: Đã muốn là làm, đã làm là làm cho bằng được. Ta có thể thấy được điều này ở hai nhân vật tiêu biểu là Hélène trong *Những nẻo đường đời* và cô bé mười lăm tuổi trong truyện ngắn *Mộng phiêu du*.

Hélène có cuộc hôn nhân đầu không hạnh phúc, chia tay với chồng, bà có hai con nhỏ. Với những bà mẹ Việt có thể họ sẽ ở vậy, hi sinh tuổi xuân của mình để nuôi con khôn lớn, nhưng Hélène lại chọn đi theo người đàn ông để thoát khỏi nỗi cô đơn của mình. Bà “*quả quyết*” theo Édouard Perrine tới “*cuối đất cùng trời*” [11, 53]. Sau khi “*hẹn hò suốt cả tháng Tám*” [11, 53], bà có cảm giác mình lại yêu và “*một ngày tháng Chín, không dẫn đi*” [11, 54], bà vay tiền bạn bè mua vé máy bay đi sang Mexico với ông. Những từ “*quả quyết*”, “*không dẫn đi*” thể hiện sự chủ động và quyết tâm theo đuổi hạnh phúc của Helène. Cuộc hôn nhân này kéo theo sự thay đổi về nơi sống (từ Pháp chuyển sang Mexico) cũng như sự xáo trộn về tâm lý những đứa con. Bà phải học mọi thứ: Tiếng Tây Ban những lời nói tục, chửi thề, những điều kiêng kị, mối quan hệ,... Nhưng điều quan tâm của bà là hạnh phúc cá nhân. Vậy nên bà như một đứa trẻ chỉ biết lo cho hạnh phúc của mình, không quan tâm đến con gái cả chỉ biết lao đầu vào học hành thi cử, con thứ hai chảnh mắng học hành sa sút và thậm chí bỏ nhà đi. Với Hélène : “*Về Pervenche, bà nói với một sự vui vẻ vô tư lự: “Ồ, con biết đấy, nó sống cuộc sống của nó...”*” [11, 39]. Nỗi ích kỉ trong bà có nguyên nhân là sự thất bại của cuộc hôn nhân đầu: “*Bà sợ phải quay lại nơi kia, với nước Pháp, với mùa đông, sợ gặp lại bóng ma các thất bại của mình, gặp lại những vết tích của quá khứ giống như lại trượt ngã dúi dụi trên các lối mòn*” [11, 67]. Nhưng một lần nữa, bà đã không níu giữ được cuộc hôn nhân thứ hai. Người chồng này nhẹ nhàng, bình thản bảo “*Có lẽ em nên về nhà ở Pháp đi, đằng nào anh cũng sẽ đi, anh đã xin chuyển rồi*” [11, 64]. Vậy là nỗi lo sợ phải sống cô đơn ủa về. Nhưng bà không chấp nhận sống như vậy suốt cuộc đời, bà lại chủ động kiếm tìm hạnh phúc mới, cuối cùng, bà cũng có được điều ấy: “*Hélène hoàn toàn mãn nguyện trong ngôi nhà ở Ganagobie cùng Jean-Luc Salvatore*” [11, 39] - người chồng hiện tại của bà. Ở đó, bà có người chồng bên cạnh khiến bà “*mãn nguyện*”, cuộc sống thôn quê yên ả khiến bà tìm lại được hạnh phúc: “*Bà tiếp tục vẽ, ông sống được bằng xưởng gốm. Họ ở*

xa tất cả, giữa thôn quê. Họ còn có một con ngựa cái ở lò nài ngựa trong vùng để cho những người đi dạo thuê vào mùa hè. Họ không nhiều ưu tư” [11, 39]. Đoạn văn ngắn nhưng thể hiện rõ cuộc sống dễ chịu, thoải mái của Hélène và người chồng thứ ba này. Bà được vẽ - thỏa niềm đam mê, không phải lo về kinh tế, không nhiều ưu tư. Đây cũng có thể là cuộc sống hạnh phúc đáng mơ ước của không ít người mà Hélène bỏ qua trách nhiệm với con cái để có được.

Nếu như Nguyễn Ngọc Tư chủ yếu phản ánh niềm khát khao hạnh phúc của cá nhân, hạnh phúc vợ chồng trong tác phẩm của mình thì Le Clézio không chỉ phản ánh khát khao ấy, mà hạnh phúc đối với nhân vật của ông còn là sự tự do, làm chủ cuộc đời của người phụ nữ. Trong truyện *Mộng phiêu du*, nhà văn thể hiện khao khát tự do ở một cô bé tuổi mười lăm. Một cô gái sống giữa thành phố phồn hoa rực ánh đèn nhưng lại luôn cảm thấy sự bức bối, khó chịu. Bởi tâm hồn cô không thuộc vào thế giới văn minh này: *“Trái tim cô rộn ràng theo những ngôn ngữ từ xa vọng về, những điệu nhạc lòng loạn. Cô bé mười lăm tuổi dạo bộ một mình trong đêm, dõi tìm một bóng hình, một phản chiếu, một ánh chớp. Trong sâu thẳm nơi cô, có cái trống trải ấy, (...) Có gì ở đó, phía bên kia? Phải chăng nơi đó người ta không chết”* [11, 95]. Sự vang vọng từ một thế giới cổ xưa luôn thúc giục, vẫy gọi cô khám phá. Khi nhận ra chân giá trị của mình thì cô mới thực sự biết được cô là ai, cô cần gì. *“Cô là mình. Cô thuộc về các dân tộc du cư cổ xưa, các dân tộc của hang hốc của thung lung, các dân tộc của rừng của sông. Cô lướt nhẹ trong đêm, cô tự do. Cô ra đi”* [11, 105]. Chỉ trong đêm tối cô mới là chính mình, là tự do, Và cô ra đi theo tiếng gọi của sự tự do ấy.

Trong cuộc sống, bên cạnh hạnh phúc cá nhân còn có một niềm hạnh phúc nữa là chia sẻ yêu thương. Vượt lên những ích kỉ cá nhân, có những con người dám hi sinh cả đời để đem lại hạnh phúc cho mọi người. Đây là biểu hiện cao nhất của tinh thần nhân đạo. Trong văn học, nhân đạo thể hiện ở việc yêu thương con người, đồng cảm với những con người bất hạnh, xót xa trước

những cảnh đời ngang trái, lên án các thế lực hắc ám chà đạp lên nhân phẩm, quyền sống của con người... Truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Tư và Le Clézio có những nhân vật nữ không cầu hạnh phúc cho bản thân mà luôn muốn giúp đỡ người khác, lấy niềm hạnh phúc của người khác làm niềm vui cho mình. Đó là biểu hiện của “*khát khao tìm thấy hạnh phúc của mình trong hạnh phúc của những người xung quanh*”.

Tập truyện *Không ai qua sông* của Nguyễn Ngọc Tư có tới quá nửa nhân vật nữ chính có niềm khát khao này. Trong đó, có thể kể đến hai nhân vật bộc lộ rõ nét niềm khát khao cháy bỏng ấy là mẹ bé Bi (*Vực không đáy*) và bà nội (*Đất*). Trong *Vực không đáy*, tác giả chọn cách mở đầu truyện là thời gian của quá khứ, không gian sinh hoạt gia đình được nhà văn khắc họa bằng vài chi tiết: “*Ba đi làm về thấy bà già ngồi chình ình giữa nhà ngay bộ bàn trà, một con mèo xám vắt ngang vai, và mẹ thì quỳ dưới bà ta, ôm bàn chân gầy như cọng củi vào lòng, cắt giữa những cái móng dài tựa phù thủy trung cổ trong tranh vẽ*” [34, 5]. Một câu văn dài, hai hình ảnh (“*bà già ngồi chình ình giữa nhà, mẹ ôm bàn chân gầy như cọng củi vào lòng*”...) và hai tư thế trái ngược (“*bà già ngồi chình ình, mẹ thì quỳ dưới bà ta*”) khiến ta có cảm tưởng như mọi thứ ngưng đọng, im lìm, tĩnh lặng đến ngổ ngàng. Sự chăm sóc tỉ mỉ, kính cẩn của “*mẹ*” với bà già đối rách, xa lạ như đối đãi với một người má mà mẹ không có từ thuở ấu thơ (cho ăn, tắm tã, kì cọ, cho bà mặc quần áo của mình, giặt và phơi bộ đồ ướt mưa của bà cụ,...) làm “*ba*” ngạc nhiên. Không những thế, “*mẹ*” gọi bà bằng má, nói chuyện như thân thiết tự bao giờ, còn bà già cũng xưng má và “*lim dim tận hưởng sự nuông chiều, không chút mặc cảm*”. Những chi tiết đó thể hiện “*mẹ*” là người có tấm lòng thơm thảo, cảm thương cho người bất hạnh, giúp đỡ họ vừa là để yên ủi, vừa như khóa lấp nỗi khát khao được có má, chăm sóc má... Điều mà “*mẹ*” – cô bé mồ côi không thể có trong cuộc đời. Mẹ bé Bi là người phụ nữ “*không phải kiểu đàn bà hay rao những bất hạnh bằng lời, để thu nhặt cảm thương của người khác*” [34, 11].

Cuộc sống tại trung tâm nuôi dưỡng trẻ bị bỏ rơi đã giúp cho Ngà, một cô bé vốn “rầu rĩ”, “mắt nhìn xuống” trở nên có sự bình thản, “nhẹ nhõm như phốt đời”, “tĩnh rụi trước quá khứ” như một sự dung cảm chấp nhận và vượt lên hoàn cảnh để sống, để yêu thương mà không thích bộc lộ, phô bày những vất vả, khổ đau của mình.

Bà nội trong truyện ngắn *Đất* cũng là người có khao khát mang lại hạnh phúc cho người khác: “Sau này bà nội kể, ngay khi nhìn thấy đứa con gái buồn hiu, bà chỉ muốn dắt nó lên bờ, chỉ để nó thoát khỏi con mẹ vô tâm. Má nó đòi đổi con lấy nhiều hơn ba trăm gia lúa bà nội cũng gật” [34, 165]. “Đứa con gái buồn hiu” ấy chính là nhân vật mẹ - người phụ nữ có bà mẹ đẻ vô tâm, tính hời hợt, để mấy đứa con cũng không nhớ, rồi lũ trẻ bị rớt xuống sông chết lúc nào cũng không hay, chỉ con duy nhất một đứa sống sót được bà nội đổi lúa lấy làm con dâu. Bà nội đã dang tay đón lấy con gái của bà mẹ vô tâm về làm dâu dẫu có mất “nhiều hơn ba trăm gia lúa cũng gật” - một người yêu đất, quý những hạt thóc do đất tạo ra ấy không hề tiếc thóc để cứu vớt, chăm sóc một người dung, rồi lấy làm con dâu ấy chính là người đầy lòng trắc ẩn, yêu thương người. Bà nội yêu thương bày con của mình nhưng là thương lén, không thể hiện ra: “Thằng con xã trưởng ở đầu gánh, cân bằng với một thằng con khác ở trong rừng, bà nội giữ tư thế người ở giữa, kệ chiến cuộc có nghiêng về bên nào. Nhưng tình thương của bà nội đối với đám con thì khó lòng rạch rời thế ở giữa” [34, 141]...

Nguyễn Ngọc Tư phản ánh niềm khát khao mang lại hạnh phúc cho người khác, nhưng chủ yếu ở phạm vi những người trong gia đình. Còn Le Clézio lại phản ánh niềm khát khao mang lại hạnh phúc cho không chỉ những người trong gia đình mà cả những người không cùng huyết thống. Trong tác phẩm của Le Clézio, có những nhân vật luôn lấy hạnh phúc của người khác làm mục tiêu sống cho mình, tiêu biểu nhất là Rosa và Alice (*Ba nàng phiêu lưu*). Ngay từ khi còn bé, Rosa đã luôn thương cho những đứa trẻ mồ côi, những đứa trẻ lạc:

"Thuở bé, ở Zamora, Rosa đã sớm biết rằng mình không giống mọi người" [11, 120]. Đây là điều mà không phải đứa trẻ nào cũng có. Nhất là với đứa trẻ như Rosa, vốn là con cháu dòng họ Verduzco danh giá, thuộc tầng lớp thượng lưu, cô được chỉ dạy, *"nhắc đi nhắc lại: Đừng làm điều này, chớ làm điều nọ. Cháu là một người nhà Verduzco. Cháu không được nói như thế, một người nhà Verduzco không bao giờ ăn nói như thế"* [11, 121]. Lẽ ra cô phải thuộc về những nơi văn minh, lịch sự nhưng ngược lại, cô không thích những khuôn phép, luật lệ bó buộc khắt khe đó. Bình thường, khi sống trong nhung lụa, ít khi người ta có thể đồng cảm với nỗi thiếu thốn, vất vả của những đứa trẻ lang thang, bị quăng lên vỉa hè của xã hội văn minh. Từ những đồng cảm tuổi thơ, cô biến thành việc làm thực tế: *"Ở tuổi người ta là thiếu nữ lo kiếm tấm chồng thì Rosa lùng tìm những đứa trẻ lạc"* [11, 123]. Đó là việc tìm những trẻ lạc, giúp đỡ chúng được sống dưới mái ấm của tình thương. Và bà đã dành trọn cuộc đời cho việc làm ý nghĩa đó *"Bà có nhớ về lòng quyết tâm của mình, về cái sức mạnh đã nhập vào bà và chưa từng rời bỏ?"* [11, 124]. Nếu nói như Karl Marx: *"Người hạnh phúc nhất là người đem đến hạnh phúc cho nhiều người nhất..."* thì Rosa là người phụ nữ hạnh phúc nhất trong toàn tập truyện. Bà đã mang lại cho biết bao trẻ em lang thang, cơ nhỡ, những đứa trẻ bị coi là *"dưới đáy xã hội"* cuộc sống và tương lai.

Còn Alice lại dành cả cuộc đời mình cho gia đình: bà có người em gái yếu ớt, bệnh tật, cha mẹ *"nhu mì và bị đè nén"*. Mặc dù *"Alice yêu say cuộc sống, tinh thần, thơ ca. Bà còn hơn cả thông minh, bà xuất chúng"* [11, 125]. Nhà văn nhận xét về Alice là một người có vẻ đẹp tâm hồn: *"yêu say cuộc sống, tinh thần, thơ ca"*, một con người *"xuất chúng"*, hơn cả sự thông minh. Người phụ nữ ấy có đầy ước mơ, hoài bão đến nước Pháp, tìm biết thế giới, thăm thú Paris,... Nhưng bà không thể rời khỏi đảo nơi bà sống bởi ở đó bà là *"đốc canh duy nhất"* chăm sóc cho những người thân yêu còn lại trong gia đình. Nhận biết vai trò là chỗ dựa cho cha mẹ già yếu, đứa em bệnh tật nên bà

nguyện suốt đời ở lại đảo, dẹp bỏ ước mơ cá nhân của mình. Những người khác sống hạnh phúc bên chồng con, còn bà thì “*Với mọi người, Alice hóa thân thành hình ảnh bà muốn đưa ra về chính mình, một phụ nữ cao dong dỏng, có gương mặt cương nghị, cái nhìn buồn bã mà thấu tỏ*” [11, 126]. Hình ảnh “*một phụ nữ cao dong dỏng, có gương mặt cương nghị, cái nhìn buồn bã mà thấu tỏ*” thể hiện rõ nét bản chất con người bà, ấn tượng ở “*gương mặt cương nghị*”, gương mặt của con người có nghị lực và mạnh mẽ, “*cái nhìn buồn bã mà thấu tỏ*” thể hiện sự hiểu biết, sự cảm thông và sẻ chia. Bà sẵn sàng chia sẻ những thứ ít ỏi mình có với bọn trẻ khốn cùng, những phụ nữ bị bỏ rơi, những người bị ung thư,...

Qua đây, ta thấy Nguyễn Ngọc Tư và Le Clézio rất yêu thương, trân trọng những người phụ nữ bằng việc bộc lộ niềm khát khao hạnh phúc của họ. Những khát khao hạnh phúc ấy còn cho thấy cái nhìn khích lệ, động viên của hai nhà văn đối với người phụ nữ.

2.2.2. *Cái nhìn khích lệ, động viên*

Khích lệ, động viên là những tác động tinh thần khiến con người hăng hái, hứng khởi và vươn lên trong cuộc sống. Trong văn học, sự khích lệ, động viên thể hiện cái nhìn mang tính nhân văn. Nhà văn trân trọng con người, trân quý những khao khát hạnh phúc của họ và khích lệ họ cố gắng vươn lên giành và giữ hạnh phúc của mình. Nguyễn Ngọc Tư và Le Clézio cũng đã thể hiện cái nhìn khích lệ, động viên đối với niềm khát khao hạnh phúc của người phụ nữ trong tác phẩm.

Trước hết, các nhà văn phản ánh đầy đủ những niềm vui, những mong muốn tốt đẹp ở người phụ nữ. Từ mong muốn nhỏ bé đến mong muốn lớn lao, từ mong muốn vật chất tới mong muốn tinh thần. Nguyễn Ngọc Tư phản ánh những mong muốn ở người phụ nữ như: Mong muốn có con để tổ ấm được trọn vẹn, để giữ chồng ở Ngò (*Mưa mây*); mong được con thừa nhận ở Thiếp (*Không ai qua sông*); có bạn đồng hành, người đàn ông để yêu thương ở Thảm

(*Thâm*); chỉ cần được ở bên người yêu, không cầu danh phận là mong muốn của Mươi (*Nhỏ quán*); mong ước giữ chồng bằng cách giữ đất bởi có đất là có tất cả ở bà nội (*Đất*),... Còn Le Clézio cũng thể hiện ở nhân vật của mình những mong ước của người phụ nữ như: Trong *Những nẻo đường đời* thì Hélène mong muốn có cuộc hôn nhân hạnh phúc, Clémence ước muốn có một gia đình thực sự là tổ ấm; Kalima trong truyện ngắn cùng tên thể hiện mong muốn có người thân bên cạnh và một công việc tốt để làm; còn Eva trong *Khách sạn cô liêu* lại ước mơ có được mối tình bền lâu... Đặc biệt, có những nhân vật được nhà văn tích hợp nhiều mong muốn như Pervenche (*Những nẻo đường đời*), cô muốn có được một gia đình là tổ ấm, có cuộc sống tự do, không bị áp đặt, có người yêu để sẻ chia nỗi niềm. Tuy nhiên, cô lại ở trong hoàn cảnh rất khó khăn. Le Clézio đã để cho nhân vật này trải qua những giai đoạn khó khăn nhất trong hành trình biến ước mơ thành hiện thực. Càng bất hạnh, người phụ nữ càng khát khao hạnh phúc, để khi có được hạnh phúc thì càng đáng trân trọng. Về điều này ở nhân vật Pervenche sẽ được trình bày cụ thể ở phần 3.2.2.

Mặt khác, các nhà văn cũng khích lệ nhân vật cố gắng thực hiện để biến ước mơ trở thành hiện thực. Có thể thấy rõ điều này ở hai nhân vật tiêu biểu trong truyện của Nguyễn Ngọc Tư là Ngò (*Mưa mây*) và Mươi (*Nhỏ quán*). Ở truyện *Mưa mây*, tình cảm vợ chồng Ngò có phần không sâu đậm. Trước hết, Ngò hơn tuổi chồng (hơn mười ba tuổi), lí do lấy chồng là do chồng chủ động kêu lấy vì Ngò giống người má mà chồng Lì đã đánh mất từ tuổi thơ. Thứ nữa, Lì (chồng Ngò) sống nay đây mai đó, lang bạt theo những đàn bò; hai vợ chồng cũng chẳng nói chuyện, tâm sự gì nhiều, cảm giác như ai có cuộc sống riêng của người nấy. Tuy nhiên, khát khao của Ngò là giữ hạnh phúc, muốn Ngò ở bên mình lâu hơn. Bởi vậy, những khi chồng vắng nhà, chị luôn cố gắng “*thả bèo giữ nước ao làng, kéo lá thốt nốt về làm rạp che nắng cho cỏ trong vườn*” [34, 94] với “*hi vọng Lì đem bò về vỗ béo*”. Những việc không “*ăn thua đó*” là những việc chị cố gắng làm mặc dù biết là không thể chống được trời. Và đi

Dũng - thể xác là đàn ông nhưng tâm hồn đàn bà - chính là người mà Ngò may mắn có được để đỡ trông vắng, quạnh hiu: “*Ngò cảm thấy thật may khi có một người ở bên để dè bủ, lờm nguýt trong những mùa hạn dằng dai*” [34, 95]; Ngò cũng thấy được chút hi vọng “*đất nhà mình đâu phải không giữ được đàn ông*” [34, 95]. Đó chính là niềm tin để Ngò tiếp tục cố gắng nuôi hi vọng giữ người đàn ông ở mảnh đất ấy. Ngò ước mong có thai để giữ người đàn ông và đó là mong ước chính đáng. Chính vì niềm ao ước mãnh liệt đó mà cô “*vẫn giữ nguyên thế nằm, không tiến Lì ra cửa như mọi khi*” [34, 88], mà “*nằm im chịu trận trong vũng mồ hôi, giữ tụi lãng quăng của Lì ở lâu trong người được chút nào hay chút ấy*” [34, 95]. Giữa cái nắng như rang của mùa khô, hơi nóng ngút lên phủ vào ván vách Ngò nằm, mồ hôi nhều nhại, nhưng với khao khát có con, giữ hạnh phúc, Ngò sẵn sàng chấp nhận “*nằm im chịu trận trong vũng mồ hôi*” như thể có khổ hơn nữa, khó khăn hơn nữa cô cũng vẫn làm. Người đàn bà nào lấy chồng chẳng mong có con, để được thực hiện thiên chức làm mẹ, và cũng là mối dây kết nối tình nghĩa vợ chồng. Ước mong của Ngò rất thực, cũng rất đời.

Còn trong truyện *Nhỏ quán*, nhân vật chính trong truyện là người đàn bà tên Mươi, tuổi đã chớm có “*mùi vị của phai tàn*” được kể bởi người viết truyện xưng “*tôi*”, từ điểm nhìn bên ngoài, nhân vật nữ chính trong tác phẩm bộc lộ tính cách, tâm hồn mình một cách khách quan nhất có thể. Đó là một người đàn bà thuộc típ người “*không thêm tự sáng, coi người họ yêu là bầu trời, không khi*” [34, 37], suốt đời đi theo người họ yêu để chăm sóc, để yêu thương mà không đòi hỏi được nhận lại, cũng chẳng cần danh phận. Hay cũng là vì Mươi đi theo trả “*món nợ thanh tân mà Mươi đã vay khi bỏ đi*” [34, 39] vào ba mươi năm trước. Không gian trong tác phẩm có sự thay đổi, đó là không gian thiên nhiên ở những địa danh, những vùng miền mà nhân vật nữ chính “*nhỏ quán*” theo Cao Bồi. Mùa gió ở Bảy Căn, mùa mưa cù lao Mỹ Khánh, cuối năm ở Đồng Rừng,... Mươi đã đời quán tới cả chục lần, mỗi nơi không gian mỗi khác, vừa kịp quen chỗ mới đã lại dời đi. Đó là không gian lộng gió ở Bảy Căn, quán

com của Mươi dựng vách ta luy của cây cầu bắc qua sông: “*Cái rèm cửa phía tây ngậm một bụng gió, phập phồng như đang đợi. Ba tháng ở đó đúng mùa nước ròng. Cứ sáng ra, sông Cái Lớn dâng tràn nền thị trấn*” [34, 32]. Quán liêu xiêu, người dựng quán tạm bợ ở không lâu, đâu cần dựng chắc chắn. Không gian u uất, thiếu nắng mặt trời ở mùa mưa cù lao Mỹ Khánh, mưa hoài không có một tia nắng làm người buồn hiu quạnh... Khung cảnh Đồng Rừng – Thị trấn cao nguyên nước đỏ như máu. Quán Mươi dựng lên không cần khách, chỉ dành cho Cao Bồi. Buổi tối, Mươi chong đèn dây tóc đỏ lừ chờ, mấy thực khách lỡ độ đường đến không buồn tiếp, uể oải, ngán ngẫm, không thèm kéo ghế cho khách ngồi. Tất cả những gì ngon nhất: cơm trắng xốp, canh khổ qua nóng hổi, mấy con cá trê nướng vàng dầm nước mắm gừng đang chờ Cao Bồi đụng đũa. Tất cả những gì ấm áp, thơm tho Mươi đều “*dành cho người đàn ông ấy*”. Vậy mà người đàn ông ấy lại có vẻ lơ đãng, dửng dưng. Lúc này, Mươi trở nên hoạt bát, cười toe: “*Mươi lượn lách trong cái quán lá chật hẹp, người đàn bà như dòng suối chảy tuôn. Dáng không cao, ngày càng đầy đà, nhưng cơ thể sinh động đến nỗi những sợi tóc trên đường rẽ ngôi, những đốm đồi mồi trở trên mặt cũng phát sáng*” [34, 34]. Đó là ánh sáng của tâm hồn, của tình nghĩa, nó được phản chiếu từ Cao Bồi. Như thế, Cao Bồi chính là nguồn sáng, là sức sống của Mươi. Hình ảnh Mươi có nét giống với ước muốn của “*Bà già đi bụi*” trong một tạp văn của Nguyên Ngọc Tư: Bà già sau khi đã lo xong cho con cái việc dựng vợ, gả chồng, muốn theo ước nguyện “*đi bụi*” cùng “*người tình hẹn ước*”, cùng sống một nơi để có thể chuyện trò, chăm sóc khi tuổi già mà lúc trẻ đã lỡ. Nhưng ước nguyện ấy mãi không thành, bởi lần nào đi cũng gặp trắc trở hoặc bị con cái phát hiện nên chúng tỏ ra quan tâm bà hơn, đẩy cháu cho bà trông cho bà bận rộn và thấy rằng không có bà chúng không thể làm gì được. Và cả ông cũng vậy. Nên mấy lần hẹn chắc như đinh đóng cột đều không thực hiện được. Kết cục, khi bà quyết dứt được khỏi mọi trách nhiệm, thì ông cũng đã không còn nữa, để lại nỗi ngậm ngùi, thương xót

cho người đọc về những khao khát tự do, hạnh phúc của riêng mình ở những người bà, người ông khi người bạn đời của mình đã khuất bóng mãi mãi chỉ là khát khao giấu kín. Dầu sao, Mười còn thực hiện được điều mình muốn, đó là đi theo Cao Bồi tới cùng trời cuối đất, chứ không phải ngậm ngùi tiếc nuối như bà già trong tạp văn kia của nhà văn.

Le Clézio trong tác phẩm của mình cũng thể hiện một cái nhìn khích lệ, động viên, biểu hiện rõ nét ở hai nhân vật Sue và Rosa trong *Ba nàng phiêu lưu*. Sue là một cô gái có cá tính mạnh mẽ. Năm mười ba tuổi cô bắt đầu hẹn hò và bị cha phản đối, cô sẵn sàng vặc lại và bị ăn bạt tai. Năm mười sáu tuổi, sau khi nghe cha nói phải tự làm mà ăn, cô quyết định bỏ nhà đi “*là vì thế giới thì thênh thang vô tận, còn Moline lại quá chùng chật hẹp*” [11, 118]. Và cô đã ra đi, không vắn vương, một mình mưu sinh. Hai năm sau trở về nhà vì nhớ bố mẹ nhưng không gặp được bố mẹ bởi họ đã chuyển đi từ hơn một năm trước, cô bắt xe đi Chicago “*nó lên đường hướng về phương Nam*” [11, 120]. Một hành trình trải nghiệm mới hứa hẹn nhiều thú vị của một cô gái yêu tự do.

Rosa, cả cuộc đời dành cho những đứa trẻ lang thang rách rưới, bà đón những đứa trẻ ấy về, trao cho chúng họ của mình, dạy chúng học, cho chúng cái ăn, cái mặc,... “*Rosa là người mẹ độc nhất của mấy trăm đứa ranh con bị quăng lên vỉa hè Mexico, Morelia, Guadalajara*” [11, 123]. Với ý chí nung nấu từ thơ trẻ và sức mạnh của một con người mang dòng họ Verduzco cao quý, Rosa đã, đang và sẽ làm được điều mình mong muốn: Giúp đỡ trẻ mồ côi. Nhà văn cho người đọc thấy được hành trình thay đổi cảm nhận của Rosa về những đứa trẻ lạc thể hiện rất rõ: Khi còn là đứa trẻ, Rosa được chăm sóc, được chỉ dạy rất kỹ, ban đầu “*nó nhìn chúng không lòng trắc ẩn mà cũng chẳng thù hằn*” [11, 121]. Những đứa trẻ lạc ban đầu đối với Rosa chỉ là sự quan sát, tò mò trong thái độ rất bình thường “*không lòng trắc ẩn mà cũng chẳng thù hằn*”. Tiếp đến “*nó thêm thường nhìn theo*” bọn trẻ. Sau đó, khi chứng kiến một số những đứa trẻ “*tay bị cảnh sát kẹp chặt, mặt xám ngoét, đôi mắt quắc lên như lưỡi dao, chẳng*

hiếu bị người ta dẫn đi đâu, đến một trại giam” [11, 122]. Rosa đã nảy sinh ý tưởng đón những đứa trẻ lạc đó về chăm sóc. Ý tưởng ngày càng *“sục sôi hơn, rõ rệt hơn”*, những đứa trẻ trộm cắp, những đứa trẻ tuôn những lời tục tằn,... sẽ là con của Rosa. Đối với những người khác, bọn trẻ lang thang bị bỏ rơi sẽ là *“quân vô lại”*, là *“mầm mống sát nhân”*, bọn trộm cắp,... thì với Rosa, chúng là con của mình. Nhà văn diễn tả hành trình đi từ nhận thức đến hành động khác người, khác với dòng họ cao quý mà Rosa theo đuổi với cái nhìn chân thực, trân trọng tình cảm và hành động đó của Rosa. Đối lập với thế giới văn minh là không gian của sự tự do, dù không đủ đầy nhưng ngập tràn tình yêu thương mà Rosa đã mang lại cho những đứa trẻ: *“Trong một căn nhà cũ lụi xa khỏi mặt đường, cô đón mười, rồi hai mươi, rồi năm mươi đứa trẻ. Hôm nay, bọn chúng đã hơn ba trăm”* [11, 123]. Lòng quyết tâm của bà được tiếp lửa bằng sức mạnh *“chưa từng rời bỏ”* thể hiện niềm trân trọng của nhà văn về một con người không màng tới hạnh phúc cá nhân để mang lại hạnh phúc cho những người khác. Việc miêu tả toàn bộ cuộc đời của nhân vật Rosa từ điểm nhìn bên ngoài của người kể chuyện toàn thông thể hiện đây là nhân vật thành công trên hành trình kiếm tìm hạnh phúc.

Ta thấy Nguyễn Ngọc Tư và Le Clézio đều có cái nhìn khích lệ, động viên với những nhân vật nữ của mình. Sự trân trọng ý chí, nghị lực vươn lên chính là ngọn nguồn sức mạnh vững vàng trong cuộc sống. Những phẩm chất tốt đẹp của họ dù nhỏ nhất cũng được nhà văn chú ý miêu tả. Bên cạnh đó, các nhà văn bênh vực những nhân vật dù làm đường lạc lối vẫn có những phẩm chất và khát khao vươn lên làm lại cuộc đời.

Như vậy, trong chương này, chúng tôi đã tìm hiểu về các dạng thức biểu hiện nỗi cô đơn, bất hạnh cũng như sự đa dạng của khát khao hạnh phúc ở người phụ nữ; đồng thời lí giải nguyên nhân dẫn đến sự tương đồng ấy. Đó là từ chức năng của văn học: Văn học có nhiều chức năng, trong đó nổi bật là chức năng phản ánh chân thực con người với những khổ đau, nỗi cô đơn, bất

hạnh và khát khao thâm kín. Đặc biệt, người phụ nữ là đối tượng được chú ý trong văn học từ xưa đến nay. Có thể nói, ở thời nào, dù phương Đông hay phương Tây, người phụ nữ cũng phải chịu bao nỗi bất hạnh. Trong văn học dân gian, có biết bao câu ca dao nói lên thân phận của những người phụ nữ ý thức được nhan sắc, phẩm giá của mình nhưng lại không tự quyết định được cuộc đời mình, phải lệ thuộc vào kẻ khác, tiêu biểu như:

Thân em như tấm lụa đào
Phát phơ giữa chợ biết vào tay ai
(Ca dao)

Ở phương Đông, trong đó có Việt Nam, người phụ nữ xưa được phản ánh trong văn chương thường là những người tài sắc nhưng bạc mệnh. Nàng Thúy Kiều trong *Truyện Kiều* của Nguyễn Du đã phải trải qua biết bao sóng gió, bị vùi dập “*Thanh lâu hai lượt, thanh y hai lần*”, cố gắng vươn lên cũng không thể nào thoát kiếp đoạn trường. Người thiếu phụ trong *Chinh phụ ngâm* của Đặng Trần Côn phải sống trong cảnh chăn đơn gối chiếc, vò võ ngóng trông khi mà chồng nàng đi chinh chiến nơi xa. Người phụ nữ dám mạnh mẽ khẳng định giá trị của mình, dám lên tiếng đòi được hưởng tình yêu và hạnh phúc nhưng rốt cuộc vẫn lâm vào bi kịch như Hồ Xuân Hương (thế kỷ XVIII)... Ở phương Tây cũng ghi nhận hình ảnh người phụ nữ kiên trung chờ chồng, thận trọng và mưu trí vượt qua nhiều thử thách để có được hạnh phúc như nàng Pe-ne-lop trong văn học cổ Hy Lạp. Nàng Juliet (*Romeo và Juliet* của William Shakespeare) xinh đẹp, khát khao tình yêu tự do, sẵn sàng chết vì tình yêu ở thời kỳ Phục hưng Châu Âu. Hay nàng Fantine (*Những người khốn khổ* - V. Hugo) - một người con gái đẹp với “*vàng xếp trên mái tóc, ngọc giắt ở sau môi*”, người đẹp trong sáng, thánh thiện ấy cuối cùng đã phải bán răng, bán tóc, thậm chí làm điếm để nuôi con, cuối cùng chết trong cảnh sợ hãi trên giường bệnh, nhắm mắt xuôi tay mà không gặp được con gái yêu của mình. Đây là người phụ nữ bất hạnh nhất - biểu tượng của tình mẫu tử thiêng liêng... Mặt

khác, văn học cũng có chức năng giáo dục con người bằng việc ca ngợi những phẩm chất tốt đẹp, trân trọng con người với những ước mơ và khao khát chính đáng. Chính vì vậy Nguyễn Ngọc Tu đã có những điểm tương đồng với Le Clézio trong cái nhìn về người phụ nữ.

Cuối cùng, văn học Việt và văn học Pháp đều cùng nằm trong xu thế chung của thế giới ngày nay, đó là văn học nữ quyền. Văn học viết về phụ nữ ở giai đoạn trước là nguồn cảm hứng vô tận cho các nghệ sĩ, nhưng chủ yếu là ở cảm quan của các nhà văn thuộc phái nam. Nhắc tới văn học nữ tính trước hết phải nói tới trào lưu văn học xuất phát từ phương Tây, tiêu biểu là Pháp, sau đó lan sang Mỹ và ảnh hưởng tới Trung Quốc, Việt Nam ở phương Đông. Sang thế kỉ XX, văn học Pháp đã có sự bứt phá dữ dội khi một loạt các nhà văn nữ xuất hiện và viết về giới mình trở thành trào lưu văn học nữ quyền. Trào lưu này phát triển ngày càng mạnh mẽ nhằm khẳng định vai trò của nữ giới trên văn đàn và trong xã hội. Mục tiêu chính là đòi quyền bình đẳng giới - quyền chính đáng của con người. Bài viết *Văn học nữ quyền Pháp thế kỷ XX* của Nguyễn Giáng Hương khẳng định: “*Từ năm 1970 ở Pháp hình thành phong trào nữ quyền mới (nouveau mouvement féministe) kế thừa thành công của phong trào nữ quyền ở Mỹ (của Phong trào quyền lợi của phụ nữ (Women’s Rights Movement) vào những năm 60 tiếp diễn vào năm 1968 với Phong trào giải phóng phụ nữ (Women’s Liberation Movement) với quy mô cấp tiến hơn). Thời kỳ này tại Pháp xuất hiện một xu hướng văn học mới là “xu hướng khác biệt”. Đây là xu hướng đề cao sự khác biệt về giới như một cách để nâng cao giá trị của người phụ nữ. Hai gương mặt tiêu biểu của xu hướng này là Antoinette Fouque và Hélène Cixous*” [14]. Cùng với lịch sử phát triển của chủ nghĩa phụ nữ luận, văn học nữ quyền cũng phát triển và trở thành “*một vũ khí tư tưởng quan trọng của công cuộc giải phóng phụ nữ hướng tới sự bình đẳng giới trên mọi lĩnh vực*” [14]. Tất cả các tác phẩm, nghiên cứu trên đều “*góp phần lật đổ những quan niệm nam quyền ấu trĩ, khẳng định vị trí của phụ nữ*

trong xã hội đương thời” [14]. Trong lĩnh vực văn chương, bản thân những tác giả nữ cũng khẳng định trí tuệ, khả năng sáng tạo của họ. Đây cũng là những minh chứng thật nhất về tài năng của người phụ nữ trong văn học và trong tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội. Ở Việt Nam cuối thế kỉ XX, đầu thế kỉ XXI cũng xuất hiện một loạt các cây viết trẻ thuộc thế hệ 7X với bút lực dồi dào. Đó là Phùng Lệ Lí, Y Ban, Nguyễn Thị Thu Huệ, Nguyễn Ngọc Tư, Phan Thị Vàng Anh... Họ đã để lại dấu ấn của mình và từng bước khẳng định vị trí của phái nữ trong nền văn học nước nhà với nhiều tác phẩm và giải thưởng cao trong lĩnh vực văn học. Nội dung chủ yếu của các tác phẩm viết trong thời kì này không chú trọng miêu tả vẻ đẹp ngoại hình mà tập trung miêu tả tính cách, số phận bất hạnh, cô đơn và niềm khát khao hạnh phúc chân chính, đời thường - hạnh phúc gia đình, sự sẻ chia,... Đó là số phận phổ biến và niềm khao khát đó cũng hết sức bình dị - khát khao muôn đời của con người.

Cả Nguyễn Ngọc Tư và Le Clézio đều nằm trong dòng chảy của xu thế văn học Nữ quyền. Đây chính là căn nguyên dẫn tới sự tương đồng trong cái nhìn của họ về người phụ nữ. Các nhà văn phản ánh chân thực về người phụ nữ với những phẩm chất cũng như hạn chế của họ là nhằm mục đích làm cho cuộc sống của người phụ nữ ngày càng tiến bộ hơn. Tuy nhiên, trong sự tương đồng của hai nhà văn vẫn còn có sự khác biệt, bởi văn học không chấp nhận sự lặp lại mà phải luôn tìm tòi, làm mới. Sự khác biệt trong cái nhìn về người phụ nữ của hai nhà văn sẽ được trình bày ở chương 3.

Chương 3

SỰ KHÁC BIỆT TRONG CÁI NHÌN CỦA NGUYỄN NGỌC TƯ VÀ LE CLÉZIO VỀ NGƯỜI PHỤ NỮ

Trong chương này chúng tôi sẽ tập trung lí giải những nguyên nhân khiến người phụ nữ bất hạnh và thái độ bị động, cam chịu, chấp nhận bất hạnh của người phụ nữ trong tập truyện *Không ai qua sông* của Nguyễn Ngọc Tư. Đồng thời cũng sẽ tìm hiểu những nguyên nhân khiến người phụ nữ vất vả trên hành trình kiếm tìm hạnh phúc cũng như thái độ tích cực, chủ động nắm bắt cơ hội tìm thấy hạnh phúc của người phụ nữ trong tập *Những nẻo đường đời và những bản tình ca khác* của Le Clézio. Từ đó, chúng tôi sẽ rút ra kết luận về sự khác biệt trong quan niệm nghệ thuật của hai nhà văn về người phụ nữ.

3.1. Người phụ nữ trong tập truyện *Không ai qua sông*

3.1.1. Nguyên nhân khiến người phụ nữ bất hạnh

Trong tập truyện *Không ai qua sông*, Nguyễn Ngọc Tư đã khắc họa hình ảnh người phụ nữ miệt vườn sông nước đồng bằng sông Cửu Long nơi xóm nhỏ Nhơn Thành đầy biến động. Những người phụ nữ trong tập truyện đều có số phận bất hạnh. Có nhiều nguyên nhân khiến cho người phụ nữ bất hạnh, cả nguyên nhân khách quan và nguyên nhân chủ quan.

Về nguyên nhân khách quan, chúng ta nhận thấy thế giới bắt đầu từ chế độ Mẫu quyền chuyển sang chế độ Phụ quyền phù hợp với xu thế phát triển chung của xã hội loài người. Từ hái lượm cần đôi bàn tay khéo léo của người phụ nữ, dần dần, con người cần săn bắn để tìm kiếm thức ăn rồi làm những công việc đòi hỏi sức khỏe của người đàn ông. Chính vì vậy, họ dần được coi trọng và chiếm giữ vai trò độc tôn trong gia đình và xã hội. Ở phương Đông, nền văn hóa chủ yếu chịu ảnh hưởng của tư tưởng Nho giáo. Người phụ nữ luôn phải tuân theo “*Tam tòng*” (tại gia tòng phụ, xuất giá tòng phu, phu tử tòng tử), “*Tứ đức*” (công, dung, ngôn, hạnh). Ngày nay, ở nước ta, mặc dù đang trong giai đoạn quá độ lên chủ nghĩa xã hội, người phụ nữ đã được coi

trọng hơn, sự bất bình đẳng giới đang từng bước được xóa bỏ. Tuy nhiên, về tư tưởng vẫn còn nhiều hạn chế. Đó chính là những rào cản, làm nảy sinh những bất công và khiến cho những người phụ nữ vẫn còn nhiều bất hạnh. Thói gia trưởng, tư tưởng “*trọng nam khinh nữ*” đã ăn sâu bám rễ trở thành những định kiến không dễ gì xóa bỏ.

Theo Bách khoa toàn thư mở Wikipedia: “*Định kiến là những ý kiến, quan điểm đã được hình thành, trước khi nhận thức các dữ kiện có liên quan hoặc biết rõ những thông tin liên quan của một sự kiện cụ thể. Từ định kiến thường được sử dụng để miêu tả những nếp suy nghĩ, quan điểm thường không thuận lợi, đánh giá chủ quan đối với người hoặc một nhóm người, bởi vì giới tính, quan điểm chính trị, quan hệ xã hội, tuổi tác, tôn giáo, chủng tộc/dân tộc, ngôn ngữ, quốc tịch, hình dáng bên ngoài hay là đặc điểm cá nhân khác, từ đó dẫn đến việc phân biệt đối xử. Định kiến của một tập thể, một nhóm người, một xã hội, thường được gọi là định kiến xã hội*” [46].

Định kiến xã hội có nhiều tác hại. Đó là cho phép đàn ông đối xử tàn nhẫn với phụ nữ dẫn tới nạn “*bạo hành gia đình*” đang báo động hiện nay. Truyện ngắn *Không ai qua sông* phản ánh vấn nạn ấy thông qua việc miêu tả đoàn tuần hành vì phụ nữ của bà con miệt vườn với khẩu hiệu “*Không nên đánh phụ nữ bằng một cành hoa*”. “*Cuộc đi bộ tháng Ba*” này là vì một chị vừa xuất viện, và vì những người đàn bà khác ở xứ Mù U. Bởi nơi đây có biết bao người phụ nữ bị chồng đánh. Căng thẳng nhất là vụ “*người đàn bà bị chồng dùng đũa than nóng xiên qua mắt phải*” [34, 21], bởi bị đánh hoài nên chị ta không có phản ứng tự vệ, không chạy trốn đòn roi như mọi khi nữa? Cuộc đi bộ này phải chẳng thất bại ngay ở khẩu hiệu, bởi chính bọn trẻ còn nhận ra và thắc mắc: “*Vậy đánh bằng cây củi có được không ta?*” [34, 18]. Suy nghĩ của bọn trẻ nít đơn giản mà sao cũng thâm thía đến lạ! Những người trong cuộc đi cho có chứ không hẳn về mục đích mà Hội phụ nữ muốn vận động. Đi tuần hành để tuyên truyền cho chị em và mọi người nắm được quyền bình đẳng

của mình, nhưng chỉ một “*cuộc đi bộ*” mà người trong cuộc còn không hiểu và không tin vào những điều mình đang làm thì làm sao có thể thay đổi được tư duy của mọi người? Thậm chí, để đi cho đỡ vướng, họ còn rủ nhau cuộn băng ngăn lại, rút cuộc trên đó chỉ còn chữ “*nên đánh phụ nữ*” như cuộc đi bộ “*xúi giục bạo hành*”. Trên hết là thái độ của mọi người: Một thím chơi tứ sắc không thèm ngẩng lên nói: “*mắc cười, bộ biểu tình thì không bị đánh nữa sao?*” [34, 22]. Họ không tin là việc tuyên truyền, vận động có thể thay đổi được cục diện cuộc sống xưa nay. Chính vì thế mà “*Câu hỏi đó cứ văng vào cuộc tuần hành, ở cái động tác nheo mắt nhả khói cười của mấy ông nhậu ven đường, của những cô gái hé cửa sổ ra dòm rồi hờ hững khép lại, ở vài chị đàn bà lặn ngụp dưới mé sông nhỏ bông súng ma, nhìn đám người đi qua như một đám rước linh thiêng chẳng liên quan đến mình*” [34, 22]. Mấy bọm nhậu ven đường với “*động tác nheo mắt nhả khói cười*” như coi thường, như chế nhạo, những cô gái trẻ thì hờ hững, dửng dưng coi như không liên quan tới mình “*hé cửa sổ ra dòm rồi hờ hững khép lại*”, còn “*vài chị đàn bà*” thì nhìn đám người tuần hành “*như một đám rước linh thiêng*”. Như vậy, đối với những người dân nơi đây, bạo hành đã trở thành điều hiển nhiên, không cách gì có thể thay đổi được. Và bạo hành cũng như tư tưởng đàn bà phải phụ thuộc vào đàn ông, phải có đàn ông mới sống được, dù anh ta có vũ phu, có gia trưởng hay thích “*tìm của lạ*” ra sao. Tư duy ấy mặc nhiên được chấp nhận mà không ai định thay đổi. Chính vì suy nghĩ còn ấu trĩ đó mà nạn bạo hành cũng như những hệ lụy của nó vẫn còn tồn tại cho tới tận bây giờ, ở trong xã hội đang dần hiện đại hơn. Đó là những định kiến không phải ngày một ngày hai có thể xóa bỏ được.

Cùng với nạn “*bạo hành*”, định kiến còn biểu hiện ở tư tưởng của chính những người đàn bà. Trầm trong *Không ai qua sông* chữa hoang, người ta không quan tâm cha đứa bé là ai, mà chỉ quan tâm tới thái độ của Trầm và thái độ của Trầm với mọi người mà thôi. Trong khi đó, dân gian đã bênh vực những người phụ nữ “*không chồng mà chữa*” qua câu:

*Không chồng mà chữa mới ngoan
Có chồng mà chữa thế gian chuyện thường*

(Ca dao)

Ở thế kỷ XVIII, nữ sĩ Hồ Xuân Hương cũng đã lên tiếng bênh vực người phụ nữ với bài thơ *Không chồng mà chữa*. Ở đây, câu ca dao và bài thơ của Hồ Xuân Hương muốn nói đến ý thức, trách nhiệm của người đàn ông đối với người phụ nữ.

*Cả nể cho nên hóa dở dang,
Nỗi niềm chàng có biết chẳng chàng.*

Vì “*cả nể*” nên chỉ mình người phụ nữ chịu “*dở dang*”, lỡ làng. Nhà thơ trách những kẻ đàn ông dám làm không dám chịu, cuối cùng, mượn ý của ca dao, Hồ Xuân Hương đã khẳng định:

*Quản bao miệng thế lời chên lệch
Không có, nhưng mà có, mới ngoan
(Không chồng mà chữa) [47]*

“*Không có*” chồng, “*nhưng mà có*” chữa “*mới ngoan*” cũng là lời thách thức dư luận, bảo vệ những người phụ nữ không may nhẹ dạ trao thân cho người. Nguyễn Ngọc Tư phản ánh những định kiến ấy vẫn còn tồn tại cho đến tận ngày nay. Nhà văn viết: “*Trầm có sinh chục đứa con hoang nữa cũng chẳng sao, nhưng đi đường phải cúi gằm, cảm vừa đi vừa ca cùng con nít, mắt mũi tươi giòn làm bọn đàn bà khác hoang mang*” [34, 21]. Người không chồng mà có con theo họ không được ngẩng mặt, không được “*tươi giòn*”. Tức là chính bản thân họ có sự phân biệt đối xử với những người cùng giới mình...

Trong truyện *Nút áo*, Tím cũng chịu ảnh hưởng không nhỏ từ những định kiến xã hội. Tím bị người ta hăm hiếp năm mười lăm tuổi, nỗi đau ấy đeo bám cô suốt cả đời, không chỉ bởi bản thân cô không muốn quên, mà người làng cũng luôn nhớ mà kể đi kể lại thành giai thoại mỗi khi ai đó hỏi thăm về Sáu Tím: Cuộc coi mắt “*có khi kết thúc ngay lúc người con trai ghé quán đầu*

xóm để hỏi nhà Sáu Tím. Phải Tím Nút Áo thì qua đò kia là tới. Vụ nút áo là sao hả? Vậy, hỏi con nhỏ mười lăm tuổi...” [34, 27]. Do đó, mẹ cô nghĩ chắc Tím phải bỏ xứ đi may mới kiếm được tấm chồng. Định kiến xã hội tồn tại từ bao đời đã khiến cho những người phụ nữ phải chịu cảnh sống cô đơn, bất hạnh.

Định kiến cũng cho phép đàn ông đối xử tệ với phụ nữ cả về thể xác và tinh thần, biểu hiện ở việc người đàn ông coi thường phụ nữ như ở truyện *Mưa mây*. Chồng Ngò thích đi thì đi, thích về thì về, “*chẳng ngoái nhìn, chẳng hứa hẹn hôm nào về lại, đi là đi một nước*”; phóng xe máy “*net pô hung hăng*”, “*để lại sau nó là con vắng sâu hút, đến chóng mặt*” [34, 88]. Thậm chí, Li cũng không bao giờ cho vợ biết mình đang ở đâu, làm gì: “*Nó (Li) đang dựng trại võ béo bầy trâu ở đâu đó, mà nó không bao giờ nói trong những cuộc điện thoại thất thường*” [34, 94]. Hay trong mối quan hệ giữa Vĩnh và Miên (*Đi thật xa mới đến nhà bạn cũ*), Vĩnh coi quan hệ yêu đương với một người con gái là niềm vui. Với Vĩnh, mối quan hệ của mình và Miên chỉ là vui chơi qua đường, không lấy gì làm sâu sắc “*Chỉ là lơ đãng đi qua đời nhau, da diết gì đâu mà giữ lại luôn giọt máu, giỡn hoài*” [34, 71]. Mà Vĩnh không biết hậu quả để lại là Miên phải đối mặt với tai tiếng của người đàn bà không chồng mà chửa, những vất vả của người mẹ đơn thân.

Mặt khác, định kiến tồn tại dai dẳng bắt nguồn từ quá khứ, còn hiện tại, người phụ nữ vẫn phải sống trong cảnh cô đơn bất hạnh bởi mặt trái của quá trình đô thị hóa: Dân dôi đất lấy tiền đền bù, ngồi chơi không chịu lao động mà chỉ nhậu nhẹt, thanh niên sinh hư, ăn chơi, con gái thì đi làm tiếp viên,... (*Đát*), điều này có căn nguyên từ phía Nhà nước chưa có chính sách giải quyết phù hợp cho người nông dân. Trào lưu lấy chồng ngoại quốc khiến cho người phụ nữ miệt vườn lâm vào bi kịch những cô dâu Việt ở xứ người (*Lời yêu*),... Thêm vào đó, cuộc sống của những người dân nơi đây còn nhiều khó khăn, người dân thất học, bọn trẻ nít cũng không được tới trường, thông tin còn hạn chế... Những chuyện ở bên ngoài xóm, ở nơi khác đến được nơi đây là từ những

chuyện kể của khách du lịch hay những người buôn bán nơi khác tới. Điều này thể hiện trong truyện ngắn *Tiêu tụy vòng quanh, Đất,...* Ở *Tiêu tụy vòng quanh*, có một thằng nhỏ luôn luôn háo hức muốn những *thứ tươi mới của cuộc đời*, muốn khám phá thế giới ngoài kia, ngoài cái làng mà nó đã thuộc lòng tất cả như đã “*nuốt trọn cái làng cổ*”. Nó “*mơ ước*” được tận mắt nhìn thấy “*ngọn tháp ngạo mạn chọc ngoáy vào những bó chóp*”, muốn “*sống trong một đêm Bắc Âu trời vẫn sáng trưng*” [34, 82],... Nhưng rốt cuộc dòng đời vẫn “*tiêu tụy vòng quanh*”, thằng bé đã bỏ làng đi rồi mười bốn năm sau trở về tay chai sạn, người đầy sẹo, mang theo đứa bé nói chưa sôi,... và thay cha làm việc cắt vó cho khách du lịch chụp ảnh chơi, việc mà trước đây nó thấy thật nhàm chán. Hay những chuyện không xác định thực hư do những người thiến heo, vá xoong vá dép, bán cao đơn hoàn tán ghé quán đụt nắng kể lại: “*Đâu đó họ ngâm thai nhi dị dạng trong hủ, rồi bán vé cho người ta coi. Một bà già chín mươi lên xe hoa với chú rể mười chín tuổi...*” [34, 124]. Rồi những chuyện ở Nhơn Thành cũng được người ta mang đi xú khác: Mở ngày ra là tiếng bà Huế Mười gọi con, khép ngày là tiếng nạng anh Bảy Cụt cùng tiếng chửi xối vào từng nóc nhà những cái xấu xa mà không phải ai cũng dám nói. Nhịp sống ở Nhơn Thành là vậy. Buồn như vòng đời tiêu tụy không lối thoát. Tất cả những điều này là nguyên nhân khách quan dẫn tới sự bất hạnh của người phụ nữ miệt vườn.

Về mặt chủ quan, bản thân những người phụ nữ cũng nhận thấy những bất hạnh của mình nhưng họ hầu như không có phản ứng, nếu có thì cũng chỉ là những phản ứng yếu ớt. Nghiên cứu các truyện ngắn trong tập *Không ai qua sông*, có thể thấy nguyên nhân sâu xa khiến cho người phụ nữ bất hạnh là bởi chính bản thân của họ. Ngày nay, nhân loại đã bước sang thế kỷ XXI, trong hoàn cảnh xã hội nước ta đang hội nhập và phát triển, con người đã tích cực, chủ động trong cuộc sống. Thế nhưng người phụ nữ trong văn Nguyễn Ngọc Tư nói riêng và phụ nữ Việt Nam nói chung vẫn còn những hạn chế về cơ bản. Đây chính là nguyên nhân quan trọng dẫn tới *Thái độ cam chịu, bị động, chấp*

nhận bất hạnh của người phụ nữ mà chúng tôi sẽ làm rõ ở mục 3.1.2 của chương này.

3.1.2. Thái độ cam chịu, bị động, chấp nhận bất hạnh của người phụ nữ

Khi gặp bất hạnh, thái độ chung của những người phụ nữ là cam chịu, bị động, chấp nhận. Do đó, họ không có được hạnh phúc. Hầu như tất cả các nhân vật nữ trong tập truyện *Không ai qua sông* của Nguyễn Ngọc Tư đều có thái độ này. Họ chưa có ý thức vươn lên để thoát khỏi bi kịch hoặc có chăng chỉ là những cố gắng yếu ớt không đủ sức làm thay đổi cuộc đời bất hạnh của mình. Duy chỉ Thiếp trong *Không ai qua sông* có le lói chút biểu hiện của niềm hi vọng vươn lên tìm hạnh phúc. Bất hạnh của Thiếp là có cậu út từ hồi nhỏ đã ham ăn “*giờ đuổi giạt mấy bà chị để giành miếng đất*” [34, 20]. Thiếp có lỗi với chồng, đặc biệt là với con vì đã bỏ nhà theo người đàn ông khác. Nhưng chị đã hối hận mà quay về tìm con, mong nhận lại được con. Nhà văn viết: “*chị đang ở lại Mù U, và sẵn sàng làm bất cứ gì, để được nói với con gái mình, mẹ đây!*” [34, 23]. Khát khao cháy bỏng trong lòng Thiếp thể hiện ở quyết tâm dù phải làm gì, bằng bất cứ giá nào cũng sẽ chấp nhận và cố gắng để con có thể chấp nhận lại người mẹ như mình. Còn lại, các nhân vật đều cam chịu, không hành động, chấp nhận số phận.

Lặng lẽ hi sinh vì người khác là một trong những đức tính tốt đẹp của người phụ nữ Việt Nam. Họ sống trong âm thầm, không thổ lộ tình cảm, cũng không đòi hỏi được đáp trả. Nhưng chính vì chấp nhận hi sinh mà người phụ nữ phải sống trong cảnh cô đơn, không có được hạnh phúc. Đây là biểu hiện của quan niệm sai lầm về sự hi sinh. Bởi vì với người phụ nữ hiện đại, cam chịu không phải là hi sinh mà nó thể hiện sự nhu nhược, nhẫn nhục dẫn tới đồng lõa với những cái xấu, cái ác đang tồn tại. Tất cả những nhân vật nữ trong tập truyện *Không ai qua sông* của Nguyễn Ngọc Tư như Miên (*Đi thật xa mới tới nhà bạn cũ*), Mười (*Nhỏ quán*), Nhí (*Lời yêu*), Lê (*Dây diều*), Cẩm (*Tiểu tụy vòng quanh*),... đều là những người phụ nữ như thế. Trong chương này, chúng tôi chỉ

dừng lại ở việc phân tích cụ thể thái độ cam chịu, bị động, chấp nhận bất hạnh của ba nhân vật tiêu biểu là Thâm (*Thâm*), Ngò (*Mưa mây*), Út Mươi (*Đất*).

Thâm trong truyện ngắn cùng tên cũng là một đứa trẻ lớn lên mà không biết cha mình là ai. Tính cách ngang ngược và không thể gần gũi được với người thân duy nhất là mẹ, cô chạy đòn roi của mẹ miết thành quen, nhờ vậy mà có “*cặp chân vàng*” của ma ra tông nước nhà. Thâm sống âm thầm như tên gọi mãi mốt đuổi theo cái bóng của mình trên đường chạy, không cảm xúc với cuộc sống ồn ào ngoài kia, cô sống trong tâm thức. Chi tiết trở đi trở lại và đặc tả đó là bóng của Thâm. Cô rất quan tâm tới bóng của mình. Trên đường chạy, Thâm chỉ chú ý tới bóng mình như người bạn đường tin cậy, khi thiếu bóng (ngày mưa, ngày không nắng) cô cảm thấy buồn. Bạn đường hỏi chuyện, cô làm lơ, không phải vì mệt mà vì mãi mê thả hồn theo bóng: “*Tìm cách vượt lên hoặc tụt lại đằng sau, chỉ để ngó bóng mình. Vất sườn qua taluy, nó ghé tai sát miệng vực nghe ngóng âm thanh từ dưới ấy, tiếng cành khô gãy và lá va nhau, tiếng con chi Thắt Thẻo kêu quéo ruột. Ở thời khắc bóng trĩu dần vào miệng vực thì một hẻm núi trờ tới, bóng bỗng vụt đứng lên, vững chãi, như chưa từng có giây phút yếu lòng*” [34, 58]. Cô phát hiện ra bóng đầy biến ảo trong khung cảnh đường núi, trên những con đường đông người, hòa với thiên nhiên, bóng đổi thay, sống động như tâm hồn Thâm mãi mốt hướng theo bóng chứ không hòa nhập mình với nhịp sống hối hả ngoài kia: “*Nhịu vào bóng của người hát rong, ngã dài trên hang rào của người Mèo phơi váy áo sặc sỡ, đắm mình vào dòng suối ven đường, hoặc môn lên những vạt trảng nguyên đồ buốt cả trong mơ*” [34, 58]... Nhà văn khắc họa hình ảnh một con người cô đơn, sống một mình với chiếc bóng, thả hồn với bóng mình, sợ bóng mình vụt mất, mờ ảo, tan vỡ... Gặp lại người đàn ông gieo thương nhớ cho mình bởi bàn tay đặt trên rốn khi nằm nghỉ trên đường chạy ở Tam Đảo, cô cũng không thể nào với tới được, lặng câm, như chưa từng biết, nhưng nghe lòng “*bồn chồn*”, vì người đàn ông ấy đã có người yêu. Thâm nhận thấy mình không thể nào với tới được: “*Bóng*

Thầm đổ lên tán dù nên không chạm được vào người anh, như đã từng oằn ngọn vào bóng bạn đường trong cái nắng xiên khoai một chiều Tam Đảo” [34, 64]. Cảm nhận về cô với cuộc đời không thực tế mà vẫn chỉ qua cái bóng của chính mình. Bóng Thầm chỉ “*đổ lên tán dù không chạm được vào người anh*” biểu tượng cho tình cảm của cô với anh sẽ chẳng khi nào có được. Nó cũng vô hình không có thật. Do đó, cô chấp nhận phớt lờ khi anh vẫy chào, cô lại đắm mình trong nỗi đơn côi cùng với cái bóng của mình. Giống như mẹ mình, cô cũng sống lặng lẽ: “*Mẹ cô tìm gì trong những chương trình truyền hình kiểu như “gỡ rối nhà nông”, “thế giới ngôi sao”, “công nghệ và đời sống”. Rốt cuộc, bà tìm kiếm gì ngoài những tiếng người?*” [34, 67]. Phải chăng là tìm sự sẻ chia - tiếng người - ở trong ngôi nhà xưa nay vẫn vắng bóng? Thầm vẫn sống đơn côi, nghe “*tuổi tác đang chậm rãi đến*” với mình. Chọn sống thầm không vương vấn, không lo chồng con, Thầm sống trong mặc cảm “*ai thêm lấy con đàn bà như mình*”. Phải chăng mẹ Thầm cũng sống cô đơn trong ngôi nhà của mình, thêm những tiếng người? Kết truyện bằng một câu hỏi lửng, còn Thầm thì vẫn lang thang vô định, ngoài những đường chạy, còn chạy, còn đau, nghĩa là còn sống. Nhưng ý chí thép, con tim mạnh mẽ cũng không thể nào chống lại nỗi tuổi tác đang chậm rãi đến với Thầm. Và cô với bản tính âm thầm ấy có chăng sẽ cùng số phận tương lai giống như mẹ mình, chết trong cô đơn, không người thân nào ở bên?

Ngò trong *Mưa mây* thì cam chịu sống mỗi mòn trong đợi chờ người chồng thoát về, thoát đi như cơn mưa bóng mây mùa hạ. Mưa chưa kịp ướt áo đã ngưng, chồng về thoáng cái chưa kịp vui đã lại đi không hẹn ngày trở lại. Vợ chồng sống với nhau mà như hai kẻ xa lạ, ít chuyện trò, chỉ lặng theo đuổi ý nghĩ của riêng: “*Nó đang dựng trại võ béo bầy trâu ở đâu đó, mà nó không bao giờ nói trong những cuộc điện thoại thất thường*” [34, 94]. Ngò cứ lầm lũi ngóng đợi, khi nào chồng về thì biết vậy, khi nào đi cũng không hay: “*Mỗi lần Lì về rồi đi, Ngò lại nghĩ biết đâu nó không quay lại*” [34, 94]. Chẳng dám hỏi

han xem chồng đang ở đâu, chẳng dám đòi theo khi chồng đi, Ngò cứ đợi, cứ chờ, mặc cho số phận đẩy đưa. Cô cũng không chủ động thẳng thắn nói lên mong ước, nguyện vọng của mình mà cứ sống với niềm lo âu thấp thỏm rằng mảnh đất này liệu có giữ được đàn ông? Mà thật ra, giữ được hay không là do hành động của con người, ở hành động thiết thực của Ngò chứ không phải mấy việc vô nghĩa mà cô cố làm. Cứ thế, cô cam chịu, chấp nhận sống phụ thuộc vào ý thích của chồng nên để cuộc sống của mình cô đơn, hạnh phúc mong manh.

Truyện *Đất* đặt điểm nhìn vào trong nhân vật “em”, ta thấy những suy nghĩ và nội tâm của hình tượng người nữ chính này được soi tỏ, sâu sắc. Gần với em là không gian thiên nhiên đong đầy tâm trạng: “*Chỉ khi mờ sáng, trời vãi gió cho bụi nhìn trùng trùn tay vẩy, vật đồng sống động lên. Nhìn phía nào cũng như có người. Ở xa ngó lại, chắc họ nghĩ người nhà em còn đông. Hồi dựng chúng, em chỉ muốn nhìn quanh đỡ quạnh*” [34, 125]. Bất lực trước sự mòn mỏi của các thành viên trong gia đình, sự thừa vắng người, Út làm bạn với đám bụi nhìn để đỡ quạnh vắng, đơn côi. Bụi nhìn vốn là những thứ người giả mà nông dân dựng lên để xua đuổi chim. Vậy mà ở đây, “em” lại dựng chúng lên để làm bạn thay cho người: Khi “*trời vãi gió*”, bụi nhìn “*trùng trùn tay vẩy*”, như “*phía nào cũng có người*”. Bụi nhìn được dựng lên để khỏi quạnh vắng. Như vậy, con người dần trở nên tách biệt với thế giới loài người, mất dần cơ sở để tồn tại, như chị em Nương trong “*Cánh đồng bất tận*” cũng dần quên tiếng người, nghe hiểu tiếng vịt, thậm chí có thể nói chuyện với vịt. Sự cô quạnh biểu hiện thật đáng thương cho những kiếp người dần bị đánh mất đi quyền làm người. Khung cảnh “em” - một thiếu nữ và chị Ba đã “*tự bóc vỏ dưới nắng*”, không cảm giác ngượng ngùng, bởi nỗi đau mà đất, lúa đang nhuộm máu xanh kia lớn hơn nhiều nỗi bất lực của thể xác: “*Đòng đòng bị nghiền dưới bánh xe xích, máu xanh hòa vào nước chân ruộng. Cái cản trước của xe làm lì chạm vào em, khối sắt không run rẩy, không xúc động*” [34, 153]. Đứng trước lời kêu cứu của đất, của lúa đương thì bị máy xúc ủi cưỡng chế, mọi phản đối đều vô hiệu.

Sự vô cảm, dửng dưng đã lên đến tột đỉnh của những con người chỉ biết đến lợi ích của bản thân mà quên đi nỗi đau mất ruộng đất của người nông dân. Chỉ khi anh Hai lao đến, “*tả toi trên bộ vạc*” thì họ - những người “*cướp đất*” mới bỏ đi. Đó là một cảnh tượng hãi hùng, nhưng người chứng kiến hầu như vô cảm trước cái chết, trước nỗi đau của đồng loại. Những “*người ở lại*” của gia đình “*em*” cứ mòn mỏi chờ đợi và như bị bỏ quên trước doi đất bị chiếm dần mất năng của nhà mình.

Nhìn chung, người phụ nữ trong truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Tư có số phận bất hạnh, bởi họ có thái độ cam chịu, thụ động, không dám vươn lên để thay đổi cuộc sống. Họ sống trong xã hội đang thay đổi từng ngày nhưng dường như tâm lý và đời sống tinh thần chưa bắt kịp nên tư tưởng chấp nhận, buông xuôi làm cản trở sự bình đẳng trong xã hội, khiến họ vẫn mãi bất hạnh như thế. Thông điệp cuối cùng mà nhà văn gửi gắm trong truyện *Đất* chính là “*không có tên mình không là gì, không là ai, và không còn gì hết*” [34, 169]. Không có tên nghĩa là mình không tồn tại hay chỉ là những bóng ma trong đời? “*Mình có hay không, ma hay người?*” [34, 169], câu hỏi khắc khoải, nhức nhối độc giả: Con người sống không mục đích, không dám thực hiện khát khao thì thật vô nghĩa.

3.2. Người phụ nữ trong tập truyện *Những nẻo đường đời và những bản tình ca khác*

3.2.1. Nguyên nhân khiến người phụ nữ vất vả trên hành trình tìm kiếm hạnh phúc

Trong cuộc đời mỗi con người, hạnh phúc là mục đích cuối cùng mà ai cũng mong mỏi và cố gắng đạt được. Trên hành trình kiếm tìm hạnh phúc, con người cũng phải trải qua biết bao khó khăn, vất vả. Đôi khi, hạnh phúc cũng chỉ đơn giản là trân trọng những gì mình đang có. Người phụ nữ trong tập truyện *Những nẻo đường đời và những bản tình ca khác* của Le Clézio cũng trải qua nhiều vất vả trên hành trình kiếm tìm hạnh phúc của mình. Có nhiều nguyên nhân khiến cho họ không dễ dàng có được hạnh phúc.

Trước hết, về nguyên nhân khách quan, chúng ta nhận thấy Pháp là một đất nước tư bản chủ nghĩa rất phát triển, xã hội văn minh khiến cho nhiều khi con người cảm thấy ngọt ngào. Bởi lẽ, rất nhiều quy tắc xã hội khiến con người mất tự do, các công trình mọc lên làm mất đi vẻ đẹp tự nhiên vốn có khiến con người muốn tìm về với những cổ xưa, nét truyền thống của người dân du mục: “*dòng sông hùng vĩ bị bùng vì những mảng bê tông xám xịt*”, “*động vật không còn cất tiếng nói và bản thân con người cũng đánh mất các dấu hiệu của mình*” [11, 93]... Cô bé mười lăm tuổi trong *Mộng phiêu du* cảm thấy cuộc sống trong kí túc xá với những quy tắc, luật lệ, bài học và những con số thật tẻ nhạt và tù túng. Cuộc sống nơi đô thị phồn hoa kia đã đánh mất giá trị sống đích thực của con người. Khi ấy “*những mảng bê tông xám xịt*” thể hiện sức mạnh chinh phục tự nhiên của người châu Âu chẳng có nghĩa lí gì khi nó đã như bức tường rào ngăn cách con người với thế giới, khiến “*dòng sông hùng vĩ bị bùng*”. Quan trọng hơn, cô bé nhận thấy “*con người cũng đánh mất các dấu hiệu của mình*”. Khi con người không còn là mình nữa, đánh mất cả “*dấu hiệu của mình*” thì chỉ còn là một cỗ máy vô tri, không cảm xúc. Mặt trái của xã hội văn minh là khi con người chỉ sống bằng lí trí thì họ sẽ bỏ qua những tình cảm của trái tim. Vì thế, con người sẽ dễ dàng bị rơi vào trạng thái cô đơn. Theo quan điểm của Le Clézio, không gian văn minh đô thị khiến con người ngọt ngào, mất tự do, ở đó, con người sẽ cô đơn, bất hạnh; chỉ khi nào trở về với thiên nhiên hoang dã, hòa mình vào cuộc sống tự nhiên con người mới có được hạnh phúc. Tiêu biểu là trường hợp của Maramu trong *Gió phương Nam*. Cuộc sống ở đảo cùng cha con cậu bé Tupa là quãng thời gian Maramu cảm thấy hạnh phúc nhất. Le Clézio là nhà văn không chú trọng vào việc miêu tả ngoại hình nhân vật, nhưng khi đã dụng công miêu tả thì điều đó thể hiện dụng ý nghệ thuật rõ nét. Maramu chính là trường hợp như vậy. Ngoại hình của Maramu qua lời kể của Tupa có những nét đẹp của sự hoang dã: “*Maramu là con người kì lạ nhất. Cô có thể bắt chọt vào nhà chúng tôi, như một nữ thần*

với làn da sẫm, khuôn mặt trẻ thơ, đôi mắt hiền từ và cách xa nhau, và khi cái nhìn của cô trở nên mệt mỏi, con mắt trái lão đảo khiến cô nhuốm vẻ thần thờ. Đặc biệt nhất là cô có mái tóc đẹp tuyệt trần, bông bênh và đen nhánh, nó trùm lấy người cô và buông ngang hông như một món đồ trang sức hoang dã” [11, 152] và “*Cô chuyên đời đi chân đất, chỉ mang một chiếc váy quần thất lại trên ngực*” [11, 152]. Qua đây ta có thể thấy cuộc sống của Maramu gắn liền với không gian hoang dã và cô thích cuộc sống hoang dã. Từ ngoại hình đến hành động của Maramu được thể hiện ra không theo một khuôn phép mà tự do, phóng khoáng. Cuộc sống hoang dã trên đảo làm Maramu cảm thấy vui vẻ và hạnh phúc, cô cùng cậu bé Tupa trò chuyện rồi đi chơi quanh đảo “*Chúng tôi thông dong thả bộ, giống như đang dò tìm điều gì, trên một tấm thảm mượt mà sống động, và ngọn sóng dập dồn vờn đẩy chúng tôi, tung bọt vào mắt chúng tôi. Rồi chúng tôi trở về căn nhà mát rượi. Cha tôi đã mang hoa quả về. Tôi còn nhớ rõ là Maramu cất lời hát, nhớ về ánh chiều ấm áp, có cảm giác rằng tất cả những thứ đó sẽ mãi mãi bất diệt*” [11, 154]. Maramu lúc đầu ở thế giới văn minh nhưng cô thấy mình lạc lõng với cuộc sống đó, đến ngay cả đứa con trai của cô, những người thân cũng không có sự nối kết, gắn bó. Trốn chạy khỏi cuộc sống văn minh sang cuộc sống hoang dã, cô thấy vui vẻ và hạnh phúc: Tự do làm những điều mình muốn không chịu sự chi phối của luật pháp, của những quy định khắt khe trong xã hội văn minh. Đối với ba mẹ con Hélène trong *Những nẻo đường đời* cũng vậy. Khoảnh khắc duy nhất họ có được sự kết nối với nhau chính là ở “*trong đêm giông, khi E’douard vắng nhà, sông Duero tràn bờ chảy qua làng*” [11, 64] tại Mexico. Hình ảnh ba mẹ con trong đêm tối, nước lũ tràn nhưng tình cảm mẹ con mới bùng lên đầy xúc động: “*Hélène đánh thức Clémence, bà xóc con bé Pervenche lên và mấy mẹ con trèo lên bàn trong phòng khách. Họ chờ ở đấy, gần như không nói năng gì, nép sát vào nhau như đàn gà trong cái ổ lơ lửng trên cao*” [11, 65]. Những hành động cuồng cuồng, khản trương của Hélène không thể ngăn dòng lũ, nhưng hành động liên tiếp

“đánh thức”, “xóc”, “trèo” lên bàn của mấy mẹ con thể hiện sự gắn bó của họ. Điều này cho thấy chỉ khi sống nơi hoang dã, gần gũi với thiên nhiên, con người mới tìm thấy sự kết nối với gia đình. Đây cũng là khoảng thời gian mà Pervenche và Clémence có những kỉ niệm tuổi thơ sống động, vui vẻ: Hai chị em đi xem con khỉ nhện bị xích đã “*cười như nắc nẻ*”, hòa với đám trẻ trong đêm đùa giỡn và cười vang cả khu phố nghèo... Còn khi trở về Pháp, kỉ niệm lùi xa, mỗi người mãi chạy theo hạnh phúc của mình khiến họ rời xa nhau, không có sự quan tâm, kết nối. Hậu quả là Pervenche trượt dốc với các tệ nạn còn Clémence dù đỗ đạt nhưng không thể giúp em thoát ra khỏi vũng lầy nên bị dày vò hằng đêm với những ác mộng “*mồ hôi nhễ nhại*”... Ta thấy trở về với tự nhiên là xu hướng mà con người thời hiện đại ngày nay đang mong muốn và thực hiện để có được những giây phút nghỉ ngơi, thanh nhàn, hạnh phúc.

Mặt khác, quan hệ gia đình của những người phương Tây cũng bị chi phối bởi lối tư duy “*duy lý*”. Nếu như ở phương Đông, gia đình có thể có nhiều thế hệ cùng sinh sống hình thành các kiểu gia đình “*tam đại đồng đường*” (ông bà, cha mẹ, con - cháu), thậm chí “*tứ đại đồng đường*” (ông bà, cha mẹ, con cái, cháu chắt) với mối dây liên hệ là huyết thống. Kiểu gia đình này quan tâm tới anh em, họ hàng, dòng tộc dễ dẫn đến tư tưởng gia đình trị phổ biến ở xã hội phương Đông: “*Một người làm quan cả họ được nhờ*” làm cản trở sự phát triển của xã hội. Tuy nhiên, xét về mặt tích cực thì trong gia đình con cái sẽ được bao bọc, quan tâm, chăm sóc bởi trách nhiệm của cả gia đình, nhất là bố mẹ. Còn ở phương Tây, gia đình chủ yếu là những gia đình nhỏ, chỉ có cha mẹ và con cái sống chung. Còn các thế hệ khác như ông bà sẽ sống riêng, tự do, ít phụ thuộc vào con cháu. Đặc trưng văn hóa gia đình ở đây là coi trọng tự do, tính độc lập, tự chủ. Ngay từ nhỏ, trẻ em đã được rèn luyện tính kỉ luật để chuẩn bị cho cuộc sống tự lập của tương lai. Mặt tích cực của điều này là con người được tự do, không bị gò bó, áp đặt, nhưng mặt khác, không phải đứa trẻ nào cũng dễ dàng hòa nhập được vào thế giới của người lớn. Nhà văn đã thể

hiện sự không đồng tình với quan điểm bỏ mặc những đứa trẻ vị thành niên lặn lội với cuộc sống ở xã hội này. Pervenche (*Những nẻo đường đời*) là trường hợp tiêu biểu cho con người cô đơn bất hạnh vì không được quan tâm, chia sẻ từ gia đình. Mẹ và chị gái là người thân của cô nhưng dường như sự kết nối với họ rất mong manh. Bà Hélène - mẹ cô là người vô trách nhiệm với con cái, bỏ mặc chúng để chạy theo hạnh phúc cá nhân mà không biết rằng bà đã làm đảo lộn cuộc sống của những đứa con. Chính sự vô trách nhiệm của mẹ, sự thiếu quan tâm của người chị đã đẩy Pervenche đến cảm giác cô đơn và bỏ nhà đi mong tìm được hạnh phúc nhưng chỉ gặp thất bại. Bởi lẽ cô bỏ đi theo người yêu, nhưng người yêu cô là kẻ nghiện ngập nên cô cũng trượt dài trong rượu, ma túy,... Trong *Mộng phiêu du*, nhà văn thể hiện điều này qua cảm nhận của cô bé mười lăm tuổi: “*bước vào thế giới người lớn thật khó khăn*” [11, 93]. Trong hành trình khám phá thế giới, cuộc sống mới của con người, cô bé mười lăm tuổi còn cảm nhận được “*Cái ác hiện ra khắp nơi nơi, nó lê la trong các hành lang khách sạn của gái làng chơi, trong những phòng khách sang trọng trên những màn hình khổng lồ những bộ phận sinh dục phụ nữ toang hoác như những con sao sao*” [11, 102]. Cái xấu và cái ác tồn tại ở mọi nơi, đe dọa và có thể nhấn chìm con người xuống đáy vực bất cứ lúc nào nếu ta không đủ bản lĩnh. Cùng với đó là sự vô cảm của đồng loại sẽ đẩy con người vào sự cô đơn tuyệt đối. Kalima - cô gái đáng thương không có người thân nào bên cạnh, chị gái cô cũng biến mất khỏi cuộc đời cô, bỏ cô “*trơ chọi*” với đời. Từ “*trơ chọi*” thể hiện tận cùng sự đơn độc của con người. Cô bị xã hội ghẻ lạnh, chối bỏ. Cô muốn dời đi nơi khác, trốn chạy để thoát khỏi cuộc sống cô đơn nhưng không được, cô phải làm gái điếm để sống rồi bị đâm chết trên đường phố vắng lạnh, không một ai tiếc thương trừ Bruno. Theo ông, gia đình cần phải có sự chia sẻ, quan tâm tới con cái một cách đúng mức; để cho chúng tự do phát triển đồng thời phải có sự kết nối và định hướng để tránh khỏi những cô đơn, vấp ngã trong cuộc đời. Xã hội cũng cần phải quan tâm tới con người, nếu như phân

biệt đối xử hoặc dửng dưng, thờ ơ với đồng loại thì con người sẽ đánh mất nhân tính tốt đẹp vốn có.

Về mặt chủ quan, ta thấy đa phần những người phụ nữ trong truyện ngắn của Le Clézio gặp phải cô đơn, bất hạnh ở vào độ tuổi vị thành niên (7/10 nhân vật). Ở lứa tuổi này, con người vẫn còn nhiều bỡ ngỡ, chưa có nhiều kinh nghiệm sống nên gặp phải những khó khăn, vất vả trên hành trình kiếm tìm hạnh phúc là điều đương nhiên. Cô bé mười lăm tuổi (*Mộng phiêu du*) và Sue (*Ba nàng phiêu lưu*) khao khát sống tự do, nhưng cũng không dễ dàng để đạt được. Bởi với một thiếu nữ tuổi mười lăm, mọi điều của cuộc sống còn quá lạ lẫm, quyết định theo tiếng gọi thôi thúc trong tâm tưởng hay chấp nhận cuộc sống ngọt ngào hiện tại cũng là điều buộc cô phải lựa chọn. Còn Sue, cô muốn được sống tự do theo ý thích không muốn sự bó buộc của gia đình, cô cũng phải lựa chọn sống dựa vào gia đình hay bỏ nhà đi dần bước vào đời? Những khó khăn, những lựa chọn mà nhà văn đặt ra cho nhân vật, và họ cũng đã nhanh chóng chọn được hướng đi đúng cho mình... Mặt khác, những người phụ nữ trong tập truyện của Le Clézio cũng có quan niệm sai lầm về hạnh phúc. Nền văn minh phương Tây đề cao tự do và cái tôi cá nhân, nhưng khi cái tôi được đẩy lên đến mức tuyệt đối sẽ trở thành chủ nghĩa cá nhân cực đoan, con người sẽ trở nên ích kỉ, chỉ biết theo đuổi hạnh phúc của mình mà bỏ qua hạnh phúc của người khác, kể cả con mình. Tiêu biểu là trường hợp của Hélène trong những nẻo đường đời, bà mãi mê theo đuổi hạnh phúc cá nhân theo những người tình, bỏ mặc các con với quan điểm “*nó có cuộc sống của nó, mẹ có cuộc sống của mẹ*” khiến con mình (Pervenche) rơi vào tình cảnh khốn cùng nhất cũng không quan tâm.

Cuộc sống vốn dĩ đầy những khó khăn, khắc nghiệt cũng những ngã rẽ. Đứng trước một sự việc, con người bắt buộc phải lựa chọn: Chùn bước và chấp nhận hay đương đầu với thử thách? Mặc dù có những khó khăn, vất vả nhưng do những người phụ nữ phương Tây luôn tích cực, chủ động nên cuối cùng họ

đã hái được trái ngọt trong hành trình kiếm tìm hạnh phúc của mình. Điều này sẽ được lí giải ở mục 3.2.2.

3.2.2. Thái độ tích cực, chủ động nắm bắt cơ hội, tìm thấy hạnh phúc của người phụ nữ

Khác với những người phụ nữ trong truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Tư, người phụ nữ trong tác phẩm của Le Clézio có thái độ tích cực, chủ động nắm bắt cơ hội và tìm được hạnh phúc cho mình. Họ không cam chịu nhẫn nhịn như đa phần người Việt Nam, bản chất của họ là bản chất của những người dân gốc du mục: mạnh mẽ vươn lên, đương đầu với thử thách và nắm giữ hạnh phúc. Nhiều tác phẩm trong tập truyện *Những nẻo đường đời và những bản tình ca khác* thể hiện điều đó. Chúng tôi cũng chỉ lựa chọn ba nhân vật tiêu biểu là Pervenche (*Những nẻo đường đời*), Maramu (*Gió phương Nam*) và Cô bé mười lăm tuổi (*Mộng phiêu du*) để đi sâu phân tích, lí giải sự chủ động, tích cực để tìm thấy hạnh phúc của người phụ nữ.

Trong *Những nẻo đường đời*, các nhân vật đều có được hạnh phúc mà mình theo đuổi bằng sự chủ động tích cực vươn lên. Nhân vật thể hiện rõ nhất điều này chính là Pervenche. Nhà văn đã chỉ ra rất rõ hành trình đi tìm kiếm cuộc sống tự do và hạnh phúc của nhân vật này. Đó là một hành trình đầy khó khăn, gian khổ của một đứa trẻ mới lớn, đang tuổi vị thành niên. Cô bé bỏ nhà ra đi vì sự vô tâm của người mẹ. Nó chán ghét cuộc sống hiện tại nên nó quyết định bỏ mẹ, bỏ chị để đi tìm một cuộc sống mới mà theo nó có thể mang lại niềm vui và hạnh phúc. Nhưng sự lựa chọn cách sống này của Pervenche là sai lầm khi ngày nào nó cũng sống xung quanh toàn là rượu và tình dục, thậm chí cả ma túy. Cuộc sống của nó khi đó quẩn quanh, bế tắc, phức tạp và luôn có nguy hiểm rình rập. Những chi tiết chân thực về cuộc sống của Pervenche được nhà văn miêu tả: “*Cuộc sống trong căn hộ đầy rẫy những điều không thể lường trước. Thỉnh thoảng mấy đứa con gái lượn đến, ở lại một đêm rồi đi. Vài đứa trong số đó, người ta không gặp lại. Chúng thượng trong phòng khách, trước ti*

vi đang bật, và hút và uống cùng gã lưu manh vừa cười rinh rích. Nhìn chúng người ta khỏi cần băn khoăn chúng kiếm sống bằng cách nào” [11, 28]. Trong căn hộ tồi tàn, sự sống trở nên “bầy đàn”, bê tha, bệ rạc, vô nghĩa, chúng “hút và uống cùng gã lưu manh vừa cười rinh rích”. Nhà văn cũng đưa ra giải pháp để cho Pervenche thoát khỏi cuộc sống tăm tối, ngột ngạt và nhiều nguy hiểm này khi để cho Clemence đến thăm và khuyên giải em. Nhưng Clemence cũng đành bất lực không kéo được em ra khỏi vũng bùn này “Clemence khó lòng nhận ra nó, chị không gặp nó đã hai năm rồi. Pervenche sực mùi thuốc lá và rượu” [11, 40]. Cuộc trò chuyện của hai chị em trở cũng gay gắt, ngột ngạt và bế tắc, hai người hai suy nghĩ khác nhau và cuối cùng thì Clemence bất lực ra về, còn Pervenche lại tiếp tục cuộc sống vất vưởng, tăm tối. Cuộc sống của Pervenche còn tồi tệ hơn, rơi vào vực thẳm không lối thoát khi Laurent bán nó cho Dax. Có thể nói, đây là khoảng thời gian đen tối, u ám nhất đối với nó, nó bị cách li hoàn toàn với thế giới bên ngoài. Đau khổ, sợ hãi, tuyệt vọng... là những cảm giác mà Pervenche có lúc này. Tuy nhiên, với lòng ham sống mãnh liệt, cuộc đời cô bé lại bước sang một trang mới, thoát khỏi vực thẳm bấy lâu cô bị rơi vào khi được giải cứu (Laurent ân hận hành động của mình, báo cảnh sát giải thoát Pervenche) và sinh ra bé Tania. Tania chính là hiện hữu cho niềm vui, sự đổi đời, đem lại ý nghĩa cuộc sống cho cô. Pervenche đã có cơ hội để thay đổi cuộc sống, nhìn đời tươi đẹp hơn sau khi làm mẹ. Cô rời bệnh xá đến ở làng Mazaugues, nơi sinh sống của những người mẹ đơn thân vị thành niên và những người phụ nữ bị chồng bạo hành bỏ trốn: “Bao quanh nhà là một vườn hoa rộng có những con vật, những con gà, những con ngỗng và một con chó to lông xù (...) Thật yên tĩnh, đầy ắp tiếng cười và sự tươi trẻ...” [11, 83]. Cuộc sống làng quê với hoa cỏ và những con vật gà, ngỗng, chó... thật bình dị, yên tĩnh và hơn tất cả là niềm vui “đầy ắp tiếng cười”. Ở đây, nhà văn miêu tả khung cảnh thiên nhiên tràn đầy sức sống, ngoại cảnh thể hiện tâm cảnh của con người: “Sáng ra, khu vườn kêu lách tách vì băng giá. Những con ong hút

nhụy trên những bông hoa đầu tiên. Chim cổ đỏ trong các bụi cây. Thậm chí, thảng hoặc vào lúc rạng đông chú họa mi đánh thức những người con gái để kể họ nghe những câu chuyện tình” [11, 84]. Không gian rộng mở, sáng tươi, trong trẻo của khu vườn mà lần đầu tiên Pervenche nhìn thấy thể hiện niềm vui tươi khi cô bắt đầu với cuộc sống mới. Đó là không gian chan hòa với đủ âm thanh, sắc màu, mùi vị: Âm thanh cuộc sống thiên nhiên tạo sự yên bình của “khu vườn kêu lách tách vì băng giá”, “chú họa mi đánh thức những người con gái để kể cho họ nghe những câu chuyện tình”, màu sắc “Chim cổ đỏ trên các bụi cây”, và mùi vị “ong hút nhụy trên những bông hoa đầu tiên”. Đúng là: Người vui thì cảnh cũng vui. Những hình ảnh thiên nhiên trong trẻo và đẹp đẽ được Pervenche mở hồn cảm nhận bằng tất cả các giác quan của mình. Giờ đây cô bé mới cảm thấy cuộc sống có ý nghĩa, cô bắt đầu làm lại cuộc đời, sống cuộc sống bình dị nhưng thực sự vui vẻ và hạnh phúc. “Pervenche học lại tất cả. Học nói, học hát, học đỡ đần việc bếp núc, học giặt tã cho trẻ, học sơn lại cửa chớp trong nhà” [11, 84]. Nhà văn sử dụng biện pháp liệt kê, một loạt các hoạt động tươi vui, tràn đầy sức sống: học nói, học hát, học phụ bếp núc, học cách làm mẹ... Những việc mà trước đó Pervenche chưa từng nghĩ đến và chủ động học. Pervenche đã thực sự tìm lại được niềm hạnh phúc bằng thái độ tích cực, chủ động nắm lấy khi nó mỉm cười: “Tania ở đấy, đang bò trườn giữa những đứa trẻ khác. Pervenche bật cười, nó cảm thấy thật tự do” [11, 87]. Tự do, nụ cười của Pervenche chính là biểu hiện cao nhất niềm hạnh phúc mà cô đang được hưởng.

Khát khao có được hạnh phúc là điều ai cũng có, nhưng hạnh phúc nhiều khi không tự tìm đến mà con người cần phải nỗ lực, chủ động nắm bắt cơ hội thì mới có thể đạt được niềm mong ước. Trong *Gió phương Nam*, cô gái Maramu đã có quyết định đúng đắn để nắm bắt hạnh phúc của mình. Một cô gái mạnh mẽ, tên của cô nghĩa là gió phương Nam, ngọn gió mới như ước mơ về một miền đất hứa, nơi gọi ra niềm khát khao về một phương trời hạnh phúc

rộng mở. Ở tuổi còn trẻ nhưng cô đã trải qua tất cả trải nghiệm của cuộc đời: tình yêu, sinh nở,... Bởi cô là một cô gái mang trong mình dòng máu của người dân du mục mạnh mẽ, quyết đoán. Cô xuất hiện “*như một nữ thần với làn da sẫm, khuôn mặt thơ trẻ, đôi mắt hiền từ*” [11, 152], cô có mái tóc đẹp tuyệt trần, bông bênh và đen nhánh. Cô quyết định đi cùng Tomy, bởi: “*Anh ấy tốt bụng, anh ấy khá giả, anh ấy có một khách sạn ở Hawaii. Ngày mai, chị sẽ già, Tupa ạ. Chị sẽ đến đó, anh ấy sẽ là tané của chị, chị không còn ai khác*” [11, 160]. Cô biết mình sẽ già đi theo thời gian, nên khi gặp người đàn ông tốt, cô đã nắm bắt cơ hội để có được hạnh phúc. Thay vì chọn đi về Pháp cùng Bob (cha của nhân vật xưng “*tôi*”), bởi “*chỗ ấy xa quá, chị mới là người sẽ chết*” [11, 160]. Maramu đã quyết định đứng khi để Tupa đoàn tụ cùng mẹ ở Pháp, còn cô đi sang Pháp với Tomy. Ở đó, Maramu không còn cảm giác cô đơn, lạc lõng khi có sự yêu thương của Tomy, họ cùng nhau đi vòng quanh thế giới để tận hưởng hạnh phúc: “*Tôi nghe nói cô đã lấy Tomy và đi vòng quanh thế giới*” [11, 165]. Tomy là điểm tựa tinh thần vững chắc để cô dung hòa được cuộc sống ở xã hội văn minh có được hạnh phúc.

Khi khát khao chỉ âm thầm như ngọn lửa trong lòng mà không làm gì đó để đạt được thì cũng chỉ là khao khát. Muốn đạt được những gì mình muốn thì cần phải hành động chứ không thể chỉ thụ động chờ đợi. Những người phụ nữ trong tập truyện của Le Clézio thường chủ động, tích cực vươn lên tìm hạnh phúc cho mình. Họ không âm thầm chịu đựng sống cô đơn, bất hạnh mà luôn mạnh mẽ nắm bắt cơ hội thực hiện ước mơ. Họ dám dấn thân, dám đương đầu với thử thách để rồi nhận được cái kết có hậu. Trong *Mộng phiêu du*, cô thiếu nữ mười lăm tuổi, độ tuổi như bông hoa chớm nở, vẫn còn chưa hiểu hết những tiếng gọi từ “*hoài niệm về các dân tộc du mục, cư dân của hoang mạc, cư dân của biển cả*” [11, 93]. Cô nhận thấy bước vào thế giới của người lớn thật khó khăn, khi mà sự văn minh đô thị đã làm mất đi những huyền bí mà thiên nhiên vốn có: “*dòng sông hùng vĩ bịt bùng vì những mảng bê tông xám xịt*”, “*động*

*vật không còn cất tiếng nói và bản thân con người cũng đánh mất các dấu hiệu của mình”... Cô muốn tìm về với những cái cổ xưa, thuở du mục, nơi không có những con số, giấy phép, hồ sơ lưu trữ, sổ hộ khẩu,... Cô thuộc về thế giới đôi lập với sự văn minh hiện đại, thế giới du mục tự do của tổ tiên mình. Có một sức mạnh vô hình nào đó ở thế giới ấy đã làm động lực giúp cô bé dung cảm bước đi trong đêm, hòa vào thế giới ấy, và cô đã ra đi, “*cô tự do*”. Cô đã đạt được nguyện ước của mình khi dám dũng cảm chấp nhận đi về thế giới của các dân tộc du cư cổ xưa, của sa mạc cát, thung lũng... Chỉ có ở đó cô mới thoát khỏi cuộc sống ngột ngạt nơi kí túc xá, nơi mà cô cố sống thì cũng chỉ là cái bóng, còn tâm hồn thì đã hướng về sự tự do như dân tộc của mình.*

Những người phụ nữ trong tập truyện của Le Clézio mang trong mình bản chất phiêu lưu, tính cách mạnh mẽ. Chính vì vậy họ dám chủ động dấn thân vào cuộc sống mà mình lựa chọn; đặc biệt, họ biết nắm bắt cơ hội tìm được hạnh phúc cho mình. Đó là kết quả xứng đáng mà họ nhận được khi có thái độ sống tích cực. Sự chủ động, dám làm những gì mình muốn là điều rất cần ở con người, nhất là những người trẻ hiện đại trong cuộc sống ngày nay.

Như vậy, ở chương này, chúng tôi đã phân tích, lí giải những nguyên nhân dẫn tới sự khác biệt trong quan niệm nghệ thuật của hai nhà văn về người phụ nữ trong hai tập truyện *Không ai qua sông* của Nguyễn Ngọc Tư và *Những nẻo đường đời và những bản tình ca khác* của Le Clézio. Những điều kiện về địa lí, trình độ phát triển, tư duy, văn hóa khu vực... của hai quốc gia khác nhau dẫn tới sự khác biệt trong thái độ sống của những người phụ nữ trong hai tập truyện của Nguyễn Ngọc Tư và Le Clézio. Cụ thể, sự khác biệt của hai nền văn hóa Đông Tây có sự chi phối đến cách nhìn của hai nhà văn về thái độ ứng xử của người phụ nữ trước những sự kiện, biến cố trong cuộc sống. Văn hóa phương Đông đề cao cái chung, cái Ta khiến cho con người dễ dẫn tới tư tưởng an phận thủ thường, thụ động, chấp nhận số phận chứ ít dám đấu tranh, vươn lên làm chủ cuộc sống. Ngược lại, văn hóa phương Tây đề cao cái riêng, cái Tôi giúp con người luôn luôn tích cực, chủ động đương đầu với những khó

khăn, thử thách, làm chủ cuộc đời. Mặt khác, Nguyễn Ngọc Tư cũng là phụ nữ, trong cách nhìn của chị ngoài sự xót xa, thương cảm còn có cả sự đồng cảm sâu sắc. Chị có thể hiểu rõ hơn và chỉ ra những điểm mạnh cũng như điểm yếu của giới mình. Còn Le Clézio đầu sao cũng thuộc phái nam, cách nhìn của ông về người phụ nữ đương nhiên cũng có sự khác biệt nhất định. Đó là những căn nguyên dẫn tới sự khác biệt của hai nhà văn trong miêu tả và phản ánh người phụ nữ.

Về nghệ thuật, hai nhà văn cũng có sự khác nhau trong cách thể hiện tâm lý, thái độ của người phụ nữ. Nguyễn Ngọc Tư chủ yếu sử dụng một điểm nhìn trần thuật để phản ánh số phận người phụ nữ cùng khát khao của họ. Tuy nhiên, chị lại rất thành công trong sử dụng những hình ảnh mang tính chất biểu tượng, có giá trị nghệ thuật cao. Đó là hình ảnh dòng “sông” mang ý nghĩa về sự cách trở, ngăn bước con người không dám vượt thoát số phận ngay trong nhan đề tập truyện. Hay hình ảnh “đất” biểu tượng cho sự cố hữu, bất di bất dịch, vừa đáng quý nhưng cũng gợi lên sự ngột ngạt, vòng quanh không lối thoát của con người... Còn Le Clézio tỏ ra là bậc thầy của cách kể chuyện đa điểm nhìn, vận dụng nhuần nhuyễn nghệ thuật miêu tả không gian, thời gian để khắc họa tâm lý, tình cảnh của nhân vật với những trang văn độc đáo, đặc sắc, đầy ấn tượng.

Chỉ ra những điểm khác biệt trong cái nhìn của hai nhà văn về người phụ nữ để thấy được nguyên nhân khiến họ khổ đau, bất hạnh hay có được hạnh phúc sẽ giúp cho người đọc hiểu hơn về cuộc sống, con người và nét đặc trưng của các vùng miền văn hóa khác nhau. Và dù ở đâu, dù khác nhau như thế nào đi chăng nữa thì ta cũng thấy được cả hai nhà văn đều có cái nhìn nhân ái đối với con người, đặc biệt là người phụ nữ.

KẾT LUẬN

Mục đích của luận văn là tìm kiếm, phát hiện những nét tương đồng và khác biệt trong cách nhìn về người phụ nữ của Nguyễn Ngọc Tư và Le Clézio qua hai tập truyện *Không ai qua sông* (Nguyễn Ngọc Tư) và *Những nẻo đường đời và những bản tình ca khác* (Le Clézio). Đồng thời lí giải nguyên nhân dẫn tới sự tương đồng và khác biệt đó của hai nhà văn. Trên cơ sở đã khảo sát, nghiên cứu của hai tập truyện qua nội dung trình bày ở ba chương, chúng tôi rút ra một số kết luận sau:

1. Nguyễn Ngọc Tư và Le Clézio mặc dù ở hai quốc gia, hai khu vực với hai nền văn hóa khác nhau nhưng cũng có những điểm tương đồng trong quan niệm nghệ thuật về người phụ nữ. Đó là những người phụ nữ ở đâu trên thế giới cũng đều có nỗi cô đơn, bất hạnh trong cuộc sống. Bên cạnh đó, nhà văn cũng ca ngợi những phẩm chất, những khát khao hạnh phúc dù là nhỏ nhất của họ. Bởi vì con người nói chung đều có những nỗi bất hạnh cũng như khát khao nhất định. Mặt khác, mỗi nhà văn khi cầm bút bao giờ cũng xuất phát từ con người với quan niệm “*Văn học là Nhân học*”, tất cả vì sự phát triển tiến bộ của con người.

2. Nguyễn Ngọc Tư và Le Clézio bên cạnh những sự gặp gỡ trong quan niệm nghệ thuật về người phụ nữ thì giữa hai nhà văn vẫn có những điểm khác biệt nhất định. Sự khác biệt này bắt nguồn từ quan điểm riêng của hai nhà văn về hạnh phúc của con người. Với Le Clézio, cuộc sống ở xã hội văn minh, tù túng, ngột ngạt nên con người luôn cảm thấy bất an; ở đó, con người thiếu sự quan tâm, sẻ chia, dũng cảm, vô cảm nên họ luôn cô đơn; cuộc sống nơi thiên nhiên hoang dã mới là nơi lý tưởng nhất để con người có được hạnh phúc. Do đó, chỉ khi về với cuộc sống hoang dã, cổ xưa, con người mới tìm được cho mình chốn yên bình để được tự do, hạnh phúc. Còn với Nguyễn Ngọc Tư thì ở đâu cũng sẽ hạnh phúc nếu con người biết chủ động vươn lên trong cuộc sống, nắm bắt cơ hội, biết buông bỏ những định kiến, đấu tranh hướng tới những điều

tích cực; ngược lại, nếu cứ cam chịu, thụ động thì sẽ phải đối mặt với cô đơn, bất hạnh suốt đời.

3. Trong cuộc sống, con người luôn cần sự quan tâm, chia sẻ và giúp đỡ lẫn nhau không chỉ ở gia đình mà là toàn xã hội. *Sống trong đời sống cần có một tấm lòng* để lan tỏa những điều tốt đẹp, để những người phụ nữ trên thế giới luôn cảm thấy hạnh phúc, loại bỏ những tiêu cực, bất hạnh là thông điệp mà các nhà văn hướng tới, trong đó có Nguyễn Ngọc Tư và Le Clézio.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Thành Ngọc Bảo (2008), *Đặc điểm truyện ngắn Nguyễn Ngọc Tư*, Luận văn thạc sĩ, Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh.
2. Lê Huy Bắc (2013), *Văn học hậu hiện đại lí thuyết và tiếp nhận*, NXB Đại học sư phạm, Hà Nội.
3. Lê Huy Bắc tuyển chọn và giới thiệu (2003), *Truyện ngắn hậu hiện đại thế giới*, NXB Hội Nhà văn, Hà Nội.
4. Nguyễn Thị Hồng Chuyên (2010), *Đặc điểm lời thoại nhân vật trong truyện ngắn Nguyễn Ngọc Tư*, Luận văn thạc sĩ, Đại học Sư phạm Thái Nguyên.
5. Trần Hữu Dũng, *Nguyễn Ngọc Tư đặc sản miền Nam*, <http://www.vietstudies.info/NNTur>.
6. Đặng Anh Đào (2002), *Đổi mới nghệ thuật tiểu thuyết phương Tây hiện đại*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
7. Lương Thị Hải (2012), *Phong cách truyện ngắn Nguyễn Ngọc Tư*, Luận văn thạc sĩ, Đại học Sư phạm Thái Nguyên.
8. Lê Bá Hán, Trần Đình Sư, Nguyễn Khắc Phi (2006), *Từ điển thuật ngữ Văn học*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
9. Jean Chevalier - Alain Gheerbrant (2002), *Từ điển biểu tượng văn hóa*, NXB Đà Nẵng.
10. J.M.G Le Clézio (2000), *Người chưa bao giờ thấy biển*, NXB Hội Nhà văn, Hà Nội.
11. J.M.G Le Clézio (2015), *Những nẻo đường đời và những bản tình ca khác*, NXB Hội Nhà văn, Hà Nội.
12. J.M.G Le Clézio (1997), *Sa mạc*, NXB Hội Nhà văn, Hà Nội.
13. J.M.G Le Clézio (2010), *Vòng xoáy*, NXB văn học, Hà Nội.
14. Nguyễn Giáng Hương (2012), *Văn học nữ quyền Pháp thế kỷ XX*, liluanvanhoc.com, Internet, ngày 04/5/2012.
15. Huỳnh Kim (2005), *"Gặp Nguyễn Ngọc Tư"*, Báo Cần Thơ, 25/12/2005.

16. Chu Lai (2004), *"Đối thoại với "Cánh đồng bất tận"*, Báo Tuổi trẻ, ngày 12/4/2004.
17. My Lan (2016), *Không ai qua sông: Những mảnh đời u buồn miền sông nước* <http://news.zing.vn/04/04/2016>.
18. Dương Mai Liên (2014), *Ý thức nữ quyền trong văn xuôi Vũ Thị Xuân Hà*, Luận văn thạc sĩ, Đại học Đà Nẵng.
19. Huy Minh (2017), *Những nẻo đường đời và những bản tình ca khác - Khúc hát ngọt ngào của những người phụ nữ*, docsach.org, 05/02/2017.
20. Phạm Thị Hồng Nhung (2012), *Chất Nam Bộ trong truyện ngắn Nguyễn Ngọc Tư*, Luận văn thạc sĩ, Đại học Sư phạm Thái Nguyên.
21. PetroTimes, *"Lũ mục đồng": bước vào thế giới của những giấc mơ*, 19/6/2016 Theo bản dịch của Trần Ngọc Hiếu: *Tự do để mơ*, bài thuyết trình của J.M.G Le Clézio trong buổi seminar về nhà thơ Pháp Lautréamont tại Đại học Oklahoma.
22. Nguyễn Quang - Minh Trí (2013), *Từ điển tiếng Việt*, NXB Hồng Đức, Hà Nội.
23. Hữu Thịnh (2006), *"Người đọc bắt được sóng của trái tim và tài năng"*, Báo Tuổi trẻ, ngày 12/4/2006.
24. Nguyễn Minh Thu (2012), *Người kể chuyện trong truyện ngắn Nguyễn Ngọc Tư*, Luận văn thạc sĩ, Đại học Sư phạm Thái Nguyên.
25. Nguyễn Ngọc Tư (2000), *Ngọn đèn không tắt*, Nxb Trẻ, TP. Hồ Chí Minh
26. Nguyễn Ngọc Tư (2009), *Ngày mai của những ngày mai*, (tạp văn), NXB Phụ nữ, Hà Nội.
27. Nguyễn Ngọc Tư (2010), *Khói trời lộng lẫy*, Nxb Thời đại, Hà Nội.
28. Nguyễn Ngọc Tư (2010), *Truyện ngắn Nguyễn Ngọc Tư*, NXb Văn hóa - văn nghệ TP. Hồ Chí Minh.
29. Nguyễn Ngọc Tư (2011), *Gió lẻ và 9 câu chuyện khác*, NXB Trẻ, Hà Nội.
30. Nguyễn Ngọc Tư (2011), *Tạp văn Nguyễn Ngọc Tư*, NXB Trẻ, Hà Nội.
31. Nguyễn Ngọc Tư (2014), *Sông*, NXB Trẻ, TP. Hồ Chí Minh.
32. Nguyễn Ngọc Tư (2015), *Cánh đồng bất tận*, NXB Trẻ, TP. Hồ Chí Minh.

33. Nguyễn Ngọc Tu (2015), *Cuối mùa nhan sắc*, NXB Văn học, Hà Nội.
34. Nguyễn Ngọc Tu (2016), *Không ai qua sông*, NXB Trẻ, TP. Hồ Chí Minh.
35. Phùng Văn Tửu (2002), *Tiểu thuyết Pháp hiện đại những tìm tòi đổi mới*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.
36. Lê Hồng Tuyên (2011), *Thế giới nhân vật trong truyện ngắn Nguyễn Ngọc Tu*, Luận văn thạc sĩ, Đại học Sư phạm Thái Nguyên.
37. Nguyễn Thị Thanh Xuân (2013), *Vấn đề phái tính và âm hưởng nữ quyền trong văn xuôi Việt Nam đương đại (Qua sáng tác của một số nhà văn nữ tiêu biểu)*, Luận án tiến sĩ, Học viện Khoa học xã hội, Hà Nội.
38. Website: www.viet-studies.info/NNTu (chuyên trang về Nguyễn Ngọc Tu do Trần Hữu Dũng lập).
39. Website: www.facebook.com/nguyennngoc4 (facebook Nguyễn Ngọc Tu).
40. Website: phongdiep.net/default.asp?action=article&ID=18830, *Văn xuôi nữ - Làm mới hay tự đánh mất “đặc sản tâm hồn?”* (bài viết của Hoàng Đăng Khoa).
41. Website: <http://www.thesaigontimes.vn/143982/Khong-ai-qua-song-cua-Nguyen-Ngoc-Tu.html>.
42. Website: <https://downloadsach.com/sach-kinh-dien/nguoi-chua-bao-gio-thay-bien.html>.
43. Website: <http://tapchisonghuong.com.vn/tap-chi/c128/n1194/Giai-Nobel-van-hoc-2008-J-M-Le-Clezio-nha-van-du-muc.html>.
44. Website: <http://giaitri.vnexpress.net/tin-tuc/sach/lang-van/toa-dam-ve-tac-gia-le-clezio-va-tac-pham-bao-3156873.html>.
45. Website: http://viet-studies.net/NNTu/NNT_NguyenTrongBinh_2.htm
46. Website: <https://vi.wikipedia.org>
47. Website: http://poem.tkaraoke.com/11553/Khong_Chong_Ma_Chua.html